

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua Hóa chất, vật tư xét nghiệm, khí y tế tại Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân năm 2026 - 2027” với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá : Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên : Lê Tiến Dũng

- Chức vụ : Trưởng khoa Dược - Vật tư - Thiết bị y tế

- Số điện thoại : 0912.448.850

- Địa chỉ email : [hongnhung271022@gmail.com](mailto:hongnhung271022@gmail.com)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ : Lê Tiến Dũng – 0912.448.850 – Khoa Dược - Vật tư - Thiết bị y tế – Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân (Thôn Nam Xuân, Xã Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa).

- Nhận qua email : [hongnhung271022@gmail.com](mailto:hongnhung271022@gmail.com)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 16h ngày 04/12/2025.

- Các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

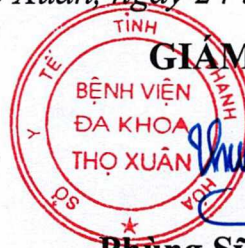
5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày báo giá.



## II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm, khí y tế cần báo giá: Phụ lục kèm theo.
2. Địa điểm cung cấp: Hàng hóa được giao tại Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân. Hàng hóa phải đảm bảo chất lượng, bảo quản và vận chuyển theo tiêu chuẩn, yêu cầu của nhà sản xuất.

*Thọ Xuân, ngày 24 tháng 11 năm 2025*



**GIÁM ĐỐC**

**Phùng Sỹ Thường**





# DANH MỤC MẶT HÀNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

Gói thầu: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, khí y tế tại Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân năm 2026 - 2027

(Kèm theo Thư mời chào giá ngày 24/11/2025 của Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân)

| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                                           | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|          |               | <b>I. HÓA CHẤT THEO MÁY</b>                                                                                 |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                            |                                                                                       |
|          | 1             | <b>Hóa chất, vật tư dùng cho máy huyết học XP100 - Sysmex</b>                                               |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                            |                                                                                       |
| 1        | 1.1           | Dung dịch rửa máy đậm đặc                                                                                   | 400        | ml          | - Dung dịch tẩy kiềm mạnh để loại bỏ các chất phản ứng trên máy Sysmex, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy.<br>- Thành phần: Sodium hypochlorite 5%.<br>- Bảo quản được ở 1 - 30 độ C. Sau khi mở nắp ổn định tối thiểu 60 ngày.<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 2        | 1.2           | Hóa chất pha loãng mẫu                                                                                      | 120.000    | ml          | - Dung dịch pha loãng máu toàn phần dùng cho máy phân tích huyết học.<br>- Thành phần: Sodium Chlorride 6.38 g/l, Boric Acid 1 g/l, Sodium Tetraborate 0.2 g/l, EDTA-2K 0.2 g/l.<br>- Bảo quản được ở 1 - 30 độ C. Sau khi mở nắp ổn định tối thiểu 30 ngày.                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 3        | 1.3           | Dung dịch ly giải hồng cầu                                                                                  | 3.000      | ml          | - Dung dịch ly giải để phá vỡ hồng cầu, sử dụng với các thiết bị phân tích huyết học của Sysmex.<br>- Thành phần: Organic quaternary ammonium salt 8,5g/l và Sodium chloride 0.6g/l.<br>- Bảo quản được ở 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định tối thiểu 90 ngày.                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 4        | 1.4           | Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp                                                                                | 12         | ml          | - Chất kiểm chuẩn.<br>- Thành phần: Chứa tế bào máu hồng cầu, bạch cầu cố định từ động vật có vú và tiểu cầu với chất bảo quản.<br>- Bảo quản được ở 2 - 8 độ C. Sau khi mở nắp ổn định tối thiểu 7 ngày.<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 5        | 1.5           | Hóa chất kiểm chuẩn mức trung bình                                                                          | 12         | ml          | - Chất kiểm chuẩn.<br>- Thành phần: Chứa tế bào máu hồng cầu, bạch cầu cố định từ động vật có vú và tiểu cầu với chất bảo quản.<br>- Bảo quản được ở 2 - 8 độ C. Sau khi mở nắp ổn định tối thiểu 7 ngày.<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 6        | 1.6           | Hóa chất kiểm chuẩn mức cao                                                                                 | 12         | ml          | - Chất kiểm chuẩn.<br>- Thành phần: Chứa tế bào máu hồng cầu, bạch cầu cố định từ động vật có vú và tiểu cầu với chất bảo quản.<br>- Bảo quản được ở 2 - 8 độ C. Sau khi mở nắp ổn định tối thiểu 7 ngày.<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 2             | <b>Hóa chất, vật tư dùng cho các máy huyết học Celltac α; MEK-7300; MEK-6420K; MEK-6510K - Nihon Kohden</b> |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                            |                                                                                       |
| 7        | 2.1           | Hóa chất rửa thường dùng cho máy phân tích huyết học                                                        | 340.000    | ml          | - Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học.<br>- Trạng thái vật lý: chất lỏng<br>- Màu sắc: xanh lá<br>- Mùi: nhẹ<br>- Độ pH: 7.7 đến 8.3<br>- Tính tan: tan trong nước<br>- Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether 0,05% và Ethylene glycol monophenyl ether 0,33%.<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 8        | 2.2           | Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc                                                  | 80.000     | ml          | - Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học.<br>- Trạng thái vật lý: chất lỏng<br>- Màu sắc: vàng hoặc vàng-xanh lá<br>- Mùi: khó chịu (clo)<br>- Độ pH: 10 đến 13<br>- Tính tan: tan trong nước<br>- Thành phần: Sodium hypochlorit (NaClO) 1,0%<br>- Bảo quản được ở 1 đến 30°C.<br>- Độ ổn định sau khi mở nắp: tối thiểu 90 ngày.<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 9        | 2.3           | Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học 3 thành phần bạch cầu                            | 60.000     | ml          | - Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học.<br>- Trạng thái vật lý: chất lỏng<br>- Màu sắc: không màu<br>- Mùi: nhẹ<br>- Độ pH: 4 đến 7<br>- Tính tan: tan trong nước<br>- Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương.<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                           | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 10       | 2.4           | Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để tách bạch cầu                 | 32.000     | ml          | - Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học.<br>- Trạng thái vật lý: chất lỏng<br>- Màu sắc: không màu<br>- Mùi: không mùi<br>- Độ pH: 7.5 đến 9.5<br>- Tính tan: tan trong nước<br>- Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0.11%<br>- Bảo quản được ở 1 đến 30°C<br>- Độ ổn định sau khi mở nắp: tối thiểu 30 ngày.<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 11       | 2.5           | Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học                                         | 7.200.000  | ml          | - Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học.<br>- Trạng thái vật lý: chất lỏng<br>- Màu sắc: không màu<br>- Mùi: không mùi<br>- Độ pH: 7.35 đến 7.55<br>- Tính tan: tan trong nước<br>- Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97%.<br>- Bảo quản được ở 1 đến 30°C<br>- Độ ổn định sau khi mở nắp: tối thiểu 60 ngày.<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 12       | 2.6           | Hóa chất nội kiểm mức cao cho máy phân tích huyết học 3 thành phần bạch cầu                 | 24         | ml          | - Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu.<br>- Trạng thái vật lý: chất lỏng<br>- Màu sắc: đỏ sẫm<br>- Độ pH: 7.0 tới 9.0<br>- Tính tan: tan trong nước<br>- Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú.<br>- Bảo quản được ở 2 đến 8°C<br>- Độ ổn định sau khi mở nắp: tối thiểu 14 ngày.<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 13       | 2.7           | Hóa chất nội kiểm mức thấp cho máy phân tích huyết học 3 thành phần bạch cầu                | 24         | ml          | - Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu.<br>- Trạng thái vật lý: chất lỏng<br>- Màu sắc: đỏ sẫm<br>- Độ pH: 7.0 tới 9.0<br>- Tính tan: tan trong nước<br>- Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú.<br>- Bảo quản được ở 2 đến 8°C.<br>- Độ ổn định sau khi mở nắp: tối thiểu 14 ngày.<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 14       | 2.8           | Hóa chất để nội kiểm mức thường cho máy phân tích huyết học 3 thành phần bạch cầu           | 24         | ml          | - Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu.<br>- Trạng thái vật lý: chất lỏng.<br>- Màu sắc: đỏ sẫm<br>- Độ pH: 7.0 tới 9.0<br>- Tính tan: tan trong nước<br>- Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú.<br>- Bảo quản được ở 2 đến 8°C.<br>- Độ ổn định sau khi mở nắp: tối thiểu 14 ngày.<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 15       | 2.9           | Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để hiệu chuẩn máy                                 | 8          | ml          | - Dùng để hiệu chuẩn máy phân tích huyết học.<br>- Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú.<br>- Bảo quản được ở 2 đến 8°C.<br>- Độ ổn định sau khi mở nắp: tối thiểu 7 ngày.                                                                                                                                                                                  | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 16       | 2.10          | Dây bơm cho máy huyết học                                                                   | 40         | Cái         | Dạng vật liệu: TPE<br>Độ cứng: 64 Shore A<br>Hấp tiết trùng: Có<br>Tiệt trùng bằng tia Gamma: Có<br>Nhiệt độ tối thiểu: -40°C<br>Nhiệt độ tối đa: 135°C                                                                                                                                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 17       | 2.11          | Phin lọc cho máy huyết học                                                                  | 20         | Cái         | Mật độ: 0.9 g/cm3<br>Đàn hồi kéo: 1400 MPa<br>Độ bền kéo: 33 MPa<br>Hệ số uốn: 1400 MPa<br>Độ bền uốn: 40 MPa<br>Nhiệt độ biến dạng: 85°C                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 3             | Hóa chất, vật tư dùng cho máy huyết học Aquarius 3 (Model: A3N-1) - Diotron MI PLC, Hungary |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                            |                                                                                       |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                                                                                                                | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 18       | 3.1           | IVD là dung dịch pha loãng cho xét nghiệm huyết học                                                                                                                              | 200.000    | ml          | Thành phần:<br>Natri clorua < 1.5%<br>Dung dịch đệm < 1.0%<br>Chất bảo quản < 0.5%<br>Chất ổn định < 0.5%<br>Tính chất:<br>Điểm tan chảy: -2°C<br>Điểm sôi: 102°C<br>Mật độ ở 20°C: 1.0 g/cm3<br>Áp suất hơi ở 20°C: 23 hPa<br>pH: 7.0<br>Kết quả phân tích:<br>Độ dẫn nhiệt (ở 25°C): 19.2 (16.5 – 21.5) mS/cm<br>pH (ở 25°C): 7.2 (6.9 – 7.4)<br>Osm: 310 - 350 mOs/kg<br>PLT ≤ 5 (PLT=2)<br>Hiệu suất:<br>r(WBC) ≥ 0.95; r(HGB) ≥ 0.95; r(RBC) ≥ 0.95; r(MCV) ≥ 0.90; r(PLT) ≥ 0.90. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 19       | 3.2           | IVD ly giải dùng cho máy phân tích huyết học                                                                                                                                     | 6.000      | ml          | Thành phần:<br>Chất nền < 3.5%<br>Dung dịch đệm < 1.0%<br>Chất bảo quản < 0.5%<br>Chất ổn định < 0.5%<br>Tính chất:<br>Điểm tan chảy: -2°C<br>Điểm sôi: 102°C<br>Mật độ ở 20°C: 1,0 g/cm3<br>Áp suất hơi ở 20°C: 23 hPa<br>pH: 7.5<br>Dung môi hữu cơ: <1%<br>Kết quả phân tích:<br>Độ dẫn nhiệt (ở 25°C): 3.5 (3.0 – 5.0) mS/cm<br>pH (ở 25°C): 7.5 (6.3 – 8.2)<br>WBC ≤ 0.05<br>Hiệu suất:<br>r(WBC) ≥ 0.95; r(HGB) ≥ 0.95; r(LYM) ≥ 0.90; r(GRAN) ≥ 0.90.                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 20       | 3.3           | IVD là dung dịch rửa cho máy phân tích huyết học (Dung dịch rửa thông thường, làm sạch cặn máu, dùng hàng ngày/định kỳ.)                                                         | 2.000      | ml          | Thành phần:<br>Chất tẩy rửa < 1.0%<br>Dung dịch đệm < 1.0%<br>Chất bảo quản < 0.5%<br>Chất ổn định < 0.5%<br>Tính chất:<br>Điểm tan chảy: -2°C<br>Điểm sôi: 102°C<br>Mật độ ở 20°C: 1.0 g/cm3<br>Áp suất hơi ở 20°C: 23 hPa<br>pH: 9.0<br>Dung môi hữu cơ: 0%<br>Kết quả phân tích:<br>Độ dẫn nhiệt (ở 25°C): 14.6 (13.0 – 17.0) mS/cm<br>pH (ở 25°C): 9.0 (7.0 – 9.0)<br>PLT ≤ 5 (PLT=1).                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 21       | 3.4           | IVD là dung dịch rửa cho máy phân tích huyết học (Dung dịch rửa có chứa thành phần hypochlorite. Vừa rửa vừa khử khuẩn, dùng định kỳ hàng tuần hoặc khi cần sát khuẩn hệ thống.) | 400        | ml          | Thành phần:<br>Chất tẩy rửa < 1.0%<br>Natri hypochlorit < 1.0%<br>Natri Hidroxit < 1.0%<br>Chất ổn định < 0.4%<br>Tính chất:<br>Điểm tan chảy: -2°C<br>Điểm sôi: 102°C<br>Mật độ ở 20°C: 1.0 g/cm3<br>Áp suất hơi ở 20°C: 23 hPa<br>pH: 12<br>Dung môi hữu cơ: 0%<br>Thành phần:<br>Sodium hypochlorite: 0.1 - 1.0% (m/m)<br>Sodium hydroxide: 0.5 - 2.0% (m/m)<br>Kết quả phân tích:<br>pH (ở 25°C): 12.9 (11.0 – 13.5)<br>PLT ≤ 5 (PLT=1).                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |

  
 BÊN  
 ĐA  
 KHOA  
 THỌ XUÂN



| STT tổng | STT theo phân | Danh mục hàng hóa                                                                                                                                                                    | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 22       | 3.5           | IVD là dung dịch rửa cho máy phân tích huyết học (Dung dịch rửa có chứa thành phần hypochlorite. Rửa sâu, tẩy mạnh, khử khuẩn, dùng khi máy tắc nghẽn nặng hoặc bảo trì chuyên sâu.) | 400        | ml          | Thành phần:<br>Chất tẩy rửa < 1.0%<br>Natri hypochlorit < 5.0%<br>Natri Hidroxit < 0.5%<br>Chất ổn định < 0.5%<br>Tính chất:<br>Điểm tan chảy: -2°C<br>Điểm sôi: 102°C<br>Mật độ ở 20°C: 1.07 g/cm <sup>3</sup><br>Áp suất hơi ở 20°C: 23 hPa<br>pH: 13<br>Dung môi hữu cơ: 0%<br>Thành phần:<br>Sodium hypochlorite: 1.0 - 5.0% (m/m)<br>Sodium hydroxide: 0.3 - 2.0% (m/m)<br>Kết quả phân tích:<br>pH (ở 25°C): 13.1 (11.5 – 13.5)<br>Hàm lượng natri hypochlorit ≥ 4.5 %. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 23       | 3.6           | Bộ vật liệu kiểm soát cho máy phân tích huyết học 3 thông số                                                                                                                         | 144        | ml          | 2x3x3 ML<br>Thành phần:<br>Potassium hydroxide < 1% (m/m)<br>Sodium azide < 0.1% (m/m)<br>Cicloheximide ≤ 0,05% (m/m).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 4             | <b>Hóa chất, vật tư dùng cho hệ thống xét nghiệm sinh hóa tự động Cobas C - Roche</b>                                                                                                |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                            |                                                                                       |
|          |               | <b>Hóa chất chuẩn</b>                                                                                                                                                                |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                            |                                                                                       |
| 24       | 4.1           | Hóa chất dùng trong chuẩn định các phương pháp định lượng trên các máy phân tích của Roche                                                                                           | 108        | ml          | - Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định.<br>- Thành phần không phản ứng trong chất đông khô: Chất ổn định.                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 25       | 4.2           | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Albumin (microalbumin)                                                                                                                                    | 20         | ml          | - Thành phần phản ứng: Đệm HEPES: 20 mmol/L, pH 7.5, chất phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định.<br>- Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định.                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 26       | 4.3           | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm ASO                                                                                                                                                       | 6          | ml          | - Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học thêm vào như sau: Chất phân tích ASLO, nguồn gốc cừu.<br>- Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định.                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 27       | 4.4           | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng apolipoprotein A-1, apolipoprotein B, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol                                                                         | 18         | ml          | - Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học.<br>- Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 28       | 4.5           | Hóa chất xét nghiệm dùng trong chuẩn định các phương pháp định lượng CK-MB                                                                                                           | 6          | ml          | - Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Albumin huyết thanh bò với chất phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định. Nguồn gốc các chất sinh học thêm vào như sau: Chất phân tích CK-MM, nguồn gốc người, chất phân tích CK-MB, nguồn gốc người, tái tổ hợp.<br>- Thành phần không phản ứng: Chất ổn định.                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 29       | 4.6           | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sản phẩm giáng hóa fibrin (D-Dimer và X-oligomer)                                                                                              | 12         | ml          | - Thành phần phản ứng: 1 Huyết thanh người (mẫu chuẩn 0), 2-6 Phân mảnh D-Dimer người trong huyết thanh người.<br>- Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 30       | 4.7           | Hóa chất kiểm soát xét nghiệm định lượng sản phẩm giáng hóa fibrin (DDimer và X-oligomer)                                                                                            | 8          | ml          | - Thành phần phản ứng: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định. Nguồn gốc các chất sinh học thêm vào như sau: Chất phân tích phân đoạn chứa D-Dimer, nguồn gốc người.<br>- Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản.                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 31       | 4.8           | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO <sub>2</sub>                                                                                                                         | 32         | ml          | - Thành phần phản ứng: Dung dịch đệm nước chứa ammonia, ethanol và natri bicarbonate.<br>- Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 32       | 4.9           | Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO <sub>2</sub> bình thường                                                                                                          | 80         | ml          | - Thành phần phản ứng: Dung dịch đệm nước chứa ammonia, ethanol và natri bicarbonate.<br>- Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                              | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|----------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 33       | 4.10          | Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2 bất thường | 80         | ml          | - Thành phần phản ứng: Dung dịch đệm nước chứa ammonia, ethanol và natri bicarbonate.<br>- Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất nội kiểm</b>                                       |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                            |                                                                                       |
| 34       | 4.11          | Hóa chất kiểm soát xét nghiệm sinh hóa mức 1                   | 320        | ml          | - Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định. Nguồn gốc các phụ gia sinh học như sau: chất phân tích ALT (GPT), nguồn gốc người, tái tổ hợp, chất phân tích AST (GOT), nguồn gốc người, tái tổ hợp, chất phân tích Aldolase, nguồn gốc cơ thỏ, chất phân tích Alkaline phosphatase, nguồn gốc nhau thai người (tái tổ hợp), chất phân tích Amylase, toàn phần, nguồn gốc nước bọt người / tụy heo, chất phân tích Amylase, tụy, nguồn gốc tụy heo, chất phân tích Creatine kinase, nguồn gốc CK-MM người / CK-MB người (tái tổ hợp), chất phân tích CK-MB, nguồn gốc CK-MB người (tái tổ hợp), chất phân tích $\gamma$ -GT, nguồn gốc người, tái tổ hợp, chất phân tích GLDH, nguồn gốc vi khuẩn, tái tổ hợp, chất phân tích LDH, nguồn gốc tim heo, chất phân tích Lipase, nguồn gốc tụy người (tái tổ hợp), chất phân tích Acid phosphatase, nguồn gốc tuyến tiền liệt người / khoai tây, chất phân tích ASLO, nguồn gốc cừu, chất phân tích CRP, nguồn gốc người, chất phân tích Transferrin, nguồn gốc người, chất phân tích Ferritin, nguồn gốc người.<br>- Thành phần không phản ứng trong chất đông khô: Chất ổn định. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 35       | 4.12          | Hóa chất kiểm soát xét nghiệm sinh hóa mức 2                   | 320        | ml          | - Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định. Nguồn gốc các phụ gia sinh học như sau: chất phân tích ALT (GPT), nguồn gốc người, tái tổ hợp, chất phân tích AST (GOT), nguồn gốc người, tái tổ hợp, chất phân tích Aldolase, nguồn gốc cơ thỏ, chất phân tích Alkaline phosphatase, nguồn gốc nhau thai người (tái tổ hợp), chất phân tích Amylase, toàn phần, nguồn gốc nước bọt người / tụy heo, chất phân tích Amylase, tụy, nguồn gốc tụy heo, chất phân tích Creatine kinase, nguồn gốc CK-MM người / CK-MB người (tái tổ hợp), chất phân tích CK-MB, nguồn gốc CK-MB người (tái tổ hợp), chất phân tích $\gamma$ -GT, nguồn gốc người, tái tổ hợp, chất phân tích GLDH, nguồn gốc vi khuẩn, tái tổ hợp, chất phân tích LDH, nguồn gốc tim heo, chất phân tích Lipase, nguồn gốc tụy người (tái tổ hợp), chất phân tích Acid phosphatase, nguồn gốc tuyến tiền liệt người / khoai tây, chất phân tích ASLO, nguồn gốc cừu, chất phân tích CRP, nguồn gốc người, chất phân tích Transferrin, nguồn gốc người, chất phân tích Ferritin, nguồn gốc người.<br>- Thành phần không phản ứng trong chất đông khô: Chất ổn định. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 36       | 4.13          | Chất hiệu chuẩn nội kiểm cho máy xét nghiệm sinh hóa           | 120.000    | ml          | Đệm HEPES: 10 mmol/L, Triethanolamine: 7 mmol/L, Natri chloride: 3.06 mmol/L, Natri acetate: 1.45 mmol/L, Kali chloride: 0.16 mmol/L, Chất bảo quản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất phụ</b>                                            |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                            |                                                                                       |
| 37       | 4.14          | Chất pha loãng mẫu                                             | 100        | ml          | NaCl 9%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 38       | 4.15          | Hóa chất phụ gia (chất tẩy)                                    | 4.248      | ml          | Chất tẩy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 39       | 4.16          | Dung dịch rửa có tính kiềm                                     | 6.336      | ml          | NaOH 1 mol/L (khoảng 4%); chất tẩy.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                                                                                                                  | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                         | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 40       | 4.17          | Dung dịch rửa có tính acid                                                                                                                                                         | 14.400     | ml          | Acid citric monohydrate: 310 mmol/L; đậm; chất tẩy                                                                                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 41       | 4.18          | Dung dịch rửa có tính kiềm cho công phản ứng trên các hệ thống Roche                                                                                                               | 201.600    | ml          | Dung dịch Natri hydroxide 1 mol/L, 4%; chất tẩy.                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 42       | 4.19          | Dung dịch rửa cho kim hút mẫu mức 2                                                                                                                                                | 1.632      | ml          | Đậm; chất tẩy.                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 43       | 4.20          | Dung dịch rửa cho kim hút mẫu mức 1                                                                                                                                                | 1.416      | ml          | Dung dịch Natri hydroxide 1 mol/L.                                                                                                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 44       | 4.21          | Dung dịch bảo dưỡng hàng ngày cho điện cực ISE, ống và kim hút mẫu                                                                                                                 | 432        | ml          | Huyết thanh người đồng khô không có phụ gia hóa học.                                                                                                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất điện giải</b>                                                                                                                                                          |            |             |                                                                                                                                                                                                                                        |                            |                                                                                       |
| 45       | 4.22          | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Natri, Kali, Clorid mức cao                                                                                                                             | 120        | ml          | Thành phần phản ứng: 160 mmol/L Na+, 7 mmol/L K+, 120 mmol/L Cl-.                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 46       | 4.23          | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Natri, Kali, Clorid mức thấp                                                                                                                            | 120        | ml          | Thành phần phản ứng: 120 mmol/L Na+, 3 mmol/L K+, 80 mmol/L Cl-.                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 47       | 4.24          | Chất phụ trợ cho mô đun ISE của hệ thống Roche cobas c được dùng để định lượng natri, kali và chloride trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu sử dụng điện cực chọn lọc ion | 24.000     | ml          | Phương pháp đo ISE gián tiếp:<br>- Ứng dụng cho huyết thanh và huyết tương:<br>Na+ 80-180 mmol/L<br>K+ 1.5-10.0 mmol/L<br>Cl- 60-140 mmol/L<br>- Ứng dụng cho nước tiểu:<br>Na+ 20-250 mmol/L<br>K+ 3-100 mmol/L<br>Cl- 20-250 mmol/L. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 48       | 4.25          | Hóa chất pha loãng mẫu                                                                                                                                                             | 18.000     | ml          | Đệm HEPES: 10 mmol/L<br>Triethanolamine: 7 mmol/L<br>Chất bảo quản.                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 49       | 4.26          | Dung dịch dùng để vệ sinh đơn vị ISE trên máy phân tích Roche và dùng để vệ sinh máy phân tích miễn dịch                                                                           | 1.000      | ml          | Natri hydroxide 3 mol/L, Dung dịch natri hypochlorite (< 2 % clo hoạt tính), Phụ gia.                                                                                                                                                  | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 50       | 4.27          | Điện cực xét nghiệm định lượng Cl-                                                                                                                                                 | 2          | Cái         | - Mô đun ISE được dùng để định lượng chloride trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu sử dụng điện cực chọn lọc ion.<br>- Phù hợp để sử dụng trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa tự động Cobas C - Roche.                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 51       | 4.28          | Điện cực xét nghiệm định lượng K+                                                                                                                                                  | 2          | Cái         | - Mô đun ISE được dùng để định lượng kali trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu sử dụng điện cực chọn lọc ion.<br>- Phù hợp để sử dụng trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa tự động Cobas C - Roche.                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 52       | 4.29          | Điện cực xét nghiệm định lượng Na+                                                                                                                                                 | 2          | Cái         | - Mô đun ISE được dùng để định lượng natri trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu sử dụng điện cực chọn lọc ion.<br>- Phù hợp để sử dụng trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa tự động Cobas C - Roche.                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 53       | 4.30          | Điện cực tham chiếu được sử dụng chung với mô đun ISE của máy phân tích Roche                                                                                                      | 2          | Cái         | - Điện cực tham chiếu xét nghiệm Natri, Kali, Chlorid.<br>- Phù hợp để sử dụng trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa tự động Cobas C - Roche.                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất xét nghiệm HbA1c</b>                                                                                                                                                   |            |             |                                                                                                                                                                                                                                        |                            |                                                                                       |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                              | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 54       | 4.31          | Dung dịch tiền xử lý xét nghiệm HbA1c                                          | 24         | ml          | - Thành phần phản ứng: Máu cừu ly huyết với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định. Nguồn gốc các chất sinh học thêm vào như sau: Hemoglobin máu cừu, HbA1C máu người.<br>- Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định.                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 55       | 4.32          | Hóa chất pha loãng cho xét nghiệm định lượng HbA1c                             | 1.020      | ml          | - Hỗn hợp đệm nước, pH 7.25; TTAB (Tetradecyltrimethylammonium bromide): 36 g/L; đệm phosphate: 80 mmol/L; chất ổn định; chất bảo quản.<br>- Thuốc thử vào vị trí B và C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 56       | 4.33          | Thuốc thử xét nghiệm HbA1c                                                     | 18.000     | Test        | R1: Thuốc thử kháng thể, Đệm MES: 0.025 mol/L; đệm TRIS: 0.015 mol/L, pH 6.2; kháng thể HbA1c (huyết thanh cừu): $\geq 0.5$ mg/mL; chất tẩy; chất ổn định; chất bảo quản.<br>R3: Thuốc thử polyhapten, Đệm MES: 0.025 mol/L; đệm TRIS: 0.015 mol/L, pH 6.2; HbA1c polyhapten: $\geq 8$ $\mu$ g/mL; chất tẩy; chất ổn định; chất bảo quản.                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Vật tư phụ</b>                                                              |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                            |                                                                                       |
| 57       | 4.34          | Công phản ứng sinh hóa dành cho hệ thống cobas C                               | 24         | Cái         | Chất liệu nhựa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 58       | 4.35          | Cup dùng để chứa mẫu, QC, chất hiệu chuẩn cho hệ thống máy sinh hóa, miễn dịch | 10.000     | Cái         | Cốc nhựa chứa mẫu thử, vật liệu chứng và mẫu chuẩn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 59       | 4.36          | Bóng đèn Halogen 12V-50W cho máy sinh hóa tự động Cobas                        | 6          | Cái         | - Đèn Halogen; Nguồn điện: 12V; Công suất: 50W.<br>- Sử dụng được trên máy sinh hóa tự động Cobas.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất chạy mẫu</b>                                                       |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                            |                                                                                       |
| 60       | 4.37          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng albumin                                        | 1.800      | Test        | R1 Đệm Citrate: 95 mmol/L, pH 4.1; chất bảo quản, chất ổn định.<br>R2 Đệm Citrate: 95 mmol/L, pH 4.1; xanh bromcresol: 0.66 mmol/L; chất bảo quản, chất ổn định.<br>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 61       | 4.38          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng protein toàn phần                              | 1.800      | Test        | R1 Natri hydroxide: 400 mmol/L; kali natri tartrate: 89 mmol/L.<br>R2 Natri hydroxide: 400 mmol/L; kali natri tartrate: 89 mmol/L; kali iodide: 61 mmol/L; đồng sulfate: 24.3 mmol/L.<br>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 62       | 4.39          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng glucose                                        | 19.200     | Test        | R1 Đệm MES: 5.0 mmol/L, pH 6.0; $Mg^{2+}$ : 24 mmol/L; ATP: $\geq 4.5$ mmol/L; NADP: $\geq 7.0$ mmol/L; chất bảo quản.<br>R2 Đệm HEPES: 200 mmol/L, pH 8.0; $Mg^{2+}$ : 4 mmol/L; HK (nấm men): $\geq 300$ $\mu$ kat/L; G-6-PDH (E. coli): $\geq 300$ $\mu$ kat/L; chất bảo quản.<br>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 63       | 4.40          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng urea/urea nitrogen                             | 30.000     | Test        | R1 NaCl 9 %.<br>R2 Đệm TRIS: 220 mmol/L, pH 8.6; 2-oxoglutarate: 73 mmol/L; NADH: 2.5 mmol/L; ADP: 6.5 mmol/L; urease (đậu): $\geq 300$ $\mu$ kat/L; GLDH (gan bò): $\geq 80$ $\mu$ kat/L; chất bảo quản; chất ổn định không phản ứng.<br>R1 vào vị trí C và R2 vào vị trí B.                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 64       | 4.41          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng creatinine                                     | 22.400     | Test        | R1 Kali hydroxide: 900 mmol/L; phosphate: 135 mmol/L; pH $\geq 13.5$ ; chất bảo quản; chất ổn định<br>R3 (STAT R2) Acid picric: 38 mmol/L; pH 6.5; đệm không phản ứng.<br>R1 vào vị trí B và R3 (STAT R2) vào vị trí C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 65       | 4.42          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng acid uric                                      | 3.200      | Test        | R1 Đệm phosphate: 0.05 mol/L, pH 7.8; TOOS: 7 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 4.8 %; ascorbate oxidase (EC 1.10.3.3; bi dài) $\geq 83.5$ $\mu$ kat/L (25 °C); chất ổn định; chất bảo quản.<br>R3 Đệm phosphate: 0.1 mol/L, pH 7.8; kali hexacyanoferrate (II): 0.3 mmol/L; 4-aminophenazone $\geq 3$ mmol/L; uricase (EC 1.7.3.3; Arthrobacter protophormiae) $\geq 83.4$ $\mu$ kat/L (25 °C); peroxidase (POD) (EC 1.11.1.7; củ cải) $\geq 50$ $\mu$ kat/L (25 °C); chất ổn định; chất bảo quản.<br>R1 vào vị trí B và R3 vào vị trí C. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |





| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                                     | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 66       | 4.43          | Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng bilirubin toàn phần                                            | 1.750      | Test        | R1 Phosphate: 50 mmol/L; chất tẩy; chất ổn định, pH 1.0.<br>R2 Muối 3,5-dichlorophenyl diazonium: $\geq 1.35$ mmol/L.<br>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 67       | 4.44          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp trong huyết thanh và huyết tương người            | 2.450      | Test        | R1 Acid phosphoric: 85 mmol/L; HEDTA: 4.0 mmol/L; NaCl 50 mmol/L; chất tẩy; pH 1.9.<br>R2 3,5 Dichlorophenyl diazonium: 1.5 mmol/L; pH 1.3.<br>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 68       | 4.45          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng sản phẩm giáng hóa fibrin (D-Dimer và Xoligomer)                      | 1.200      | Test        | R1 Đệm TRIS/HCl: 250 mmol/L, pH 8.2; chất bảo quản (lông).<br>R3 Hạt latex phủ kháng thể đơn dòng kháng D-Dimer người (chuột): 0.12 %; chất bảo quản (lông).<br>R1 vào vị trí A và R3 vào vị trí B.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 69       | 4.46          | Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người             | 19.200     | Test        | R1 Chất đệm ÔNG: 225 mmol/L, pH 6.8; Mg <sup>2+</sup> : 10 mmol/L; natri cholate: 0.6 mmol/L; 4-aminoantipyrine: $\geq 0.45$ mmol/L; phenol: $\geq 12.6$ mmol/L; ete polyglycol rượu béo: 3%; cholesterol esterase (loài Pseudomonas): $\geq 25$ $\mu$ kat/L ( $\geq 1.5$ U/mL); cholesterol oxidase (E. coli): $\geq 7.5$ $\mu$ kat/L ( $\geq 0.45$ U/mL); peroxidase (củ cải): $\geq 12.5$ $\mu$ kat/L ( $\geq 0.75$ U/mL); chất ổn định; chất bảo quản.<br>R1 vào vị trí B.                                                                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 70       | 4.47          | Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng triglyceride trong huyết thanh và huyết tương người            | 16.000     | Test        | R1 Đệm PIPES: 50 mmol/L, pH 6.8; Mg <sup>2+</sup> : 40 mmol/L; natri cholate: 0.20 mmol/L; ATP: $\geq 1.4$ mmol/L; 4-aminophenazone: $\geq 0.13$ mmol/L; 4-chlorophenol: 4.7 mmol/L; lipoprotein lipase (chủng Pseudomonas): $\geq 83$ $\mu$ kat/L; glycerol kinase (Bacillus stearothermophilus): $\geq 3$ $\mu$ kat/L; glycerol phosphate oxidase (E. coli): $\geq 41$ $\mu$ kat/L; peroxidase (củ cải): $\geq 1.6$ $\mu$ kat/L; chất bảo quản, chất ổn định.<br>R1 vào vị trí B.                                                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 71       | 4.48          | Thuốc thử xét nghiệm LDL-Cholesterol                                                                  | 8.000      | Test        | R1 Đệm bis-tris (bis(2-hydroxyethyl)-amino-tris-(hydroxymethyl)-methane): 20.1 mmol/L, pH 7.0; 4-aminoantipyrine: 0.98 mmol/L; ascorbate oxidase (AOD, Acremonium spec.): $\geq 66.7$ $\mu$ kat/L; peroxidase (tái tổ hợp từ Basidiomycetes): $\geq 166.7$ $\mu$ kat/L; BSA: 4.0 g/L; chất bảo quản.<br>R2 Đệm MOPS (3-morpholinopropane-1-sulfonic acid): 20.1 mmol/L, pH 7.0; EMSE: 2.16 mmol/L; cholesterol esterase (chủng Pseudomonas): $\geq 33.3$ $\mu$ kat/L; cholesterol oxidase (tái tổ hợp từ E. coli): $\geq 31.7$ $\mu$ kat/L; peroxidase (tái tổ hợp từ Basidiomycetes): $\geq 333.3$ $\mu$ kat/L; BSA: 4.0 g/L; chất tẩy; chất bảo quản.<br>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 72       | 4.49          | Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng nồng độ HDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người | 5.600      | Test        | R1 Đệm TAPSO (2-Hydroxy-N-tris(hydroxymethyl)methyl-3-aminopropanesulfonic acid): 62.1 mmol/L, pH 7.77; polyanion: 1.25 g/L; EMSE: 1.08 mmol/L; ascorbate oxidase (đưa chuột): $\geq 50$ $\mu$ kat/L; peroxidase (củ cải): $\geq 166.7$ $\mu$ kat/L; chất tẩy; BSA: 2.0 g/L; chất bảo quản.<br>R2 Đệm Bis-Tris (Bis(2-hydroxyethyl)iminotris(hydroxymethyl)methane): 20.1 mmol/L, pH 6.70; cholesterol esterase (vi sinh): $\geq 7.5$ $\mu$ kat/L; cholesterol oxidase (E. coli tái tổ hợp): $\geq 7.17$ $\mu$ kat/L; cholesterol oxidase (vi sinh): $\geq 76.7$ $\mu$ kat/L; peroxidase (củ cải): $\geq 333$ $\mu$ kat/L; 4-amino-antipyrine: 1.48 mmol/L; BSA: 3.0 g/L; chất tẩy; chất bảo quản.<br>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 73       | 4.50          | Hóa chất để định lượng creatine kinase (CK)                                                           | 2.000      | Test        | R1 Đệm Imidazole: 123 mmol/L, pH 6.5 (37 °C); EDTA: 2.46 mmol/L; Mg <sup>2+</sup> : 12.3 mmol/L; ADP: 2.46 mmol/L; AMP: 6.14 mmol/L; diadenosine pentaphosphate: 19 $\mu$ mol/L; NADP <sup>+</sup> (nấm men): 2.46 mmol/L; N-acetylcysteine: 24.6 mmol/L; HK (nấm men): $\geq 36.7$ $\mu$ kat/L; G6PDH (E. coli): $\geq 23.4$ $\mu$ kat/L; chất bảo quản; chất ổn định; chất phụ gia.<br>R2 Đệm CAPSO*: 20 mmol/L, pH 8.8 (37 °C); glucose: 120 mmol/L; EDTA: 2.46 mmol/L; creatine phosphate: 184 mmol/L; chất bảo quản; chất ổn định.<br>*CAPSO: 3-(cyclohexylamine)-2-hydroxy-1-propanesulfonic acid<br>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                                       | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 74       | 4.51          | Thuốc thử định lượng hoạt tính xúc tác của tiểu đơn vị creatine kinase MB                               | 2.000      | Test        | R1 Đệm Imidazole: 123 mmol/L, pH 6.5 (37 °C); EDTA: 2.46 mmol/L; Mg2+: 12.3 mmol/L; ADP: 2.46 mmol/L; AMP: 6.14 mmol/L; diadenosine pentaphosphate: 19 μmol/L; NADP (nấm men): 2.46 mmol/L; N-acetylcysteine: 24.6 mmol/L; HK (nấm men): ≥ 36.7 μkat/L; G6P-DH (E. coli): ≥ 23.4 μkat/L; chất bảo quản; chất ổn định; chất phụ gia.<br>R2 Đệm CAPSO (acid 3-(cyclohexylamino)-2-hydroxy-1-propanesulfonic): 20 mmol/L, pH 8.8 (37 °C); glucose: 120 mmol/L; EDTA: 2.46 mmol/L; creatine phosphate: 184 mmol/L; 4 kháng thể đơn dòng kháng CK-M (chuột), khả năng ức chế: > 99.6 % tối đa đến 66.8 μkat/L (4000 U/L) (37 °C) tiểu đơn vị CK-M; chất bảo quản; chất ổn định; chất phụ gia.<br>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 75       | 4.52          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng alanine aminotransferase (ALT) trong huyết thanh và huyết tương người   | 21.000     | Test        | R1 Đệm TRIS: 224 mmol/L, pH 7.3 (37 °C); L-alanine: 1120 mmol/L; albumin (bò): 0.25 %; LDH (vi sinh): ≥ 45 μkat/L; chất ổn định; chất bảo quản.<br>R2 2-Oxoglutarate: 94 mmol/L; NADH: ≥ 1.7 mmol/L; chất phụ gia; chất bảo quản.<br>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 76       | 4.53          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương người | 21.000     | Test        | R1 Đệm TRIS: 264 mmol/L, pH 7.8 (37 °C); L-aspartate: 792 mmol/L; MDH (vi sinh): ≥ 24 μkat/L; LDH (vi sinh): ≥ 48 μkat/L; albumin (bò): 0.25 %; chất bảo quản.<br>R2: NADH: ≥ 1.7 mmol/L; 2-oxoglutarate: 94 mmol/L; chất bảo quản.<br>R1 vào vị trí A và R2 vào vị trí B và C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 77       | 4.54          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng gamma-glutamyltransferase                                               | 1.600      | Test        | R1 TRIS: 492 mmol/L, pH 8.25; glycylglycine: 492 mmol/L; chất bảo quản; chất phụ gia.<br>R2 L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 22.5 mmol/L; acetate: 10 mmol/L, pH 4.5; chất ổn định; chất bảo quản.<br>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 78       | 4.55          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng alpha amylase                                                           | 1.200      | Test        | R1 HEPES: 52.4 mmol/L; natri chloride: 87 mmol/L; calcium chloride: 0.08 mmol/L; magnesium chloride: 12.6 mmol/L; α-glucosidase (vi khuẩn): ≥ 66.8 μkat/L; pH 7.0 (37 °C); chất bảo quản; chất ổn định.<br>R2 HEPES: 52.4 mmol/L; ethylidene-G7-PNP: 22 mmol/L; pH 7.0 (37 °C); chất bảo quản; chất ổn định.<br>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 79       | 4.56          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Calci                                                                   | 1.500      | Test        | R1 CAPSO (3-[cyclohexylamino]-2-hydroxy-1-propanesulfonic acid) 557 mmol/L; NM-BAPTA: 2 mmol/L; pH 10.0; chất hoạt động bề mặt không phản ứng; chất bảo quản.<br>R2 EDTA 7.5 mmol/L; pH 7.3; chất hoạt động bề mặt không phản ứng; chất bảo quản.<br>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 80       | 4.57          | Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng sắt trong huyết thanh và huyết tương người                       | 400        | Test        | R1 Acid citric: 200 mmol/L; thiourea: 115 mmol/L; chất tẩy rửa.<br>R3 Natri ascorbate: 150 mmol/L; FerroZine: 6 mmol/L; chất bảo quản.<br>R1 vào vị trí B và R3 vào vị trí C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 81       | 4.58          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin                                                                | 1.000      | Test        | R1 Đệm TRIS, pH 7.5; globulin miễn dịch (thỏ); chất bảo quản; chất ổn định.<br>R3 Hỗn hợp nước chứa các hạt latex phủ kháng thể kháng ferritin người (thỏ); chất bảo quản; chất ổn định.<br>R1 vào vị trí B và R3 vào vị trí C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 82       | 4.59          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng antistreptolysin O                                                      | 1.800      | Test        | R1 Đệm TRIS: 170 mmol/L, pH 8.2.<br>R2 Đệm borate: 10 mmol/L, pH 8.2; hạt latex phủ streptolysin O: 2 mL/L.<br>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 83       | 4.60          | Thuốc thử xét nghiệm Phosphatase kiềm (ALP)                                                             | 1.200      | Test        | R1 2-amino-2-methyl-1-propanol: 1.724 mol/L, pH 10.44 (30 °C); magnesium acetate: 3.83 mmol/L; kẽm sulfate: 0.766 mmol/L; N-(2-hydroxyethyl)-ethylenediamine triacetic acid: 3.83 mmol/L.<br>R2 p-nitrophenyl phosphate: 132.8 mmol/L, pH 8.50 (25 °C); chất bảo quản.<br>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                                                              | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 84       | 4.61          | Thuốc thử xét nghiệm Phospho vô cơ                                                                                             | 1.000      | Test        | Khoảng đo:<br>- Huyết thanh/huyết tương:<br>0.10-6.46 mmol/L (0.31-20.0 mg/dL)<br>- Nước tiểu:<br>1.1-92 mmol/L (3.4-285 mg/dL).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 85       | 4.62          | Thuốc thử xét nghiệm Ammonia                                                                                                   | 1.200      | Test        | R1 Đệm BICINE (BICINE = N,N-bis(2-hydroxyethyl)-glycine): 300 mmol/L, pH 8.3;<br>GLDH (vi khuẩn): $\geq 16.7 \mu\text{kat/L}$ ; chất tẩy; chất bảo quản.<br>R3 GLDH (vi khuẩn): $\geq 5.0 \mu\text{kat/L}$ ; 2-oxoglutarate: 78 mmol/L; NADPH: $\geq 1.3 \text{ mmol/L}$ ; chất ổn định; đệm không phản ứng.<br>R1 vào vị trí B và R3 vào vị trí C.                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 5             | <b>Hóa chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa Konelab 20</b>                                                            |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                            |                                                                                       |
|          |               | <b>Hóa chất chuẩn</b>                                                                                                          |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                            |                                                                                       |
| 86       | 5.1           | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm sinh hóa                                                                                    | 40         | ml          | - Dùng để hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa dùng trên máy phân tích sinh hóa.<br>- Thành phần: Dạng đông khô, có nguồn gốc từ huyết thanh người.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 87       | 5.2           | Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa Humatrol N, sử dụng để kiểm soát độ chính xác và độ lặp lại cho các xét nghiệm sinh hóa | 60         | ml          | - Dùng để kiểm soát độ chính xác và độ lặp lại cho các xét nghiệm sinh hóa.<br>- Thành phần: Dạng đông khô, có nguồn gốc từ huyết thanh bò.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 88       | 5.3           | Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa Humatrol P, sử dụng để kiểm soát độ chính xác và độ lặp lại cho các xét nghiệm sinh hóa | 60         | ml          | - Dùng để kiểm soát độ chính xác và độ lặp lại cho các xét nghiệm sinh hóa.<br>- Thành phần: Dạng đông khô, có nguồn gốc từ huyết thanh bò.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Vật tư phụ</b>                                                                                                              |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                            |                                                                                       |
| 89       | 5.4           | Cồng đo phản ứng sinh hóa Reaction cuvettes                                                                                    | 400        | Cái         | Cồng đo phản ứng sinh hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 90       | 5.5           | Giếng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa, chủng loại Muticell cuvettes                                                  | 12.000     | Test        | - Cuvet nhiều lớp xử lý trên 12 ô, sử dụng để kiểm tra chất lượng và phân tích trắc quang các chất khác nhau.<br>- Tổng thể tích tế bào: 0.4 ml<br>- Thể tích làm việc: 0.1 ml.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất chạy mẫu</b>                                                                                                       |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                            |                                                                                       |
| 91       | 5.6           | Thuốc thử xét nghiệm Glucose. Dùng để định lượng Glucose trong máu toàn phần, huyết thanh người, huyết tương người             | 2.400      | ml          | - Dùng để định lượng Glucose trong máu toàn phần, huyết thanh người, huyết tương người.<br>- Thành phần:<br>Enzyme Reagent 4 x 100 ml<br>Phosphate buffer (pH 7.5) 100 mmol/l<br>4-Aminoantipyrine 0.25 mmol/l<br>Phenol 0.75 mmol/l<br>Glucose oxidase $\geq 15 \text{ KU/l}$<br>Peroxidase $\geq 1.5 \text{ KU/l}$<br>Mutarotase $> 0.1 \text{ KU/l}$<br>Sodium azide 0.095 %<br>[STD] Standard 1 x 3 ml<br>Glucose 100 mg/dl or 5.55 mmol/l<br>- Khoảng tuyến tính: lên đến 400 mg/dl (22.2 mmol/l)<br>- Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lặp): $\leq 3.89$ . | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 92       | 5.7           | Thuốc thử xét nghiệm Urea. Được dùng để định lượng Urea trong huyết thanh và huyết tương người.                                | 2.400      | ml          | - Dùng để định lượng Urea trong huyết thanh, nước tiểu và huyết tương người.<br>- Thành phần:<br>[ENZ] Enzymes<br>Tris buffer (pH 7.8) 125 mmol/l<br>ADP 0.88 mmol/l<br>Urease $\geq 20 \text{ kU/l}$<br>GLDH $\geq 0.3 \text{ kU/l}$<br>Sodium Azide 0.095 %<br>[SUB] Substrate<br>2-oxoglutarate 25 mmol/l<br>NADH 1.25 mmol/l<br>Sodium Azide 0.095 %<br>[STD] Standard<br>Urea 80 mg/dl or 13.3 mmol/l<br>Sodium Azide 0.095 %<br>- Khoảng tuyến tính: lên đến 300 mg/dl (50 mmol/l)<br>- Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lặp): $\leq 4.08$ .               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                                                                                         | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 93       | 5.8           | Thuốc thử xét nghiệm Creatinine (Dùng để định lượng Creatinine trong huyết thanh người, huyết tương người (Đã được chống đông bằng Heparin) và nước tiểu) | 2.000      | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng để định lượng Creatinine trong huyết thanh người, huyết tương người (Đã được chống đông bằng Heparin) và nước tiểu.</li> <li>- Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>[NaOH] 2 x 100 ml Natri Hydroxide 160mmol/l</li> <li>[PIC] 1 x 50 ml Axit Picric 13.9 mmol/l</li> <li>[STD] 1 x 5 ml Standard Creatinine 2mg/dl hoặc 176.8 <math>\mu</math>mol/l</li> </ul> </li> <li>- Khoảng tuyến tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong huyết thanh: Lên đến 15 mg/dl hoặc 1326 <math>\mu</math>mol/l</li> <li>+ Trong nước tiểu: Lên đến 500 mg/dl hoặc 44200 <math>\mu</math>mol/l.</li> </ul> </li> <li>- Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): <math>\leq 6.45</math>.</li> </ul>                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 94       | 5.9           | Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol (Dùng để định lượng Cholesterol trong huyết thanh người và huyết tương người)                                            | 2.400      | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng để định lượng Cholesterol trong huyết thanh người và huyết tương người.</li> <li>- Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>[RGT] 4 x 100 ml Enzyme reagent</li> <li>Phosphate buffer (pH 6.5) 30 mmol/l</li> <li>4-Aminoantipyrine 0.3 mmol/l</li> <li>Phenol 5 mmol/l</li> <li>Peroxidase <math>\geq 5</math> KU/l</li> <li>Cholesterol esterase <math>\geq 150</math> U/l</li> <li>Cholesterol oxidase <math>\geq 100</math> U/l</li> <li>Sodium azide 0.05 %</li> </ul> </li> <li>[STD] 3 ml Standard</li> <li>Cholesterol 200 mg/dl or 5.17 mmol/l</li> <li>Sodium azide 0.095 %</li> <li>- Khoảng tuyến tính: lên đến 750 mg/dl</li> <li>- Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): <math>\leq 0.9</math>.</li> </ul>                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 95       | 5.10          | Thuốc thử xét nghiệm Triglyceride. Dùng để định lượng triglyceride trên huyết thanh người và huyết tương chống đông bằng EDTA, Heparin.                   | 2.400      | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng để định lượng triglyceride trên huyết thanh người và huyết tương chống đông bằng EDTA, Heparin.</li> <li>- Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>[RGT] 100 ml Monoreagent</li> <li>PIPES buffer (pH 7.5) 50 mmol/l</li> <li>4-chlorophenol 5 mmol/l</li> <li>4-aminophenazone 0.25 mmol/l</li> <li>Magnesium ions 4.5 mmol/l</li> <li>ATP 2 mmol/l</li> <li>Lipases <math>\geq 1300</math> U/l</li> <li>Peroxidase <math>\geq 500</math> U/l</li> <li>Glycerol kinase <math>\geq 400</math> U/l</li> <li>Glycerol-3-phosphate oxidase <math>\geq 1500</math> U/l</li> <li>Sodium azide 0,05 %</li> </ul> </li> <li>[STD] 3 ml Standard</li> <li>Triglycerides 200 mg/dl or 2.28 mmol/l</li> <li>- Khoảng tuyến tính: lên đến 1000 mg/dl (11.4 mmol/l)</li> <li>- Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): <math>\leq 2.62</math>.</li> </ul> | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 96       | 5.11          | Thuốc thử xét nghiệm GOT (ASAT). Dùng để định lượng GOT (aspartate aminotransferase) trong huyết thanh và huyết tương người                               | 2.400      | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng để định lượng GOT (aspartate aminotransferase) trong huyết thanh và huyết tương người.</li> <li>- Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>[BUF] Buffer / Enzyme reagent</li> <li>TRIS buffer (pH 7.9) 100 mmol/l</li> <li>L-aspartate 300 mmol/l</li> <li>LDH <math>\geq 1.13</math> kU/l</li> <li>MDH <math>\geq 0.75</math> kU/l</li> <li>Sodium azide 0.095 %</li> </ul> </li> <li>[SUB] Substrate</li> <li>2-oxoglutarate 60 mmol/l</li> <li>NADH 0.9 mmol/l</li> <li>Sodium azide 0.095 %</li> <li>- Khoảng tuyến tính: lên đến 600 U/l</li> <li>- Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): <math>\leq 3.79</math>.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                                                         | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 97       | 5.12          | Thuốc thử xét nghiệm GPT (ALAT). Dùng để định lượng GPT (alanine aminotransferase) trong huyết thanh và huyết tương người | 2.400      | ml          | - Dùng để định lượng GPT (alanine aminotransferase) trong huyết thanh và huyết tương người.<br>- Thành phần:<br>[BUF] Buffer / Enzyme reagent<br>TRIS buffer (pH 7.4) 125 mmol/l<br>L-alanine 625 mmol/l<br>LDH $\geq 1.5$ kU/l<br>Sodium azide 0.095 %<br>[SUB] Substrate<br>2-oxoglutarate 75 mmol/l<br>NADH 0.9 mmol/l<br>Sodium azide 0.095 %<br>- Khoảng tuyến tính: lên đến 500 U/l<br>- Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): $\leq 4.3$ .                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 6             | <b>Hóa chất, vật tư dùng cho sinh hóa</b><br><b>AU480 - Beckman Coulter Ireland Inc</b>                                   |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                            |                                                                                       |
|          |               | <b>Hóa chất chuẩn</b>                                                                                                     |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                            |                                                                                       |
| 98       | 6.1           | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 26 thông số sinh hóa                                                                | 120        | ml          | - Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy.<br>- Thành phần: Huyết thanh người, các enzym từ người, động vật và thực vật: Alkaline Phosphatase, ALT, AST, Amylase, Cholinesterase, CK-NAC, GGT, HBDH, LDH, Albumin, Creatinine, Cholesterol, Glucose, Lactate, Lipase, Total Protein, Triglyceride, UIBC, Urea, Uric Acid, Bilirubin, Inorganic Phosphorous, Calcium, Iron, Magnesium.                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 99       | 6.2           | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng albumin                                                                             | 40         | ml          | - Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Albumin trong nước tiểu/CSF.<br>- Thành phần: Albumin người và Natri azit $< 0.1$ % (w/w); Chất hiệu chuẩn 5 mức; Các giá trị hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo các nguyên liệu tham chiếu đã được chứng nhận IFCC (International Federation of Clinical Chemistry).                                                                                                                                                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 100      | 6.3           | Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 36 thông số sinh hóa                                                       | 400        | ml          | - Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1.<br>- Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, HBDH, LDH, Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein, UIBC, Urea & Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1; Chất kiểm chứng 1 mức. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 101      | 6.4           | Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 36 thông số sinh hóa                                                       | 400        | ml          | - Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2.<br>- Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, HBDH, LDH, Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein, UIBC, Urea, Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1; Chất kiểm chứng 1 mức.  | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 102      | 6.5           | Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 17 thông số sinh hóa                                                       | 80         | ml          | - Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch.<br>- Thành phần: Huyết thanh người chứa $\alpha$ -1 acidglycoprotein; Ferritin; $\alpha$ -1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; $\beta$ -2 microglobulin; Immunoglobulin A; Immunoglobulin M; Immunoglobulin G; Ceruloplasmin; C3; Prealbumin; C4; Rheumatoid Factor; C-reactive protein; Transferrin.                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 103      | 6.6           | Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 17 thông số sinh hóa                                                       | 80         | ml          | - Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch.<br>- Thành phần: Huyết thanh người, $\alpha$ -1 acidglycoprotein, Ferritin, $\alpha$ -1 antitrypsin, Haptoglobin, Anti-Streptolysin O, Immunoglobulin A, $\beta$ -2 microglobulin, Immunoglobulin G, Ceruloplasmin, Immunoglobulin M, Complement 3, Prealbumin, Complement 4, Rheumatoid Factor, C-reactive protein, Transferrin; Chất kiểm chứng 1 mức.                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                           | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 104      | 6.7           | Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng 17 thông số sinh hóa         | 80         | ml          | - Hoá chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch.<br>- Thành phần: Huyết thanh người, $\alpha$ -1 acidglycoprotein, Ferritin, $\alpha$ -1 antitrypsin, Haptoglobin, Anti-Streptolysin O, Immunoglobulin A, $\beta$ -2 microglobulin, Immunoglobulin G, Ceruloplasmin, Immunoglobulin M, Complement 3, Prealbumin, Complement 4, Rheumatoid Factor, C-reactive protein, Transferrin; Chất kiểm chứng 1 mức.                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 105      | 6.8           | Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol | 60         | ml          | - Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol.<br>- Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người); Chất kiểm chứng 2 mức; Các giá trị có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu HDL và LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control).                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 106      | 6.9           | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol                       | 60         | ml          | - Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol.<br>- Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người); Chất hiệu chuẩn 1 mức; Giá trị chất hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu HDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control).                                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 107      | 6.10          | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol                       | 20         | ml          | - Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL-Cholesterol.<br>- Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người); Chất hiệu chuẩn 1 mức; Giá trị chất hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control).                                                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 108      | 6.11          | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP                                   | 40         | ml          | - Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường.<br>- Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người; Chất hiệu chuẩn gồm mức 2 đến mức 6; Các giá trị được gán theo tiêu chuẩn IFCC bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục.                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 109      | 6.12          | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CK-MB                                 | 40         | ml          | - Chất hiệu chuẩn dùng trong xét nghiệm CK-MB.<br>- Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme; Chất hiệu chuẩn 1 mức; Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method.                                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 110      | 6.13          | Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng CK-MB                        | 40         | ml          | - Chất kiểm chuẩn mức 1 dùng trong xét nghiệm CK-MB.<br>- Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme; Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method.                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 111      | 6.14          | Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng CK-MB                        | 40         | ml          | - Chất kiểm chuẩn mức 2 dùng trong xét nghiệm CK-MB.<br>- Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme; Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method.                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 112      | 6.15          | Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 1              | 24         | ml          | - Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch.<br>- Thành phần: Huyết thanh người chứa Immunoglobulin G, Immunoglobulin A, Immunoglobulin M, Transferrin, C3, C4, Anti-Streptolysin O, Ferritin, C-reactive protein; Chất hiệu chuẩn 6 mức.<br>- Các giá trị hiệu chuẩn được gán sử dụng các nguyên liệu tham chiếu theo tiêu chuẩn IFCC (IgG, IgA, IgM, C3, C4, Transferrin, CRP), WHO (ASO) và tiêu chuẩn quốc tế lần thứ 3 cho ferritin. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất rửa</b>                                                         |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                            |                                                                                       |
| 113      | 6.16          | Dung dịch rửa                                                               | 3.600      | ml          | - Dung dịch rửa.<br>- Thành phần: Sodium Hypochlorite 5 - 10%; Chất vệ sinh cô đặc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 114      | 6.17          | Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa                                         | 60.000     | ml          | - Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa.<br>- Thành phần: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%; Chất vệ sinh cô đặc.                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất chạy mẫu</b>                                                    |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                            |                                                                                       |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                        | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|--------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 115      | 6.18          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin trong huyết thanh và huyết tương | 232        | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Albumin; - Thành phần: Succinate buffer (pH 4.2) 100 mmol/L; Bromocresol green 0.2 mmol/L. - Phương pháp: Bromocresol Green Dải tuyến tính: 15 – 60 g/L (1,5 – 6,0 g/dL); Bước sóng: 600 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 3%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 17 test.                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 116      | 6.19          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng protein toàn phần                        | 400        | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Protein toàn phần. - Thành phần: Sodium hydroxide 200 mmol/L; Potassium sodium tartrate 32 mmol/L; Copper sulphate 18.8 mmol/L; Potassium iodide 30 mmol/L. - Phương pháp: Photometric Dải tuyến tính: 30-120 g/L (3–12 g/dL); Bước sóng: 540nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 3.0%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4.0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test.                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 117      | 6.20          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp                      | 320        | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp. - Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L. - Phương pháp: DPD Dải đo: 0,9 – 171 μmol/L (0,05 – 10 mg/dL); Bước sóng: 570 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 7,5%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test.                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 118      | 6.21          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần                      | 240        | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần. - Thành phần: Caffeine 2,1 mmol/L; 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.31 mmol/L; Surfactant. - Phương pháp: DPD Dải tuyến tính: 0.5–513 μmol/L (0.03–30 mg/dL); Bước sóng: 540nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 3.0%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5.0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test.                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 119      | 6.22          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng glucose                                  | 8.320      | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose; - Thành phần: Dung dịch đệm PIPES (pH 7,6) 24 mmol/L; ATP ≥ 2 mmol/L; NAD+ ≥ 1,32 mmol/L; Mg2+ 2,37 mmol/L; Hexokinase ≥ 0,59 kU/L; G6P-DH ≥ 1,58 kU/L. - Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method) Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương/ mẫu ly giải/ dịch não tủy: 0,6 – 45,0 mmol/L (10 – 810 mg/dL), Nước tiểu: 0,2 – 45 mmol/L (3,6 – 810 mg/dL); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, mẫu ly giải và dịch não tủy; Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 13 test. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 120      | 6.23          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng ure                                      | 5.936      | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Urea. - Thành phần: Tris buffer 100 mmol/L; NADH ≥ 0,26 mmol/L; Tetra-Sodium diphosphate 10 mmol/L; EDTA 2,65 mmol/L; 2-Oxoglutarate ≥ 9,8 mmol/L; Urease ≥ 17,76 kU/L; ADP ≥ 2,6 mmol/L; GLDH ≥ 0,16 kU/L. - Phương pháp: GLDH, Kinetic Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 5–300 mg/dL (0,8–50,0 mmol/L), Nước tiểu: 60–4500 mg/dL (10-750 mmol/L); Bước sóng: 340nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV ≤ 5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 10%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 9 test.                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                    | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 121      | 6.24          | Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng creatinin   | 8.160      | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine.<br>- Thành phần: Natri hidroxit 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L.<br>- Phương pháp: Jaffé method<br>Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương: Phương pháp A: 5 – 2200 $\mu\text{mol/L}$ (0,06 – 25,0 mg/dL); Phương pháp B: 18 – 2200 $\mu\text{mol/L}$ (0,2 – 25,0 mg/dL); Nước tiểu: 88 – 35360 $\mu\text{mol/L}$ (1 – 400 mg/dL); Bước sóng: 520 nm;<br>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu;<br>Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 3\%$ ;<br>Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 5\%$ ;<br>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test.                                                                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 122      | 6.25          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng acid uric            | 1.020      | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Acid uric.<br>- Thành phần: Phosphate Buffer (pH 7.5) 42 mmol/L; MADB 0.15 mmol/L; 4-Aminophenazone 0.30 mmol/L; Peroxidase $\geq 5.9 \text{ kU/L}$ (98 $\mu\text{kat/L}$ ); Uricase $\geq 0.25 \text{ kU/L}$ (4.15 $\mu\text{kat/L}$ ); Ascorbate Oxidase $\geq 1.56 \text{ kU/L}$ (26 $\mu\text{kat/L}$ ).<br>- Phương pháp: Uricase;<br>Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 1,5–30 mg/dL (89–1785 $\mu\text{mol/L}$ ); Nước tiểu: 2–400 mg/dL (119–23800 $\mu\text{mol/L}$ );<br>Bước sóng: 660nm;<br>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu;<br>Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 3\%$ ;<br>Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 5.0\%$ ;<br>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 11 test.                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 123      | 6.26          | Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol | 1.620      | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol.<br>- Thành phần: Dung dịch đệm photphat (pH 6,5) 103 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase $\geq 0,2 \text{ kU/L}$ (3,3 $\mu\text{kat/L}$ ); Cholesterol oxidase $\geq 0,2 \text{ kU/L}$ (3,3 $\mu\text{kat/L}$ ); Peroxidase $\geq 10 \text{ kU/L}$ (166,7 $\mu\text{kat/L}$ ).<br>- Phương pháp: Enzymatic;<br>Dải tuyến tính: 0,5 – 18,0 mmol/L (20 – 700 mg/dL);<br>Bước sóng: 540 nm;<br>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương;<br>Độ lặp lại $\text{CV} \leq 3\%$ ; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 3\%$ ;<br>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 22 test.                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 124      | 6.27          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng triglyceride         | 6.000      | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Triglyceride.<br>- Thành phần: PIPES buffer (pH 7.5) 50 mmol/L; $\text{Mg}^{2+}$ 4.6 mmol/L; MADB 0.25 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; ATP 1.4 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L ( 25 $\mu\text{kat/L}$ ); Glycerol kinase 0.5 kU/L ( 8.3 $\mu\text{kat/L}$ ); Peroxidase 0.98 kU/L (16.3 $\mu\text{kat/L}$ ); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L (24.6 $\mu\text{kat/L}$ ); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L (24.6 $\mu\text{kat/L}$ ).<br>- Phương pháp: Enzymatic;<br>Dải tuyến tính: 0,1–11,3 mmol/L (10–1.000 mg/dL);<br>Bước sóng: 660nm;<br>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương;<br>Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 3.0\%$ ;<br>Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 5.0\%$ ;<br>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 125      | 6.28          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol      | 5.760      | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol.<br>- Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; Peroxidase 4,9 IU/mL; Natri azit 0,1%; Dung dịch đệm của Good (pH 6,8) 25 mmol/L; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L; Catalase 743 IU/mL; HDAOS 0,47 mmol/L.<br>- Phương pháp: Enzymatic;<br>Dải tuyến tính: 0,26 - 10,3 mmol/L (10 - 400 mg/dL);<br>Bước sóng: 600 nm;<br>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương;<br>Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 3.0\%$ ;<br>Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 4.0\%$ ;<br>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test.                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                 | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|---------------------------------------------------|------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 126      | 6.29          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol   | 864        | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol.<br>- Thành phần: Kháng thể kháng $\beta$ -lipoprotein ở người; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL; Dung dịch đệm Good's (pH 7) 30 mmol/L; N-Ethyl - N - (2-hydroxy-3-sulfopropyl) - 3,5- dimethoxy - 4 fluoroaniline (F-DAOS) 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L.<br>- Phương pháp: Enzymatic;<br>Dải tuyến tính: 0,05 - 4,65 mmol/L (2 -180 mg/dL);<br>Bước sóng: 600 nm;<br>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương;<br>Độ lặp lại: CV $\leq$ 3.0%;<br>Độ chụm toàn phần: CV $\leq$ 4.0%;<br>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 127      | 6.30          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng $\alpha$ -amylase | 320        | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng $\alpha$ -amylase.<br>- Thành phần: MES (pH 6,05) 36,1 mmol/L; Calcium acetate 3,60 mmol/L; NaCl 37,2 mmol/L; Potassium thiocyanate 253 mmol/L; CNPG3 1,63 mmol/L.<br>- Phương pháp: CNPG3;<br>Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương: 10 – 2000 U/L (0,2 – 33,3 $\mu$ kat/L); Nước tiểu: 5 – 4800 U/L (0,1 – 80 $\mu$ kat/L);<br>Bước sóng: 410 nm;<br>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu;<br>Độ lặp lại: CV $\leq$ 5.0%;<br>Độ chụm toàn phần: CV $\leq$ 10.0%;<br>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test.                                                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 128      | 6.31          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST               | 2.016      | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST.<br>- Thành phần: Tris buffer, pH 7,65 (37°C) 80mmol/L; L-aspartate 240mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH $\geq$ 0,9kU/L; MDH $\geq$ 0,6kU/L; NADH 0,2mmol/L.<br>- Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC;<br>Dải tuyến tính: 3 – 1000 U/L (0,05 – 16,7 $\mu$ kat/L);<br>Bước sóng: 340 nm;<br>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương;<br>Độ lặp lại: CV $\leq$ 5%;<br>Độ chụm toàn phần: CV $\leq$ 10%;<br>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test.                                                                                                                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 129      | 6.32          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT               | 5.400      | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT.<br>- Thành phần: Tris buffer pH 7.15 (37°C) 100mmol/L; L-Alanine 500mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH 1,8kU/L; NADH 0,2mmol/L.<br>- Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC;<br>Dải tuyến tính: 3 – 500 U/L (0,05 – 8,33 $\mu$ kat/L);<br>Bước sóng: 340 nm;<br>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương;<br>Độ lặp lại: CV $\leq$ 5%;<br>Độ chụm toàn phần: CV $\leq$ 10%;<br>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test.                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 130      | 6.33          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng GGT               | 576        | ml          | - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng GGT.<br>- Thành phần: Glycylglycine, pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L; L- $\gamma$ - glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L;<br>- Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC;<br>Dải tuyến tính: 5 - 1.200 U/L (0,08 – 20,00 $\mu$ kat/L);<br>Bước sóng: 410 nm;<br>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương;<br>Độ lặp lại: CV $\leq$ 5%;<br>Độ chụm toàn phần: CV $\leq$ 10%;<br>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test.                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                               | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 131      | 6.34          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK              | 512        | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK.</li> <li>Thành phần: Imidazole (pH 6.5, 37°C) 100 mmol/L; NADP 2.0 mmol/L; ADP 2.0 mmol/L; AMP 5.0 mmol/L; EDTA 2.0 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; N-acetylcysteine 0.2 mmol/L; Activator 26 mmol/L; Mg<sup>2+</sup> 10 mmol/L; Diadenosine pentaphosphate 0.01 mmol/L; HK <math>\geq 4.0</math> kU/L; G6P-DH <math>\geq 2.8</math> kU/L.</li> <li>Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC;</li> <li>Dải tuyến tính: 10 – 2.000 U/L (0,17 – 33,33 <math>\mu</math>kat/L);</li> <li>Bước sóng: 340 nm;</li> <li>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương;</li> <li>Độ lặp lại: CV <math>\leq 5\%</math>;</li> <li>Độ chụm toàn phần: CV <math>\leq 10\%</math>;</li> <li>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test.</li> </ul>                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 132      | 6.35          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK-MB           | 384        | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB.</li> <li>Thành phần: Dung dịch đệm imidazole (pH 6,7) 100 mmol/L; Diadenosine-pentaphosphate 0,01 mmol/L; Hexokinase (HK) <math>\geq 4</math> kU/L; EDTA 2 mmol/L; NADP 2 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; G6P-DH <math>\geq 2,8</math> kU/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; ADP 2 mmol/L; N-Acetylcysteine 0,2 mmol/L; Mg-Acetate 10 mmol/L; Chất hoạt hóa 26 mmol/L; AMP 5 mmol/L; Kháng thể kháng tiểu đơn vị CK-M.</li> <li>Phương pháp: Ước chế miễn dịch;</li> <li>Dải tuyến tính: 10 – 2.000 U/L (0,17 – 33,33 <math>\mu</math>kat/L);</li> <li>Bước sóng: 340 nm;</li> <li>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương;</li> <li>Độ lặp lại: CV <math>\leq 5\%</math>;</li> <li>Độ chụm toàn phần: CV <math>\leq 6,5\%</math>;</li> <li>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test.</li> </ul> | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 133      | 6.36          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP             | 960        | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP siêu nhạy.</li> <li>Thành phần: Glycine buffer 100 mmol/L; Latex, phủ kháng thể kháng CRP <math>&lt; 0.5\%</math> w/v.</li> <li>Phương pháp: Miễn dịch đo độ đục;</li> <li>Dải tuyến tính: Ứng dụng bình thường: 0,2–480 mg/L; Ứng dụng độ nhạy cao: 0,08–80 mg/L;</li> <li>Bước sóng: 570 nm;</li> <li>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương;</li> <li>Độ lặp lại: CV <math>\leq 6\%</math>;</li> <li>Độ chụm toàn phần: CV <math>\leq 10\%</math>;</li> <li>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 3 test.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 134      | 6.37          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fe (Sắt)        | 240        | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Sắt.</li> <li>Thành phần: Glycine buffer (pH 1.7) 215 mmol/L; L-ascorbic acid 4.7 mmol/L; 2,4,6-Tri(2-pyridyl)-5-triazine 0.5 mmol/L.</li> <li>Phương pháp: TPTZ;</li> <li>Dải tuyến tính: 2 – 179 <math>\mu</math>mol/L (10 – 1.000 <math>\mu</math>g/dL);</li> <li>Bước sóng: 600 nm;</li> <li>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương;</li> <li>Độ lặp lại: CV <math>\leq 3.0\%</math>;</li> <li>Độ chụm toàn phần: CV <math>\leq 5.0\%</math>;</li> <li>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 135      | 6.38          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ferritin        | 288        | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ferritin.</li> <li>Thành phần: Dung dịch đệm Glycin (R1: pH 8,3, R2: pH 7,3) 170 mmol/L; Các hạt Latex phủ kháng thể (thỏ) kháng ferritin (người).</li> <li>Phương pháp: Miễn dịch đo độ đục;</li> <li>Dải tuyến tính: 8,0 – 450 <math>\mu</math>g/L;</li> <li>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương;</li> <li>Độ lặp lại: CV <math>\leq 5,0\%</math>;</li> <li>Độ chụm toàn phần: CV <math>\leq 7,0\%</math>;</li> <li>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 136      | 6.39          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Calci toàn phần | 232        | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Calci toàn phần.</li> <li>Thành phần: Imidazol (pH 6,9); Arsenazo III 0,02%.</li> <li>Phương pháp: Arsenazo III;</li> <li>Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 1 – 5 mmol/L (4 – 20 mg/dL); Nước tiểu: 0,1 – 10 mmol/L (0,4 – 40 mg/dL);</li> <li>Bước sóng: 660 nm;</li> <li>Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu;</li> <li>Độ lặp lại: <math>\leq 3\%</math>;</li> <li>Độ chụm toàn phần: <math>\leq 4\%</math>;</li> <li>Số lượng test tối thiểu/1 mL: 32 test.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                             | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|          |               | <b>Vật tư phụ</b>                                                             |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                            |                                                                                       |
| 137      | 6.40          | Bóng đèn Halogen dùng cho máy sinh hóa AU                                     | 40         | Cái         | - Bóng đèn Halogen 12V - 20W.<br>- Dùng cho máy sinh hóa AU - Beckman Coulter.                                                                                                                                                                                                                  | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 138      | 6.41          | Dây bơm                                                                       | 8          | Cái         | - Dùng để bơm dung dịch tẩy, rửa hoặc dung dịch ISE.<br>- Thành phần: Làm bằng vật liệu nhựa và cao su.<br>- Kích thước: Tổng chiều dài 10,7 cm (+/- 0,2 cm), chiều dài cao su 8,8 cm (+/- 0,2 cm), đường kính 0,5 cm (+/- 0,1 cm).                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 139      | 6.42          | Xy lanh bệnh phẩm                                                             | 6          | Cái         | - Dùng để phân phối và hút một lượng mẫu chính xác.<br>- Thành phần: Làm bằng thủy tinh, nhựa, kim loại.<br>- Kích thước: Chiều dài 8,9 cm (+/- 0,1 cm); Đường kính piston (phần kim loại): 2,0 mm (+/- 0,2 mm).                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 140      | 6.43          | Xy lanh hoá chất                                                              | 6          | Cái         | - Dùng để phân phối và hút một lượng chính xác thuốc thử/ dung dịch đệm ISE.<br>- Thành phần: Làm bằng thủy tinh, nhựa và vật liệu kim loại.<br>- Kích thước: Dài 8,9 cm (+/- 0,1 cm); Đường kính piston (phần kim loại): 5,0 mm (+/- 0,2 mm).                                                  | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | <b>7</b>      | <b>Hóa chất, vật tư dùng cho máy miễn dịch Access 2 - Beckman Coulter, Mỹ</b> |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                            |                                                                                       |
|          |               | <b>Hóa chất chuẩn</b>                                                         |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                            |                                                                                       |
| 141      | 7.1           | Chất chuẩn AFP                                                                | 105        | ml          | - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA) có chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin, AFP ở các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 2,5; 5; 25; 100; 500 và 3000 ng/mL.                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 142      | 7.2           | Chất chuẩn BNP                                                                | 36         | ml          | - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng BNP trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Chất nền đệm albumin huyết thanh bò (BSA) với chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin, phức hợp BNP (người) tái tổ hợp ở các nồng độ xấp xỉ 25, 100, 500, 2500 và 5000 pg/mL.      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 143      | 7.3           | Chất chuẩn CA 125                                                             | 90         | ml          | - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125 trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, natri azid, ProClin, Kháng nguyên CA 125 ở các nồng độ xấp xỉ 25, 100, 500, 2000 và 5000 U/mL.                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 144      | 7.4           | Chất chuẩn CA 15-3                                                            | 36         | ml          | - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3 trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, Kháng nguyên CA 15-3 ở các nồng độ xấp xỉ 10, 50, 100, 500 và 1000 U/mL trong BSA đệm.                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 145      | 7.5           | Chất chuẩn CA 19-9                                                            | 60         | ml          | - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9 trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, natri azid, ProClin, kháng nguyên CA 19-9 ở các nồng độ xấp xỉ 30, 90, 300, 900 và 2000 U/mL.                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 146      | 7.6           | Chất chuẩn CEA                                                                | 60         | ml          | - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Dung dịch đệm phosphat, protein (bò), natri azit, ProClin, Kháng nguyên carcinoembryonic (người) ở các mức nồng độ xấp xỉ 1, 10, 100, 500, 1000 ng/mL.                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 147      | 7.7           | Chất chuẩn Ferritin                                                           | 144        | ml          | - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ferritin trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin và ferritin ở các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 10, 50, 200, 500, 1500 ng/mL.              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 148      | 7.8           | Chất chuẩn Free T3                                                            | 180        | ml          | - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3 tự do trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Dung dịch đệm HEPES, protein (bò), chất hoạt động bề mặt, Na <sub>2</sub> S <sub>2</sub> O <sub>3</sub> , ProClin, T3 ở các mức nồng độ 0 pg/mL, xấp xỉ 1, 2, 5, 10 và 30 pg/mL. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa             | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-------------------------------|------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 149      | 7.9           | Chất chuẩn Free T4            | 180        | ml          | - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T4 tự do trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azit, ProClin, thyroxine ở các mức nồng độ 0 ng/dL, xấp xỉ 0,5, 1,0, 2,0, 3,0 và 6,0 ng/dL.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 150      | 7.10          | Chất chuẩn hsTnI              | 51         | ml          | - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin I tim trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA) với chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin, phức hợp troponin tái tổ hợp ở các mức nồng độ cTnI xấp xỉ 30,7; 144; 567; 2293; 9280 và 27027 pg/mL.                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 151      | 7.11          | Chất chuẩn Hybritech Free PSA | 105        | ml          | - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA tự do trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Đệm BSA, natri azid, ProClin, PSA tự do (người) ở nồng độ xấp xỉ 0,5, 2, 5, 10 và 20 ng/mL đối với hiệu chuẩn Hybritech (hoặc 0,4, 1,6, 4,1, 8 và 16 ng/mL đối với hiệu chuẩn WHO) trong BSA đệm.                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 152      | 7.12          | Chất chuẩn Hybritech PSA      | 90         | ml          | - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, natri azid, ProClin, PSA người ở các nồng độ xấp xỉ 0,5, 2, 10, 75 và 150 ng/mL đối với hiệu chuẩn của Hybritech (hoặc 0,4, 1,7, 8, 58 và 121 ng/mL đối với hiệu chuẩn của WHO) trong BSA đệm.                                                                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 153      | 7.13          | Chất chuẩn Total T3           | 288        | ml          | - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3 trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azid, Cosmocil, Triiodothyronine ở các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 0,5, 1, 2, 4 và 8 ng/mL.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 154      | 7.14          | Chất chuẩn Total T4           | 288        | ml          | - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T4 toàn phần trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azide, ProClin, thyroxine ở các mức nồng độ 0 µg/dL, xấp xỉ 2, 4, 8, 16 và 30 µg/dL.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 155      | 7.15          | Chất chuẩn TSH (3rd IS)       | 180        | ml          | - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azit, ProClin, hTSH ở các mức nồng độ 0 µIU/mL, xấp xỉ 0,05; 0,3; 3; 15 và 50 µIU/mL.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất chạy mẫu</b>      |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                            |                                                                                       |
| 156      | 7.16          | Thuốc thử định lượng AFP      | 2.000      | Test        | - Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng AFP được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, chất nền albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng AFP được pha loãng trong dung dịch muối đệm phosphat, protein (dê, thỏ, chuột).<br>- Phương pháp: Enzym miễn dịch hai vị trí gắn ("sandwich");<br>Dải đo: xấp xỉ 0,5–3000 ng/mL [0,41–2478 IU/mL]. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 157      | 7.17          | Thuốc thử định lượng BNP      | 1.000      | Test        | - Thuốc thử xét nghiệm định lượng BNP trong các mẫu xét nghiệm huyết tương chống đông bằng EDTA trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng BNP người được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, albumin huyết thanh bò (BSA), ProClin, natri azid, IgG dê và chuột tinh khiết trong dung dịch muối đệm TRIS, chất cộng hợp kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng BNP (người) - phosphatase kiềm, muối đệm PBS.<br>- Phương pháp: Enzym miễn dịch hai vị trí ("sandwich");<br>Dải đo: xấp xỉ 3–5000 pg/mL.                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phân | Danh mục hàng hóa             | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-------------------------------|------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 158      | 7.18          | Thuốc thử định lượng CA 125   | 2.000      | Test        | - Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 125 trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng biotin, kháng thể (đơn dòng, chuột, gắn biotin) kháng kháng nguyên CA 125, albumin huyết thanh bò, natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng kháng nguyên CA 125, dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột).<br>- Phương pháp: Enzym miễn dịch hai vị trí gắn ("sandwich");<br>Dải đo: xấp xỉ 0,5 U/mL - 5000 U/mL.                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 159      | 7.19          | Thuốc thử định lượng CA 15-3  | 1.000      | Test        | - Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 15-3 trong huyết thanh và huyết tương người (chống đông bằng heparin) trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng biotin, kháng thể (chuột, đơn dòng, gắn biotin) kháng kháng nguyên CA 15-3, albumin huyết thanh bò, natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng kháng nguyên CA 15-3, dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột).<br>- Phương pháp: Enzym miễn dịch hai vị trí gắn ("sandwich");<br>Dải đo: xấp xỉ 0,5-1000 U/mL.                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 160      | 7.20          | Thuốc thử định lượng CA 19-9  | 1.000      | Test        | - Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 19-9 trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê, đa dòng) kháng biotin, albumin huyết thanh bò, natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng kháng nguyên CA 19-9, chất cộng hợp biotin - kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng kháng nguyên CA 19-9, dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột).<br>- Phương pháp: Enzym miễn dịch hai vị trí gắn ("sandwich");<br>Dải đo: xấp xỉ 0,8–2000 U/mL.                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 161      | 7.21          | Thuốc thử định lượng CEA      | 1.000      | Test        | - Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Pha rắn các hạt thuận từ phủ MAb (chuột) kháng CEA, được phân tán trong dung dịch đệm TRIS, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, ProClin, chất cộng hợp MAb (chuột) kháng CEA gắn phosphatase kiềm (bò), được pha loãng trong dung dịch đệm phosphat, protein (chuột, bò).<br>- Phương pháp: Miễn dịch enzym hai vị trí gắn, kiểu "sandwich";<br>Dải đo: xấp xỉ 0,1–1000 ng/mL.                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 162      | 7.22          | Thuốc thử định lượng ferritin | 2.000      | Test        | - Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ferritin trong huyết thanh và huyết tương (heparin) người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ phức hợp kháng thể dê kháng IgG của chuột - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng ferritin được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, chất cộng hợp kháng thể dê kháng ferritin - phosphate kiềm (bò) trong dung dịch muối đệm TRIS, protein (dê, chuột).<br>- Phương pháp: Miễn dịch enzyme hai vị trí (kiểu "sandwich");<br>Dải đo: xấp xỉ 0,2–1500 ng/mL [µg/L]. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 163      | 7.23          | Thuốc thử định lượng Free T3  | 12.000     | Test        | - Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3 tự do trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt động bề mặt, NaN <sub>3</sub> , ProClin, dung dịch đệm MES, chất tương tự T3 gắn biotin, protein (dê, bò, chim), chất cộng hợp kháng thể đơn dòng-phosphatase kiềm trong dung dịch ACES.<br>- Phương pháp: Miễn dịch enzyme gắn cạnh tranh;<br>Dải đo: xấp xỉ 0,88–30 pg/mL [1,4–46 pmol/L].                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa              | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|--------------------------------|------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 164      | 7.24          | Thuốc thử định lượng Free T4   | 12.000     | Test        | - Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4 tự do trong huyết thanh và huyết tương người (heparin) trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ streptavidin, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, NaN <sub>3</sub> , ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) – Triiodothyronin, kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng Thyroxin – T4 gắn biotin, protein (chim và chuột).<br>- Phương pháp: Miễn dịch enzyme 2 bước;<br>Dải đo: xấp xỉ 0,25-6,0 ng/dL [3,2-77,2 pmol/L].                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 165      | 7.25          | Thuốc thử định lượng hsTnI     | 2.400      | Test        | - Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I tim trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Các hạt thuận từ được bao phủ bằng kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng cTnI của người được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, chất cộng hợp giữa kháng thể (đơn dòng, cừu) kháng cTnI của người với phosphatase kiềm được pha loãng trong dung dịch muối đệm ACES, protein (bò, cừu, người).<br>- Phương pháp: Miễn dịch enzyme hai bước liên tiếp ("sandwich");<br>Dải đo: xấp xỉ 2,3-27027 pg/mL.                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 166      | 7.26          | Thuốc thử định lượng Free PSA  | 2.000      | Test        | - Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA tự do trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (lừa) kháng đề, kháng thể (đẻ) kháng biotin và kháng thể (chuột, đơn dòng, gắn biotin) kháng PSA trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng PSA tự do được pha loãng trong dung dịch muối đệm phosphat.<br>- Phương pháp: Enzym miễn dịch hai vị trí gắn ("sandwich");<br>Dải đo: xấp xỉ 0,005–20 ng/mL theo hiệu chuẩn Hybritech hoặc 0,005–16 ng/mL theo hiệu chuẩn WHO.   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 167      | 7.27          | Thuốc thử định lượng total PSA | 2.000      | Test        | - Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng PSA được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) với kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng PSA được pha loãng trong dung dịch muối đệm phosphat, protein (chuột).<br>- Phương pháp: Enzym miễn dịch hai vị trí gắn ("sandwich");<br>Dải đo: xấp xỉ 0,008–150 ng/mL với hiệu chuẩn Hybritech hoặc xấp xỉ 0,008–121 ng/mL với hiệu chuẩn WHO.                                  | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 168      | 7.28          | Thuốc thử định lượng Total T3  | 12.000     | Test        | - Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3 trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Chất cộng hợp kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng T3 - phosphatase kiềm (bò), các hạt thuận từ phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim và chuột), chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin, chất tương tự T3 được liên kết với biotin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), dung dịch natri hydroxid 0,4N (NaOH) có 8-Anilino-1-Napthalenesulfonic Acid (ANS), dung dịch acid hydrochloric (HCl) 0,4N.<br>- Phương pháp: Miễn dịch enzyme liên kết cạnh tranh;<br>Dải đo: xấp xỉ 0,1 đến 8 ng/mL (0,2–12,3 nmol/L). | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                                                   | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 169      | 7.29          | Thuốc thử định lượng Total T4                                                                                       | 12.000     | Test        | - Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4 toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng IgG chuột được phân tán trong muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), 8-anilino-1-naphthalenesulfonic acid (ANS), natri azide, ProClin, kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng thyroxine được pha loãng trong muối đệm TRIS, protein (lớp chim, chuột, dê), chất cộng hợp thyroxine - phosphatase kiềm (bò) được pha loãng trong muối đệm TRIS.<br>- Phương pháp: Miễn dịch enzyme gắn cạnh tranh;<br>Dải đo: xấp xỉ 0,5–30 µg/dL [6,4–386 nmol/L]. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 170      | 7.30          | Thuốc thử định lượng TSH (3rd IS)                                                                                   | 12.000     | Test        | - Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH trong huyết tương hoặc huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.<br>- Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH người, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azide, ProClin, kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH cộng hợp với phosphatase kiềm, muối đệm ACES, protein (chuột).<br>- Phương pháp: Miễn dịch enzyme 2 vị trí gắn kiểu “sandwich”;<br>Dải đo: xấp xỉ 0,005 – 50,0 µIU/mL [mIU/L].                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất nội kiểm</b>                                                                                            |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                            |                                                                                       |
| 171      | 7.31          | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tim mạch mức 1,2,3                                                               | 72         | ml          | Vật liệu kiểm soát 9 dấu ấn tim mạch; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ protein tái tổ hợp, mô người hoặc dịch cơ thể.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 172      | 7.32          | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1                                                                  | 180        | ml          | Vật liệu kiểm soát 56 thông số miễn dịch bao gồm các thông số khả năng sinh sản, tuyến giáp, thiếu máu, nội tiết và dị ứng; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 173      | 7.33          | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2                                                                  | 180        | ml          | Vật liệu kiểm soát 56 thông số miễn dịch bao gồm các thông số khả năng sinh sản, tuyến giáp, thiếu máu, nội tiết và dị ứng; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 174      | 7.34          | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3                                                                  | 180        | ml          | Vật liệu kiểm soát 56 thông số miễn dịch bao gồm các thông số khả năng sinh sản, tuyến giáp, thiếu máu, nội tiết và dị ứng; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 175      | 7.35          | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)                 | 200        | ml          | Vật liệu kiểm soát 71 thông số miễn dịch thường quy, chất chỉ điểm khối u và xét nghiệm miễn dịch đặc biệt; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 176      | 7.36          | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)                 | 200        | ml          | Vật liệu kiểm soát 71 thông số miễn dịch thường quy, chất chỉ điểm khối u và xét nghiệm miễn dịch đặc biệt; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 177      | 7.37          | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)                 | 200        | ml          | Vật liệu kiểm soát 71 thông số miễn dịch thường quy, chất chỉ điểm khối u và xét nghiệm miễn dịch đặc biệt; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 178      | 7.38          | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u và TgAb, TPO Ab) | 200        | ml          | Vật liệu kiểm soát 74 thông số miễn dịch trong đó có Anti-Tg, Anti-TPO và SHBG; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                                                   | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 179      | 7.39          | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u và TgAb, TPO Ab) | 200        | ml          | Vật liệu kiểm soát 74 thông số miễn dịch trong đó có Anti-Tg, Anti-TPO và SHBG; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể.                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 180      | 7.40          | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u và TgAb, TPO Ab) | 200        | ml          | Vật liệu kiểm soát 74 thông số miễn dịch trong đó có Anti-Tg, Anti-TPO và SHBG; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể.                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất rửa</b>                                                                                                 |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                            |                                                                                       |
| 181      | 7.41          | Dung dịch rửa dùng cho máy Access 2                                                                                 | 1.684.800  | ml          | - Dùng với Hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access và thuốc thử xét nghiệm miễn dịch Access đặc hiệu.<br>- Thành phần chính: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, natri azit, khối lượng phản ứng: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-4-isothiazolin-3-one (3:1).                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 182      | 7.42          | Dung dịch rửa dòng máy DxI                                                                                          | 1.690.000  | ml          | - Dùng với Hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access và thuốc thử xét nghiệm miễn dịch Access đặc hiệu.<br>- Thành phần chính: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, natri azit và khối lượng phản ứng: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-4-isothiazolin-3-one (3:1).              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 183      | 7.43          | Dung dịch rửa máy hàng ngày                                                                                         | 2.000      | ml          | - Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch và máy xét nghiệm tế bào dòng chảy.<br>- Thành phần chính: KOH 1 - 5%.                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 184      | 7.44          | Dung dịch rửa máy hàng ngày                                                                                         | 7.600      | ml          | - Dung môi được sử dụng để làm sạch các bộ phận thích hợp trên máy xét nghiệm miễn dịch dòng Access.<br>- Thành phần chính: Acid hữu cơ.                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất, vật tư phụ</b>                                                                                         |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                            |                                                                                       |
| 185      | 7.45          | Dung dịch kiểm tra máy                                                                                              | 48         | ml          | - Dung dịch kiểm tra hệ thống dùng cho Hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access trong quy trình kiểm tra bảo trì hệ thống hàng tuần.<br>- Thành phần chính: Phosphatase kiềm, albumin huyết thanh bò (BSA), ProClin, natri azit.                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 186      | 7.46          | Cơ chất phát quang                                                                                                  | 20.800     | ml          | - Dùng với hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access và thuốc thử xét nghiệm miễn dịch Access đặc hiệu.<br>- Thành phần chính: Lumi-Phos 530 (dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt).                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 187      | 7.47          | Giếng phản ứng dùng cho máy Access 2                                                                                | 106.624    | Cái         | - Sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch dòng Access.<br>- Chất liệu Polypropylene.                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 8             | <b>Hóa chất, vật tư dùng cho máy đông máu Compact Max - Stago</b>                                                   |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                            |                                                                                       |
|          |               | <b>Hóa chất chuẩn</b>                                                                                               |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                            |                                                                                       |
| 188      | 8.1           | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm anti Xa theo dõi sử dụng Heparin                                                 | 80         | ml          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm anti Xa định lượng hoạt độ UFH và LMWH. Các giá trị chuẩn gồm 5 mức nồng độ UFH và LMWH, mỗi mức có thể khác nhau giữa các lô thuốc thử, nhưng được chỉ định rõ ràng cho mỗi lô.                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 189      | 8.2           | Hóa chất hiệu chỉnh xét nghiệm anti Xa theo dõi sử dụng Rivaroxaban                                                 | 48         | ml          | - Gồm 4 lọ huyết tương người có 4 mức nồng độ rivaroxaban khác nhau, dạng đông khô.<br>- Sử dụng chung với hóa chất xét nghiệm anti Xa được thẩm định đồng bộ tương thích với cùng hệ thống máy đông máu.                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất nội kiểm</b>                                                                                            |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                            |                                                                                       |
| 190      | 8.3           | Hóa chất nội kiểm đông máu thường quy                                                                               | 192        | ml          | Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm đông máu: PT, Fibrinogen, APTT, TT và ATIII trên máy dòng máy cơ chế từ (cơ học). Các giá trị chứng của mỗi thông số có thể khác nhau giữa các lô thuốc thử, nhưng được chỉ định rõ ràng cho mỗi lô. Giá trị chứng gồm hai mức (bình thường và bệnh lý) cho các thông số. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                 | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 191      | 8.4           | Hóa chất nội kiểm cho xét nghiệm anti Xa theo dõi sử dụng Heparin không phân đoạn | 72         | ml          | - Dung dịch nội kiểm nồng độ UFH cho xét nghiệm anti Xa theo dõi sử dụng Heparin không phân đoạn.<br>- Thành phần:<br>+ Thuốc thử 1: Huyết tương người chứa lượng UFH đã xác định, dạng đông khô.<br>+ Thuốc thử 2: Huyết tương người chứa lượng UFH đã xác định nhiều hơn ở thuốc thử 1, dạng đông khô.<br>- Điều kiện bảo quản: 2 - 8 độ C; Sau khi đã hoàn nguyên, Thuốc thử 1 và 2 ổn định ít nhất 4 giờ trên máy, 7 ngày ở 2 - 8 °C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 192      | 8.5           | Hóa chất nội kiểm xét nghiệm anti Xa theo dõi Heparin trọng lượng phân tử thấp    | 144        | ml          | - Hóa chất nội kiểm cho xét nghiệm anti Xa theo dõi Heparin trọng lượng phân tử thấp:<br>- Thành phần:<br>Thuốc thử 1 (R1): Huyết tương người đông khô có Heparin trọng lượng phân tử thấp với hàm lượng biết trước.<br>Thuốc thử 2 (R2): Huyết tương người đông khô có chứa Heparin trọng lượng phân tử thấp với hàm lượng biết trước (cao hơn R1).<br>- Điều kiện bảo quản: Sau khi đã hoàn nguyên, Thuốc thử 1 và 2 duy trì ổn định 4 giờ trên máy, 7 ngày ở 2 - 8°C trong lọ ban đầu có đầy nắp.                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 193      | 8.6           | Hóa chất nội kiểm xét nghiệm anti Xa theo dõi sử dụng Rivaroxaban                 | 36         | ml          | - Gồm 2 lọ huyết tương người cho hai mức nồng độ rivaroxaban khác nhau, dạng đông khô.<br>- Sử dụng chung với hóa chất xét nghiệm anti Xa được thẩm định đồng bộ tương thích với cùng hệ thống máy đông máu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất rửa</b>                                                               |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                            |                                                                                       |
| 194      | 8.7           | Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu                                    | 300.000    | ml          | - Dung dịch rửa pha sẵn cho các hệ thống phân tích đông máu tự động.<br>- Thành phần chính chứa chất diệt nấm họ ether glycol pha loãng trong dung môi nước.<br>- Sử dụng tương thích hệ thống máy đông máu cơ từ song song.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 195      | 8.8           | Dung dịch hấp thụ sử dụng cho các máy phân tích đông máu                          | 10.800     | ml          | - Dung dịch khử nhiễm trên hệ thống máy đông máu, chứa kali hydroxide nồng độ < 1%.<br>- Ổn định trên máy ít nhất 5 ngày.<br>- Sử dụng tương thích hệ thống máy đông máu cơ từ song song.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Vật tư phụ</b>                                                                 |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                            |                                                                                       |
| 196      | 8.9           | Cóng phản ứng cho xét nghiệm đông máu, có bi bằng thép chống rỉ bên trong         | 13.200     | Cái         | Cuvette được làm bằng nhựa dùng một lần, có bi làm bằng thép không gỉ bên trong.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 197      | 8.10          | Cóng phản ứng cho xét nghiệm đông máu, có bi bằng thép chống rỉ bên trong         | 54.000     | Cái         | - Thành phần: Cuvette bằng nhựa dùng một lần, có bi làm bằng thép không gỉ bên trong, đóng gói ít nhất 1000 đơn vị cuvette mỗi cuộn, 1 cuvette = 1 test.<br>- Không đóng thành khay, màng để tránh lãng phí cuvette đo khi không có đủ xét nghiệm theo khay/màng.<br>- Bảo quản được ở nhiệt độ phòng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 198      | 8.11          | Cốc chứa hóa chất, huyết tương hiệu chuẩn, chất kiểm định                         | 200        | Cái         | - Ống hình trụ làm bằng thủy tinh, tráng silicon bên trong.<br>- Dùng để chứa hóa chất xét nghiệm đông máu, QC hoặc Calibrator.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất chạy mẫu</b>                                                          |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                            |                                                                                       |
| 199      | 8.12          | Hóa chất Xác định thời gian Prothrombin (PT)                                      | 2.400      | ml          | - Hóa chất xét nghiệm PT trên máy đông máu tự động. Giá trị phân tích kèm theo với mã vạch được cung cấp trong hộp. Mã vạch này chứa các thông tin: số lô, số mã kit, số mã thuốc thử, hạn sử dụng, giá trị tiền hiệu chuẩn, và giá trị ISI.<br>- Thuốc thử 1: Chứa thromboplastin đông khô chiết xuất từ não thỏ. Ngoài ra còn chứa một chất ức chế heparin đặc hiệu.<br>- Thuốc thử 2: Dung môi hòa tan có chứa calci.<br>- Xét nghiệm phát hiện điểm đông (Clotting) theo cơ chế từ (cơ học) để hạn chế nhiều kết quả khi đo mẫu bệnh lý HIL.<br>Không bị ảnh hưởng với hemoglobin (lên đến 2 g/L), bilirubin liên hợp, bilirubin không liên hợp (lên đến 342 µmol/L) và triglycerid (lên đến 37 mmol/ L). Tuân thủ theo tài liệu hướng dẫn CLSI EP07-A2. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                           | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 200      | 8.13          | Hóa chất xác định thời gian Kaolin-thromboplastin từng phần hoạt hóa (APTT) | 1.080      | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất dùng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương.</li> <li>- Thành phần: Chứa cephalin từ mô não thỏ, đông khô; dung dịch đệm kaolin (5mg/ml).</li> <li>- Xét nghiệm phát hiện điểm đông (Clotting) theo cơ chế từ (cơ học) để hạn chế nhiều kết quả khi đo mẫu bệnh lý HIL.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng:<br/>Độ lặp lại đo mẫu 1: 0.6 CV%<br/>Độ lặp lại đo mẫu 2: 0.7 CV%<br/>Độ tái lập đo mẫu 1: 3.5 CV%<br/>Độ tái lập đo mẫu 2: 2.6 CV%</li> <li>- Bảo quản sau khi mở nắp: với thanh khuấy từ liên tục trên máy ít nhất 24h - 48h. Giữ được trong tủ mát 7 ngày.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 201      | 8.14          | Dung dịch 0.025 M CaCl <sub>2</sub> cho các xét nghiệm đông máu             | 1.440      | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung dịch Calci Clorua dùng cho các xét nghiệm đông máu như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hay cho phân tích các yếu tố đông máu con đường nội sinh, sử dụng đồng bộ trên dòng máy đông máu tự động đo từ.</li> <li>- Thành phần: Dung dịch lỏng Calci Clorua 0,025 M. chứa chất bảo quản Natri Azide (&lt; 1g/L).</li> <li>- Bảo quản được ở 2 - 8 độ C; Sau khi mở nắp ổn định trên máy ít nhất 3 ngày.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 202      | 8.15          | Hóa chất xác định thời gian Thrombin                                        | 1.920      | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất xét nghiệm thời gian Thrombin.</li> <li>- Thành phần: Chứa thrombin citrat canxi (người), khoảng 1,5 NIH unit/ml, dạng đông khô.</li> <li>- Xét nghiệm phát hiện điểm đông (Clotting) theo cơ chế từ (cơ học) để hạn chế nhiều kết quả khi đo mẫu bệnh lý HIL.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng:<br/>Độ lặp lại đo mẫu bình thường: 2,8 CV%<br/>Độ lặp lại đo mẫu bất thường: 1,7 CV%<br/>Độ tái lập đo mẫu bình thường: 1,6 CV%<br/>Độ tái lập đo mẫu bất thường: 3,3 CV%</li> <li>- Lọ đã hoàn nguyên có thể bảo quản ổn định trên máy ít nhất 8h.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 203      | 8.16          | Hóa chất Định lượng fibrinogen theo phương pháp Clauss                      | 480        | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất định lượng nồng độ Fibrinogen trong huyết tương người bằng phương pháp Clauss. Giá trị phân tích kèm theo với mã vạch được cung cấp trong hộp. Mã vạch này chứa các thông tin: số lô, số mã kit, số mã thuốc thử, hạn sử dụng và giá trị hiệu chuẩn (được xác nhận cho tất cả thuốc thử cùng lô).</li> <li>- Thành phần: Chứa thrombin người đã citrat hóa có chứa canxi (khoảng 100 NIH units/ml) và có chứa một chất ức chế đặc hiệu heparin inhibitor cho phép phân tích fibrinogen trong mẫu huyết tương có heparin.</li> <li>- Giới hạn đo: 0.4 - 12.0 (g/L)</li> <li>- Sau khi mở nắp, thuốc thử ổn định tối thiểu 2 tháng ở 2 - 8 độ C và tối thiểu 10 ngày trên máy phân tích.</li> <li>- Kết quả Fib không bị nhiễu bởi các thông số HIL như với hemoglobin (lên đến 2 g/L), bilirubin liên hợp, bilirubin không liên hợp (lên đến 0,2 g/L) và triglycerid (lên đến 22,9 g/L). Các thử nghiệm được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn CLSI EP07-A2.</li> </ul> | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 204      | 8.17          | Dung dịch đệm Owren-Koller cho xét nghiệm đông máu                          | 2.160      | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung dịch pha loãng cho xét nghiệm đông máu (dung dịch đệm) có pH khoảng 7,35.</li> <li>- Sau khi mở nắp ổn định trên máy ít nhất 3 ngày.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 205      | 8.18          | Hóa chất định lượng anti Xa                                                 | 480        | ml          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất dùng định lượng hoạt tính kháng yếu tố Xa: Heparin không phân đoạn, trọng lượng phân tử thấp, fondaparinux, rivaroxaban, apixaban và edoxaban... thông qua hoạt độ của yếu tố X hoạt hóa.</li> <li>- Giới hạn tuyến tính lên đến 1.10 IU/ml (UFH) và đến 2.00 anti-Xa IU/ml (LMWH).</li> <li>- Bảo quản được ở 2 - 8 độ C. Sau khi mở lọ, thuốc ổn định tối thiểu 7 ngày trên máy và tối thiểu 3 tháng trong tủ mát 2 - 8 độ C.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 9             | Hóa chất, vật tư dùng cho máy khí máu, điện giải i-STAT 1 - Abbott          |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                            |                                                                                       |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                                                                                                                     | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 206      | 9.1           | Thẻ xét nghiệm định lượng Điện giải (Na, K, iCa), Huyết học (Hct, Hgb), Khí máu (pH, pCO <sub>2</sub> , PO <sub>2</sub> , TCO <sub>2</sub> , HCO <sub>3</sub> , BE, SO <sub>2</sub> ) | 2.000      | Test        | Thẻ xét nghiệm định lượng Điện giải (Na, K, iCa), Huyết học (Hct, Hgb), Khí máu (pH, pCO <sub>2</sub> , PO <sub>2</sub> , TCO <sub>2</sub> , HCO <sub>3</sub> , BE, SO <sub>2</sub> ) chạy được trên máy KHÍ MÁU ĐIỆN GIẢI (Model: I-STAT 1/ABBOTT-MỸ).                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 10            | <b>Test thử nước tiểu sử dụng cho máy phân tích nước tiểu Combilyzer VA - Human</b>                                                                                                   |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                            |                                                                                       |
| 207      | 10.1          | Test thử dùng cho máy phân tích nước tiểu 11 thông số                                                                                                                                 | 3.000      | Test        | - Đo các thông số theo thứ tự: Bilirubin (3.1%), Urobikogen (3.6%), Ketones (2%), Ascorbis acid (0.7%), Glucose, Protein(0.2%), Blood, pH, Nitrite, Leu, Specific gravity.<br>- Que thử không chuyển sang màu sau khi hoàn tất xét nghiệm. Không lan màu trong khoảng pH và tỷ trọng nước tiểu. Màu khác nhau theo tùy thông số.<br>- Đọc kết quả nhanh bằng mắt thường hoặc bằng máy.                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 208      | 10.2          | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 1                                                                                                                        | 240        | ml          | - Thành phần: Nước tiểu người, dạng lỏng.<br>- Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi.<br>- Ổn định tối thiểu 30 ngày sau khi mở nắp tại 2 - 25°C.<br>- Hạn sử dụng tối thiểu 2,5 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 2 - 8°C.                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 209      | 10.3          | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 2                                                                                                                        | 240        | ml          | - Thành phần: Nước tiểu người, dạng lỏng.<br>- Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi.<br>- Ổn định tối thiểu 30 ngày sau khi mở nắp tại 2 - 25°C.<br>- Hạn sử dụng tối thiểu 2,5 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 2 - 8°C.                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 11            | <b>Test thử nước tiểu sử dụng cho máy phân tích nước tiểu Combilyzer 13 - Human</b>                                                                                                   |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                            |                                                                                       |
| 210      | 11.1          | Test thử dùng cho máy phân tích nước tiểu 13 thông số                                                                                                                                 | 8.000      | Test        | - Đo các thông số theo thứ tự: Bilirubin (0.6%), Urobikogen (0.2%), Ketones (5.7%), Ascorbis acid (0.8%), Glucose, Protein(0.1%), Blood, pH, Nitrite, Leu, Specific gravity, Creatinine (4.8%), Microalbumin (2.2%).<br>- Que thử không chuyển sang màu sau khi hoàn tất xét nghiệm. Không lan màu trong khoảng pH và tỷ trọng nước tiểu. Màu khác nhau theo tùy thông số.<br>- Đọc kết quả nhanh bằng mắt thường hoặc bằng máy. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 211      | 11.2          | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 1                                                                                                                        | 120        | ml          | - Thành phần: Nước tiểu người, dạng lỏng.<br>- Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi.<br>- Ổn định tối thiểu 30 ngày sau khi mở nắp tại 2 - 25°C.<br>- Hạn sử dụng tối thiểu 2,5 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 2 - 8°C.                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 212      | 11.3          | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 2                                                                                                                        | 120        | ml          | - Thành phần: Nước tiểu người, dạng lỏng.<br>- Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi.<br>- Ổn định tối thiểu 30 ngày sau khi mở nắp tại 2 - 25°C.<br>- Hạn sử dụng tối thiểu 2,5 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 2 - 8°C.                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 12            | <b>Test thử nước tiểu sử dụng cho máy phân tích nước tiểu bán tự động Urilyzer 500 Pro - 77 Elektronika Muszeripari Kft./</b>                                                         |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                            |                                                                                       |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                                | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 213      | 12.1          | Test thử dùng cho máy phân tích nước tiểu 11 thông số                                            | 60.000     | Test        | - Đo được 11 thông số nước tiểu gồm: Glucose, pH, Protein, máu, Ketones, Nitrite, Bilirubin, Urobilinogen, tỷ trọng, bạch cầu, acid Ascorbic.<br>- Thành phần thuốc thử:<br>Ascorbic acid: 2,6-dichlorophenolindophenol 0.7%<br>Bilirubin: diazonium salt 3.1%<br>Máu: tetramethylbenzidine-dihydrochloride 2.0%, isopropylbenzol-hydroperoxide 21.0%<br>Glucose: glucose oxidase 2.1%; peroxidase 0.9%; otolidine-hydrochloride 5.0%<br>Ketones: sodium nitroprusside 2.0%<br>Bạch cầu: carboxylic acid ester 0.4%; diazonium salt 0.2%<br>Nitrite: tetrahydrobenzo[h]quinolin-3-ol 1.5%; sulfanilic acid 1.9%<br>pH: methyl red 2.0%; bromothymol blue 10.0%<br>Protein: tetrabromophenol blue 0.2%<br>Tỷ trọng: bromothymol blue 2.8%<br>Urobilinogen: diazonium salt 3.6%. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 214      | 12.2          | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 1                                   | 240        | ml          | - Thành phần: Nước tiểu người, dạng lỏng.<br>- Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi.<br>- Ổn định tối thiểu 30 ngày sau khi mở nắp tại 2 - 25°C.<br>- Hạn sử dụng tối thiểu 2,5 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 2 - 8°C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 215      | 12.3          | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 2                                   | 240        | ml          | - Thành phần: Nước tiểu người, dạng lỏng.<br>- Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi.<br>- Ổn định tối thiểu 30 ngày sau khi mở nắp tại 2 - 25°C.<br>- Hạn sử dụng tối thiểu 2,5 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 2 - 8°C.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 13            | Test thử đường huyết sử dụng cho Máy thử đường huyết Caresens-N, hãng sản xuất: I-Sens, Hàn Quốc |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                            |                                                                                       |
| 216      | 13.1          | Test thử đường huyết sử dụng cho máy Caresens-N                                                  | 16.000     | Test        | Phạm vi đo: 1.1-33.3 mmol/L. Thời gian đo: 5 giây.<br>Đường oxy hóa: 27 đơn vị. Loại mẫu: Máu mao mạch toàn phần. Nhiệt độ hoạt động: 10-40 độ C. Độ ẩm: 10-90%. Hồng cầu: 20-60%. Độ chính xác: 99% ± 15%.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 14            | Test thử đường huyết sử dụng cho Máy thử đường huyết OneTouch Ultra Plus - Lifescan              |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                            |                                                                                       |
| 217      | 14.1          | Test thử đường huyết sử dụng cho máy OneTouch Ultra Plus                                         | 2.000      | Test        | Sử dụng men (enzyme): Glucose Dehydrogenase (FAD-GDH) rất đặc hiệu với glucose (chỉ phản ứng với glucose) cho kết quả chính xác vì không bị ảnh hưởng bởi nồng độ oxy và các loại đường như maltose, galactose có trong máu.<br>- Độ chính xác cao 99,2%.<br>- Mã hóa tự động nhận que không cần hiệu chỉnh hay cài đặt.<br>- Que thử tự thấm hút nhanh, dễ dàng thấm đủ lượng máu.<br>- Thời gian đo: 5 giây, mẫu lấy máu: 0,4μL, lấy máu 2 cạnh bên.<br>- Quét mẫu máu 500 lần trong vòng 5 giây để loại bỏ các yếu tố gây nhiễu gồm oxy, maltose và 56 thành phần thông thường khác.<br>- Phạm vi đo lượng Glucose: 20 - 600 mg/dL (1,1 - 33,3 mmol/L)<br>- Khoảng Hematocrit: 20 - 60%.                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 15            | Test thử đường huyết sử dụng cho Máy thử đường huyết OneTouch Verio Hospital - Lifescan          |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                            |                                                                                       |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                         | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-----------------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 218      | 15.1          | Test thử đường huyết sử dụng cho máy OneTouch Verio       | 1.000      | Test        | <p>Đo bằng phương pháp: Kỹ thuật hóa điện cực được thiết kế đặc biệt với 2 điện cực Vàng (Au) và điện cực Palladium (Pd).</p> <p>- Sử dụng men (enzyme): Glucose Dehydrogenase (FAD-GDH) rất đặc hiệu với glucose (chỉ phản ứng với glucose) cho kết quả chính xác vì không bị ảnh hưởng bởi nồng độ oxy và các loại đường như maltose, galactose có trong máu.</p> <p>- Độ chính xác cao &gt; 99%.</p> <p>- Mã hóa tự động nhận que không cần hiệu chỉnh hay cài đặt.</p> <p>- Que thử tự thấm hút nhanh, dễ dàng thấm đủ lượng máu.</p> <p>- Loại mẫu máu: mao mạch, tĩnh mạch.</p> <p>- Thời gian đo: 5 giây, mẫu lấy máu: 0,4μL, lấy máu 2 cạnh bên.</p> <p>- Phạm vi đo lường Glucose: 20 - 600 mg/dL (1,1 - 33,3 mmol/L).</p> <p>- Khoảng Hematocrit: 20 - 60%</p> <p>Sử dụng cho Máy thử đường huyết OneTouch Verio Hospital - Lifescan.</p> | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>II. MÁY ĐẶT, MÁY MUỖN</b>                              |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                            |                                                                                       |
|          | 16            | <b>Hóa chất, vật tư sử dụng cho máy miễn dịch tự động</b> |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                            |                                                                                       |
|          |               | <b>Hóa chất chuẩn</b>                                     |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                            |                                                                                       |
| 219      | 16.1          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng AFP         | 24         | ml          | <p>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng AFP 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn AFP ZERO Calibrator 0 ng/mL</p> <p>Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của AFP, chất bảo quản natri azide</p> <p>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn AFP Positive Calibrator 200 ng/mL (xấp xỉ)</p> <p>Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của AFP (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 220      | 16.2          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CEA         | 24         | ml          | <p>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CEA 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CEA ZERO Calibrator 0 ng/mL</p> <p>Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của CEA, chất bảo quản natri azide</p> <p>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CEA Positive Calibrator 50 ng/mL (xấp xỉ)</p> <p>Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của CEA (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 221      | 16.3          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng iFT3        | 72         | ml          | <p>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng iFT3 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn iFT3 Calibrator (1) 0 pg/mL</p> <p>Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của FT3, chất bảo quản natri azide (đông khô).</p> <p>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST iFT3 Calibrator (2) 1.5 pg/mL (xấp xỉ)</p> <p>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST iFT3 Calibrator (3) 3.0 pg/mL (xấp xỉ)</p> <p>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST iFT3 Calibrator (4) 6.0 pg/mL (xấp xỉ)</p> <p>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST iFT3 Calibrator (5) 12 pg/mL (xấp xỉ)</p> <p>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST iFT3 Calibrator (6) 29 pg/mL (xấp xỉ)</p> <p>Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của FT3 (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide (đông khô).</p>                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 222      | 16.4          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng T4          | 72         | ml          | <p>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng T4 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn T4 Calibrator (1) 0 μg/dL</p> <p>Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của T4, chất bảo quản natri azide.</p> <p>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn T4 Calibrator (2) 0.75 μg/dL (xấp xỉ)</p> <p>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn T4 Calibrator (3) 3.0 μg/dL (xấp xỉ)</p> <p>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn T4 Calibrator (4) 6.0 μg/dL (xấp xỉ)</p> <p>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn T4 Calibrator (5) 12 μg/dL (xấp xỉ)</p> <p>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn T4 Calibrator (6) 26 μg/dL (xấp xỉ)</p> <p>Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của T4 (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide.</p>                                                                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                    | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|------------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 223      | 16.5          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CA15-3 | 48         | ml          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CA15-3<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (1) 0 U/mL<br>Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của CA 15-3, chất bảo quản natri azide.<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (2) 1.2 U/mL (xấp xỉ)<br>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (3) 2.4 U/mL (xấp xỉ)<br>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (4) 4.8 U/mL (xấp xỉ)<br>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (5) 9.5 U/mL (xấp xỉ)<br>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (6) 21 U/mL (xấp xỉ)<br>Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ CA 15-3 được chỉ định (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide.           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 224      | 16.6          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CA19-9 | 48         | ml          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CA19-9<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 19-9 Calibrator (1) 0 U/mL<br>Protein nền không chứa nồng độ CA 19-9 có thể phát hiện được, chất bảo quản natri azide (đạng lỏng).<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 19-9 Calibrator (2) 25 U/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 19-9 Calibrator (3) 50 U/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 19-9 Calibrator (4) 100 U/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 19-9 Calibrator (5) 200 U/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 19-9 Calibrator (6) 420 U/mL (xấp xỉ)<br>Protein nền chứa nồng độ CA 19-9 được chỉ định (mô tả trên mỗi lọ) chất bảo quản natri azide (đồng khô).                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 225      | 16.7          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng PSAII  | 48         | ml          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng PSAII<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST PSA II Calibrator (1) 0 ng/mL<br>Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của PSA, chất bảo quản natri azide.<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST PSA II Calibrator (2) 0.2 ng/mL (xấp xỉ)<br>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST PSA II Calibrator (3) 2 ng/mL (xấp xỉ)<br>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST PSA II Calibrator (4) 10 ng/mL (xấp xỉ)<br>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST PSA II Calibrator (5) 50 ng/mL (xấp xỉ)<br>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST PSA II Calibrator (6) 110 ng/mL (xấp xỉ)<br>Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ được chỉ định của PSA (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |

HÀNH



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                      | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|--------------------------------------------------------|------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 226      | 16.8          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Free PSA | 48         | ml          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Free PSA<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST free PSA Calibrator (1) 0 ng/mL<br>Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của free PSA, chất bảo quản natri azide.<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST free PSA Calibrator (2) 0.2 ng/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST free PSA Calibrator (3) 1 ng/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST free PSA Calibrator (4) 5 ng/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST free PSA Calibrator (5) 10 ng/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST free PSA Calibrator (6) 23 ng/mL (xấp xỉ)<br>Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ được chỉ định của free PSA (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 227      | 16.9          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng TSH (3G) | 192        | ml          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng TSH(3G)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (1) 0 µIU/mL<br>Protein nền không chứa nồng độ có thể phát hiện của TSH, chất bảo quản natri azide.<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (2) 0.2 µIU/mL (xấp xỉ)<br>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (3) 5.0 µIU/mL (xấp xỉ)<br>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (4) 25 µIU/mL (xấp xỉ)<br>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (5) 50 µIU/mL (xấp xỉ)<br>2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (6) 110 µIU/mL (xấp xỉ)<br>Protein nền chứa nồng độ được chỉ định của TSH (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide.                                                  | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 228      | 16.10         | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng TT3      | 192        | ml          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng TT3<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (1) 0 ng/mL<br>Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của T3, chất bảo quản natri azide.<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (2) 0.5 ng/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (3) 1.0 ng/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (4) 2.0 ng/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (5) 4.5 ng/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (6) 9.0 ng/mL (xấp xỉ)<br>Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của T3 (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide.                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 229      | 16.11         | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng FT4      | 192        | ml          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng FT4<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn FT4 Calibrator (1) 0 ng/dL<br>Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của FT4, chất bảo quản natri azide (đông khô).<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn FT4 Calibrator (2) 0.4 ng/dL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn FT4 Calibrator (3) 1.0 ng/dL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn FT4 Calibrator (4) 2.0 ng/dL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn FT4 Calibrator (5) 4.0 ng/dL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn FT4 Calibrator (6) 9.0 ng/dL (xấp xỉ)<br>Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của FT4 (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide (đông khô).                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                       | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 230      | 16.12         | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng cTnI3G                                    | 48         | ml          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng cTnI3G;<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST cTnI 3rd-Gen Calibrator (1) 0 ng/mL<br>Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của cTnI, chất bảo quản natri azide (dạng lỏng).<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST cTnI 3rd-Gen Calibrator (2) 0.2 ng/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST cTnI 3rd-Gen Calibrator (3) 1.0 ng/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST cTnI 3rd-Gen Calibrator (4) 5.0 ng/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST cTnI 3rd-Gen Calibrator (5) 20.0 ng/mL (xấp xỉ)<br>2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST cTnI 3rd-Gen Calibrator (6) 60.0 ng/mL (xấp xỉ)<br>Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ được chỉ định của cTnI (mô tả trên lọ) (đồng khô). | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 231      | 16.13         | CA-125                                                                                  | 48         | ml          | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CA-125<br>2x1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (1) 0 U/mL<br>Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của CA 125, chất bảo quản natri azide. (dạng lỏng)<br>2x1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (2) 8 U/mL (xấp xỉ)<br>2x1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (3) 32 U/mL (xấp xỉ)<br>2x1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (4) 128 U/mL (xấp xỉ)<br>2x1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (5) 500 U/mL (xấp xỉ)<br>2x1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (6) 1,100 U/mL (xấp xỉ)<br>Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ CA 125 được chỉ định (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azides (đồng khô).                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất rửa</b>                                                                     |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                            |                                                                                       |
| 232      | 16.14         | Hóa chất pha loãng Diluent Concentrate, dung dịch đệm với chất tẩy                      | 4.800      | ml          | Diluent concentrate<br>4x100 mL: Hóa chất pha loãng Diluent Concentrate, dung dịch đệm với chất tẩy.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 233      | 16.15         | Hóa chất rửa PACK Wash Concentrate, dung dịch đệm với chất tẩy và chất kim hãm vi khuẩn | 16.000     | ml          | Wash concentrate<br>4x100 mL: Hóa chất rửa PACK Wash Concentrate, dung dịch đệm với chất tẩy và chất kim hãm vi khuẩn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 234      | 16.16         | Hóa chất pha loãng mẫu cho xét nghiệm CA15-3                                            | 2.400      | ml          | Hóa chất pha loãng mẫu cho xét nghiệm CA15-3<br>4 x 100 mL: Hóa chất pha loãng CA 15-3, chất đệm albumin huyết thanh của bò không chứa nồng độ có thể xác định của CA 15-3, chất bảo quản natri azide.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 235      | 16.17         | Hóa chất kiểm tra mức I                                                                 | 120        | ml          | Hóa chất kiểm tra mức I<br>3 x 5 mL: Hóa chất kiểm tra Multi Control Level 1 (đồng khô).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 236      | 16.18         | Hóa chất kiểm tra mức II                                                                | 120        | ml          | Hóa chất kiểm tra mức II<br>3 x 5 mL: Hóa chất kiểm tra Multi Control Level 2 (đồng khô).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 237      | 16.19         | Hóa chất kiểm tra mức III                                                               | 120        | ml          | Hóa chất kiểm tra mức III<br>3 x 5 mL: Hóa chất kiểm tra Multi Control Level 3 (đồng khô).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Vật tư phụ</b>                                                                       |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                            |                                                                                       |
| 238      | 16.20         | Cốc đựng mẫu                                                                            | 10.000     | Cái         | Sample Cup<br>Cốc đựng mẫu bệnh phẩm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                          | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|----------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 239      | 16.21         | Cốc đựng hóa chất                                                          | 1.600      | Test        | Cốc hóa chất Detector Standardization Test Cup.                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất chạy mẫu</b>                                                   |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                       |
| 240      | 16.22         | Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH (3rd Generation)                        | 10.000     | Test        | Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH; 5 khay x 20 cốc thử, cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đơn dòng của chuột kháng TSH và 50 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng TSH được kết hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide.                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 241      | 16.23         | Hóa chất xét nghiệm định lượng TT3                                         | 10.000     | Test        | Hóa chất xét nghiệm định lượng TT3; 5 khay x 20 cốc thử, cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đơn dòng của chuột kháng T3 và 125 µL của T3 được kết hợp với phosphatase kiềm của bò và ANS, chất bảo quản natri azide.                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 242      | 16.24         | Hóa chất xét nghiệm định lượng iFT3                                        | 6.000      | Test        | Hóa chất xét nghiệm định lượng iFT3; 5 khay x 20 cốc thử, cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đơn dòng của thỏ kháng T3 và 50 µL T3 được kết hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide.                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 243      | 16.25         | Hóa chất xét nghiệm định lượng T4                                          | 6.000      | Test        | Hóa chất xét nghiệm định lượng T4; 5 khay x 20 cốc thử, cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đa dòng của thỏ kháng T4 và 140 µL T4 được kết hợp với phosphatase kiềm của bò và ANS (8-anilino-1-naphthalene sulfonic axit), chất bảo quản natri azide.                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 244      | 16.26         | Hóa chất xét nghiệm định lượng Free T4                                     | 10.000     | Test        | Hóa chất xét nghiệm định lượng Free T4; 5 khay x 20 cốc thử, cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đa dòng của thỏ kháng T4 và 140 µL thyrozone (T4) được kết hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide.                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 245      | 16.27         | Hóa chất xét nghiệm định lượng alpha-fetoprotein                           | 800        | Test        | Hóa chất xét nghiệm định lượng Alpha-fetoprotein; 5 khay x 20 test cup. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đồng khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng AFP và 100 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng AFP (đối với AFP của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 246      | 16.28         | Hóa chất xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm Ung thư 15-3                  | 1.000      | Test        | Hóa chất xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm Ung thư 15-3; 5 khay x 20 test cup. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đồng khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 15-3 và 100 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 15-3 (đối với CA 15-3 của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 247      | 16.29         | Hóa chất xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm Ung thư 19-9                  | 1.000      | Test        | Hóa chất xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm Ung thư 19-9; 5 khay x 20 test cup. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đồng khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA19-9 và 100 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA19-9 (đối với CA19-9 của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 248      | 16.30         | Hóa chất xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm Ung thư 125                   | 1.200      | Test        | Hóa chất xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm Ung thư 125; 5 khay x 20 test cup. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đồng khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 125 và 50 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 125 (đối với CA 125 của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 249      | 16.31         | Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư CEA (carcinoembryonic) | 1.000      | Test        | Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư CEA (carcinoembryonic); 5 khay x 20 test cup. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đồng khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CEA và 50 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng CEA (đối với CEA của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                         | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-----------------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 250      | 16.32         | Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA II                     | 1.200      | Test        | Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA II; 5 khay x 20 test cup. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đồng khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng PSA và 100 $\mu$ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng PSA được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 251      | 16.33         | Hóa chất xét nghiệm định lượng PAP                        | 1.000      | Test        | Hóa chất xét nghiệm định lượng PAP; 5 khay x 20 test cup. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đồng khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng PAP và 75 $\mu$ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng PAP được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 252      | 16.34         | Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA tự do                  | 1.200      | Test        | Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA tự do; 5 khay x 20 test cup. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đồng khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng PSA và 100 $\mu$ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng free PSA được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.                                                                                                                                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 253      | 16.35         | Hóa chất xét nghiệm định lượng cTnI thể hệ thứ 3          | 2.400      | Test        | Hóa chất xét nghiệm định lượng cTnI thể hệ thứ 3 5 khay x 20 test cup. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đồng khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CTNI3RD-GEN và 100 $\mu$ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng CTNI3RD-GEN được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide.                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 254      | 16.36         | Hóa chất nền                                              | 10.000     | ml          | Substrate II<br>2 lọ: Hóa chất nền Substrate Reagent II, 4-methylumbelliferyl photphat, chất ổn định, chất bảo quản natri azide (đồng khô).<br>2 x 100 mL: Hóa chất nền Substrate Reconstituent II, chất đệm chứa chất bảo quản natri azide (dạng lỏng).                                                                                                                                                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 17            | <b>Hóa chất, vật tư sử dụng cho máy miễn dịch tự động</b> |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                            |                                                                                       |
|          |               | <b>Nhóm tuyển giá</b>                                     |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                            |                                                                                       |
| 255      | 17.1          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH                       | 10.000     | Test        | Bộ thuốc thử được dán nhãn TSH.<br>M: Vi hạt phủ streptavidin (nắp trong), 1 chai, 12 mL: Vi hạt phủ streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1: Anti-TSH-Ab-biotin (nắp xám), 1 chai, 14 mL: Kháng thể đơn dòng kháng TSH (chuột) đánh dấu biotin 2.0 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.2; chất bảo quản.<br>R2: Anti-TSH-Ab-Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 12 mL: Kháng thể đơn dòng kháng TSH (chuột/người) đánh dấu phức hợp ruthenium 1.5 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.2; chất bảo quản. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 256      | 17.2          | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH                 | 26         | mL          | • TSH Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL mẫu chuẩn 1<br>• TSH Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL mẫu chuẩn 2<br>Nồng độ của TSH Cal1 trong huyết thanh ngựa khoảng 0 $\mu$ IU/mL; TSH Cal2 chứa khoảng 1.5 $\mu$ IU/mL TSH (người) trong huyết thanh người.                                                                                                                                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 257      | 17.3          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT3                       | 6.000      | Test        | Bộ thuốc thử được dán nhãn FT3.<br>M: Vi hạt phủ streptavidin (nắp trong), 1 chai, 12mL.<br>Vi hạt phủ streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1: Anti-T3-Ab-Ru(bpy) (nắp xám), 1 chai, 18 mL: Kháng thể đơn dòng kháng T3 (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium 18 ng/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.0; chất bảo quản.<br>R2: T3-biotin (nắp đen), 1 chai, 18 mL: T3 đánh dấu biotin 2.4 ng/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.0; chất bảo quản.                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 258      | 17.4          | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT3                 | 16         | mL          | FT3 III CalSet là huyết thanh người đồng khô chứa T3 với hai khoảng nồng độ.<br>Các chai CalSet có thể dùng với tất cả các lô thuốc thử.<br>Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm<br>• FT3 III Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1<br>• FT3 III Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2<br>FT3 với hai khoảng nồng độ (khoảng 2 pmol/L hoặc 1.3 pg/mL và khoảng 40 pmol/L hoặc 26 pg/mL) trong huyết thanh người.                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phân | Danh mục hàng hóa                                                | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|------------------------------------------------------------------|------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 259      | 17.5          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4                              | 10.000     | Test        | Bộ thuốc thử được dán nhãn FT4 4.<br>M Vi hạt phủ streptavidin (nắp trong), 1 chai, 12 mL:<br>Vi hạt phủ streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1 Anti-T4-Ab-Ru(bpy) (nắp xám), 1 chai, 18 mL:<br>Kháng thể đơn dòng kháng T4 (thỏ) đánh dấu phức hợp ruthenium 75 ng/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.0; chất bảo quản.<br>R2 T4-biotin (nắp đen), 1 chai, 18 mL:<br>T4 đánh dấu biotin 2.5 ng/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.0; chất bảo quản.                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 260      | 17.6          | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4                        | 16         | mL          | Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm<br>• FT4 4 Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1<br>• FT4 4 Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2 L-thyroxine với hai khoảng nồng độ (khoảng 10 pmol/L hoặc 0.78 ng/dL và khoảng 45 pmol/L hoặc 3.5 ng/dL) trong hỗn hợp đệm/protein (albumin huyết thanh bò).                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 261      | 17.7          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine toàn phần       | 10.000     | Test        | Bộ thuốc thử (M, R1, R2) được dán nhãn T3:<br>M: Vi hạt phủ streptavidin (nắp trong), 1 chai, 12 mL:<br>Vi hạt phủ streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1: Anti-T3-Ab-Ru(bpy) (nắp xám), 1 chai, 16 mL:<br>Kháng thể đa dòng kháng T3 (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium 75 ng/mL; ANS 0.8 mg/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.4; chất bảo quản.<br>R2: T3-biotin (nắp đen), 1 chai, 16 mL:<br>T3 đánh dấu biotin 3 ng/mL; ANS 0.8 mg/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.4; chất bảo quản. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 262      | 17.8          | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng triiodothyronine toàn phần | 16         | mL          | • T3 Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1<br>• T3 Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2<br>T3 với hai khoảng nồng độ (khoảng 1.25 nmol/L hoặc 0.8 ng/mL và khoảng 8.5 nmol/L hoặc 5.5 ng/mL) trong huyết thanh người.                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 263      | 17.9          | Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroxine                        | 6.000      | Test        | Bộ thuốc thử (M, R1, R2) được dán nhãn T4<br>M: Vi hạt phủ streptavidin (nắp trong), 1 chai, 12 mL:<br>Vi hạt phủ streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1: Anti-T4-Ab-Ru(bpy) (nắp xám), 1 chai, 18 mL:<br>Kháng thể đa dòng kháng T4 (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium 100 ng/mL; ANS 1 mg/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.4; chất bảo quản.<br>R2: T4-biotin (nắp đen), 1 chai, 18 mL:<br>T4 đánh dấu biotin 20 ng/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.4; chất bảo quản.                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 264      | 17.10         | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng thyroxine                  | 16         | mL          | • T4 Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1<br>• T4 Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2 L-thyroxine với hai khoảng nồng độ (khoảng 50 nmol/L hoặc 3.9 µg/dL và khoảng 230 nmol/L hoặc 17.9 µg/dL) trong hỗn hợp đệm/protein (albumin huyết thanh bò).                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Nhóm dấu ấn ung thư</b>                                       |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                            |                                                                                       |
| 265      | 17.11         | Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP                              | 2.000      | Test        | Bộ thuốc thử được dán nhãn AFP.<br>M Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL: Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1 Anti-AFP-Ab-biotin (nắp xám), 1 chai, 10 mL: Kháng thể đơn dòng kháng AFP đánh dấu biotin (chuột) 4.5 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.0; chất bảo quản.<br>R2 Anti-AFP-Ab-Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 10 mL: Kháng thể đơn dòng kháng AFP (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 12.0 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.0; chất bảo quản.   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 266      | 17.12         | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP                        | 8          | mL          | AFP Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1<br>AFP Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2<br>AFP (người, từ canh cây tế bào) với hai khoảng nồng độ (khoảng 5 IU/mL hoặc 6 ng/mL và khoảng 50 IU/mL hoặc 60 ng/mL) trong huyết thanh người                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                   | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-----------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 267      | 17.13         | Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA                 | 1.000      | Test        | Bộ thuốc thử được dán nhãn CEA.<br>M Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 8 mL: Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1 Anti-CEA-Ab-biotin (nắp xám), 1 chai, 10 mL: Kháng thể đơn dòng kháng CEA đánh dấu biotin (chuột/người) 3.0 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.0; chất bảo quản.<br>R2 Anti-CEA-Ab-Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 8 mL: Kháng thể đơn dòng kháng CEA (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 4.0 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.5; chất bảo quản                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 268      | 17.14         | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA           | 8          | mL          | CEA Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1<br>CEA Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2<br>CEA (người, từ canh cây tế bào) với hai khoảng nồng độ (khoảng 5 ng/mL và khoảng 50 ng/mL) trong hỗn hợp đệm/protein. 1 ng/mL CEA tương ứng với 16.9 mIU/mL                                                                                                                                                                                                                                                  | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 269      | 17.15         | Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần       | 1.200      | Test        | Bộ thuốc thử được dán nhãn TPSA.<br>M Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL: Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1 Anti-PSA-Ab-biotin (nắp xám), 1 chai, 10 mL: Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu biotin (chuột) 1.5 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.0; chất bảo quản.<br>R2 Anti-PSA-Ab-Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 10 mL: Kháng thể đơn dòng kháng PSA (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 1.0 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.0; chất bảo quản                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 270      | 17.16         | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần | 8          | mL          | PSA Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1<br>PSA Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2<br>PSA (người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 0 ng/mL và khoảng 60 ng/mL) trong huyết thanh người                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 271      | 17.17         | Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA tự do           | 1.200      | Test        | Bộ thuốc thử được dán nhãn FPSA.<br>M Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL: Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1 Anti-PSA-Ab-biotin (nắp xám), 1 chai, 10 mL: Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu biotin (chuột) 2 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.4; chất bảo quản.<br>R2 Anti-PSA-Ab-Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 9 mL: Kháng thể đơn dòng kháng PSA (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 1.0 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.4; chất bảo quản                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 272      | 17.18         | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA tự do     | 8          | mL          | FPSA Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1<br>FPSA Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2<br>PSA tự do (người) ở hai khoảng nồng độ (khoảng 0.10 ng/mL và khoảng 20 ng/mL) trong hỗn hợp đệm/protein (albumin huyết thanh bò).                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 273      | 17.19         | Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 125              | 1.200      | Test        | Bộ thuốc thử được dán nhãn CA125 II.<br>M Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL: Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1 Anti-CA 125-Ab-biotin (nắp xám), 1 chai, 9 mL: Kháng thể đơn dòng kháng CA 125 đánh dấu biotin (M 11; chuột) 1 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.4; chất bảo quản.<br>R2 Anti-CA 125-Ab-Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 9 mL: Kháng thể đơn dòng kháng CA 125 (OC 125; chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 1 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.4; chất bảo quản. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 274      | 17.20         | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125        | 8          | mL          | CA125 II Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1<br>CA125 II Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2<br>Nồng độ của CA 125 người trong huyết thanh ngựa (CA125 II Cal1) là 0 U/mL; CA125 II Cal2 chứa khoảng 500 U/mL CA 125 người trong hỗn hợp huyết thanh người; chất bảo quản                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                    | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|------------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 275      | 17.21         | Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 15-3              | 1.000      | Test        | Bộ thuốc thử được dán nhãn CA 15-3 II.<br>M Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL: Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1 Anti-CA 15-3-Ab-biotin (nắp xám), 1 chai, 10 mL: Kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin (115D8; chuột) 1.75 mg/L; đệm phosphate 20 mmol/L, pH 6.0; chất bảo quản.<br>R2 Anti-CA 15-3-Ab-Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 10 mL: Kháng thể đơn dòng kháng CA 15-3 (DF3; chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 10 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.0; chất bảo quản        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 276      | 17.22         | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3        | 8          | mL          | CA 15-3 II Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1<br>CA 15-3 II Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2<br>CA 15-3 (người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 15 U/mL và khoảng 100 U/mL) trong huyết thanh người                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 277      | 17.23         | Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 19-9              | 1.000      | Test        | Bộ thuốc thử được dán nhãn CA 19-9.<br>M Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL: Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1 Anti-CA 19-9-Ab-biotin (nắp xám), 1 chai, 10 mL: Kháng thể đơn dòng kháng CA 19-9 đánh dấu biotin (chuột) 3 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.5; chất bảo quản.<br>R2 Anti-CA 19-9-Ab-Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 10 mL: Kháng thể đơn dòng kháng CA 19-9 (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 4 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.5; chất bảo quản            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 278      | 17.24         | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9        | 8          | mL          | CA19-9 Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1<br>CA19-9 Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2<br>CA 19-9 (người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 20 U/mL và khoảng 250 U/mL) trong huyết thanh người; chất bảo quản                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 279      | 17.25         | Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 72-4              | 1.000      | Test        | Bộ thuốc thử được dán nhãn CA72-4.<br>M Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL: Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1 Anti-CA 72-4-Ab-biotin (nắp xám), 1 chai, 8 mL: Kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 đánh dấu biotin (CC49; chuột) 1 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.8; chất bảo quản.<br>R2 Anti-CA 72-4-Ab-Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 8 mL: Kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 (B72.3; chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 6 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.8; chất bảo quản. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 280      | 17.26         | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4        | 8          | mL          | CA72-4 Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1.<br>CA72-4 Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2.<br>CA 72-4 (người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 1 U/mL và khoảng 70 U/mL) trong huyết thanh người; chất bảo quản                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Nhóm tim mạch</b>                                 |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                       |
| 281      | 17.27         | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin T tim       | 2.400      | Test        | Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL: Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1 Anti-troponin T-Ab-biotin (nắp xám), 1 chai, 8 mL: Kháng thể đơn dòng kháng troponin T tim đánh dấu biotin (chuột) 2.5 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.0; chất bảo quản; chất ức chế.<br>R2 Anti-troponin T-Ab-Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 8 mL: Kháng thể đơn dòng kháng troponin T tim (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 2.5 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 6.0; chất bảo quản.                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 282      | 17.28         | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin T tim | 16         | mL          | • TN-T hs Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1<br>• TN-T hs Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2<br>Troponin T (tái tổ hợp, người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 18 ng/L hoặc pg/mL và khoảng 4200 ng/L hoặc pg/mL) trong huyết thanh người.                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                                                               | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 283      | 17.29         | Thuốc thử xét nghiệm định lượng NT-proBNP                                                                                       | 1.000      | Test        | Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL:<br>Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1 Anti-NT-proBNP-Ab-biotin (nắp xám), 1 chai, 9 mL:<br>Kháng thể đơn dòng kháng NT-proBNP đánh dấu biotin (chuột)<br>1.1 µg/mL; đệm phosphate 40 mmol/L, pH 5.8; chất bảo quản.<br>R2 Anti-NT-proBNP-Ab-Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 9 mL:<br>Kháng thể đơn dòng kháng NT-proBNP (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium 1.1 µg/mL; đệm phosphate 40 mmol/L, pH 5.8; chất bảo quản. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 284      | 17.30         | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NT-proBNP                                                                                 | 8          | mL          | • PBNP Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1<br>• PBNP Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2<br>ProBNP với hai khoảng nồng độ (khoảng 16.6 pmol/L hoặc 140 pg/mL và khoảng 320 pmol/L hoặc 2700 pg/mL) trong huyết thanh ngựa.                                                                                                                                                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hòa loãng bệnh phẩm miễn dịch</b>                                                                                            |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                            |                                                                                       |
| 285      | 17.31         | IVD là dung dịch pha loãng mẫu                                                                                                  | 256        | ml          | Hỗn hợp protein; chất bảo quản ≤ 0.1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 286      | 17.32         | IVD là chất pha loãng mẫu                                                                                                       | 144        | ml          | Hỗn hợp protein; chất bảo quản ≤ 0.1 %                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 287      | 17.33         | IVD là chất pha loãng mẫu                                                                                                       | 256        | ml          | Đệm huyết thanh ngựa; chất bảo quản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 288      | 17.34         | IVD là chất pha loãng mẫu                                                                                                       | 144        | ml          | Hỗn hợp protein; chất bảo quản ≤ 0.1 %                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Chất kiểm tra chất lượng nhiều chỉ số miễn dịch</b>                                                                          |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                            |                                                                                       |
| 289      | 17.35         | Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 22 thông số miễn dịch                                                                  | 144        | ml          | Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm<br>• PC U1: 2 chai để pha 2 x 3.0 mL mẫu chứng huyết thanh (người)<br>• PC U2: 2 chai để pha 2 x 3.0 mL mẫu chứng huyết thanh (người)                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 290      | 17.36         | Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 12 thông số miễn dịch                                                                  | 48         | ml          | PC TM1: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL huyết thanh chứng (người)<br>PC TM2: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL huyết thanh chứng (người)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 291      | 17.37         | Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Troponin T, Troponin I                                                                 | 32         | ml          | • PC TN1: 2 chai, mỗi chai 2.0 mL huyết thanh chứng<br>• PC TN2: 2 chai, mỗi chai 2.0 mL huyết thanh chứng<br>Troponin T (tái tổ hợp, người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 30 ng/L hoặc pg/mL và khoảng 2500 ng/L hoặc pg/mL) và troponin I (tái tổ hợp, người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 0.75 µg/L hoặc ng/mL và khoảng 18 µg/L hoặc ng/mL) trong huyết thanh người.                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 292      | 17.38         | Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng CK-MB, Digoxin, GDF-15, Myoglobin và NT-proBNP                                         | 16         | ml          | • PC CARDII1: 2 chai, mỗi chai 2.0 mL huyết thanh chứng<br>• PC CARDII2: 2 chai, mỗi chai 2.0 mL huyết thanh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 293      | 17.39         | Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng Vitamin B12, Ferritin, Folate, βCTx, Osteocalcin, PTH, P1NP, Vitamin D, Calcitonin | 24         | ml          | PC V1: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL huyết thanh chứng<br>• PC V2: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL huyết thanh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Hóa chất hệ thống, vật tư tiêu hao</b>                                                                                       |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                            |                                                                                       |





| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                     | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-----------------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 294      | 17.40         | IVD là cốc chứa hỗn hợp phản ứng                                      | 50.400     | Cái         | Cúp nhựa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 295      | 17.41         | IVD là đầu côn hút mẫu                                                | 100.800    | Cái         | Típ nhựa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 296      | 17.42         | IVD là dung dịch rửa                                                  | 114.000    | ml          | KOH 176 mmol/L (tương ứng với pH 13.2); chất tẩy ≤ 1 %.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 297      | 17.43         | IVD là dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa              | 114.000    | ml          | Đệm phosphate 300 mmol/L; tripropylamine 180 mmol/L; chất tẩy ≤ 0.1 %; chất bảo quản; pH 6.8                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 298      | 17.44         | IVD là chất phụ gia cho bình chứa nước cất                            | 27.000     | ml          | Polidocano nồng độ % khối lượng/khối lượng từ 7% đến dưới 10%. 2-methyl-2H-isothiazol-3-one nồng độ % khối lượng/khối lượng từ 0.5% đến dưới 1%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 299      | 17.45         | Tế bào đo xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đóng gói 1 cái    | 2          | Cái         | Tế bào đo xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đóng gói 1 cái                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>Nhóm thiếu máu</b>                                                 |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                            |                                                                                       |
| 300      | 17.46         | Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin                              | 2.000      | Test        | Bộ thuốc thử được dán nhãn FERR.<br>M Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL: Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.<br>R1 Anti-Ferritin-Ab-biotin (nắp xám), 1 chai, 10 mL: Kháng thể đơn dòng kháng ferritin đánh dấu biotin (chuột) 3.0 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.2; chất bảo quản.<br>R2 Anti-ferritin-Ab-Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 10 mL: Kháng thể đơn dòng kháng ferritin (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 6.0 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.2; chất bảo quản.                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 301      | 17.47         | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ferritin                        | 16         | ml          | • FERR Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1<br>• FERR Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2<br>Ferritin (người, gan) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 10 µg/L hoặc ng/mL và khoảng 300 µg/L hoặc ng/mL) trong hỗn hợp huyết thanh người.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 18            | <b>Hóa chất, vật tư dùng cho hệ thống phân tích nước tiểu tự động</b> |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                            |                                                                                       |
| 302      | 18.1          | Que thử xét nghiệm nước tiểu 10 thông số                              | 20.000     | Test        | Mỗi 1 cm <sup>2</sup> của vùng xét nghiệm chứa các thành phần sau:<br>pH: Xanh bromothymol 13.9 µg; đỏ methyl 1.2 µg;<br>phenolphthalein 8.6 µg<br>Bạch cầu: Ester acid indoxylcarbonic 15.5 µg; muối methoxymorpholinobenzene diazonium 5.5 µg<br>Nitrite: 3-hydroxy-1,2,3,4-tetrahydro-7,8-benzoquinoline 33.5 µg; sulfanilamide 29.1 µg<br>Protein: 3',3'',5',5'''-tetrachlorophenol-3,4,5,6-tetrabromosulfophthalein 13.9 µg<br>Glucose: 3,3',5,5'-tetramethylbenzidine 103.5 µg; GOD 6 U, POD 35 U<br>Ketones: Natri nitroprusside 157.2 µg<br>Urobilinogen: 4-methoxybenzene-diazonium-tetrafluoroborate 67.7 µg<br>Bilirubin: 2,6-dichlorobenzene-diazonium-tetrafluoroborate 16.7 µg<br>Máu: 3,3',5,5'-tetramethylbenzidine 52.8 µg;<br>2,5-dimethyl-2,5-dihydroperoxyhexane 297.2 µg. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng                        | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                      | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|---------------------------------|---------------|----------------------------------------|------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 303                             | 18.2          | Que hiệu chuẩn xét nghiệm nước tiểu    | 50         | Test        | Que mẫu chuẩn sẵn sàng sử dụng được làm từ vật liệu nhựa trơn màu xám có đặc điểm độ phản xạ không đổi. Các giá trị chuẩn định được xác định tham chiếu từ một mức chuẩn trắng và được lưu trong phần mềm của máy phân tích.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 304                             | 18.3          | Dung dịch bảo dưỡng máy                | 500        | ml          | Sodium hypochlorite...% active chlorine (Nồng độ %: $\geq 1,5 - < 2,5$ ).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| <b>III. SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN</b> |               |                                        |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                       |
| 305                             | 19            | Test nhanh chẩn đoán viêm gan C        | 2.000      | Test        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người.</li> <li>- Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần.</li> <li>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100%.</li> <li>- Thành phần Kit thử:               <ul style="list-style-type: none"> <li>Vùng Cộng hợp: kháng thể đơn dòng kháng IgG người;</li> <li>Vạch kết quả kháng nguyên HCV-210;</li> <li>Vạch chứng IgG người.</li> </ul> </li> <li>- Bảo quản được ở nhiệt độ thường.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 306                             | 20            | Test nhanh chẩn đoán virus cúm hỗn hợp | 1.000      | Test        | <p>1. Phát hiện phân biệt và định tính các kháng nguyên vi rút cúm loại A và loại B trực tiếp từ que phết mũi / họng / mũi-hầu hoặc các mẫu hút từ mũi/mũi-hầu. (HDSD)</p> <p>2. Thành phần: (HDSD)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 thanh thử gồm: Cộng hợp vàng A (thành phần chính): Chất keo vàng kháng thể chuột đơn dòng kháng cúm A (<math>0,11 \pm 0,02 \mu\text{g}</math>), Phức hợp vàng B: Chất keo vàng kháng thể chuột đơn dòng kháng cúm B (<math>0,06 \pm 0,01 \mu\text{g}</math>)</li> <li>- Vạch thử "A" (thành phần chính): Kháng thể chuột đơn dòng kháng cúm A (<math>0,80 \pm 0,16 \mu\text{g}</math>)</li> <li>- Vạch thử "B" (thành phần chính): Kháng thể chuột đơn dòng kháng cúm B (<math>0,80 \pm 0,16 \mu\text{g}</math>)</li> <li>- Vạch chứng (thành phần chính): Globulin miễn dịch dê kháng chuột G (<math>0,70 \pm 0,14 \mu\text{g}</math>)</li> <li>• Dung dịch pha loãng: Tricine (0,4 M), NaCl (q.s.), TritonX-100 (q.s.), Natri azua (0,02%)</li> <li>• Que kiểm chuẩn; que kiểm chuẩn dương tính với cúm A: Vi rút cúm người bất hoạt loại A/H1N1 (0.1.27 HAU), vi rút cúm người bất hoạt loại A/H3N2 (0.1.23 HAU), que kiểm chuẩn dương tính với cúm B: Vi rút cúm người bất hoạt loại B (0.1.25 HAU), que kiểm chuẩn âm tính với cúm: Streptococcus pyogenes bất hoạt formalin (5.105 Org.)</li> </ul> <p>3. Hiệu suất: độ nhạy: 91.8%, Độ đặc hiệu: 99% so với phương pháp nuôi cấy vi rút và RT-PCR. (HDSD)</p> <p>4. Không có khả năng gây nhiễu bởi các chất: lipid huyết (Lipemic), tán huyết (Hemolysis), vàng da (Icteric - high bilirubin concentration)</p> <p>5. Không có phản ứng chéo với:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+17 chủng vi khuẩn: Bordetella pertussis, Enterococcus faecalis, Escherichia coli, Haemophilus influenzae, Klebsiella pneumoniae, Legionella pneumophila, Mycobacterium avium, Mycobacterium intracellulare, Mycobacterium tuberculosis, Mycoplasma pneumoniae, Neisseria gonorrhoeae, Neisseria meningitidis, Proteus</li> </ul> | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                            | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 307      | 21            | Test nhanh chẩn đoán Sốt xuất huyết                          | 400        | Test        | <p>1. Phát hiện kháng nguyên NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người.</p> <p>2. Độ nhạy 92,4% và độ đặc hiệu 98,4% so với RT-PCR.</p> <p>3. Phức hợp vàng: Keo vàng -pool NS1 kháng dengue đơn dòng chuột (<math>0,0623 \pm 0,0200 \mu\text{g}</math>), Keo vàng - IgY gà (<math>0,050 \pm 0,015 \mu\text{g}</math>). Vạch thử: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng Dengue NS1 Ab (<math>0,64 \pm 0,20 \mu\text{g}</math>). Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY (<math>0,64 \pm 0,20 \mu\text{g}</math>).</p> <p>4. Không cần dung dịch pha loãng.</p> <p>5. Các mẫu bệnh phẩm huyết tán, nhiễm mỡ, mật và những mẫu có chứa các yếu tố dạng thấp không gây nhiễu cho sản phẩm.</p> <p>6.4 tác nhân gây bệnh có tiềm năng gây phản ứng chéo gồm Bệnh viêm não Nhật Bản, Sốt vàng da, Malaria P. falciparum, Malaria P. vivax không ảnh hưởng đến kết quả của test thử.</p> <p>7. Giới hạn phát hiện các serotype DENV:<br/> Type 1: <math>1.95 \times 10^1</math> TCID50/ml<br/> Type 2: <math>1.95 \times 10^2</math> TCID50 /ml (910), <math>3.13 \times 10^5</math> TCID50/ml (NGC-2)<br/> Type 3: <math>6.25 \times 10^6</math> TCID50 /ml (S#25), <math>1.56 \times 10^2</math> TCID50 /ml (H87)<br/> Type 4: <math>1.56 \times 10^1</math> TCID 50 /ml (814669), <math>1.95 \times 10^0</math> TCID50 /ml (480)</p> <p>8. Thời gian trả kết quả: 15 - 20 phút</p> <p>9. Thanh thử ổn định ít nhất 72 giờ sau khi mở túi nhôm</p> <p>11. Có nghiên cứu độ nhạy đối với lây nhiễm nguyên phát và lây nhiễm thứ phát. Có nghiên cứu trên các sero-type Dengue</p> <p>12. Mẫu máu toàn phần được sử dụng trong vòng 3 ngày nếu bảo quản từ 2 đến 8°C</p> <p>13. Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ <math>55 \pm 1^\circ\text{C}</math></p> <p>14. Dạng khay</p> <p>15. Tiêu chuẩn ISO CE, CE, EU</p> | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 308      | 22            | Khay xét nghiệm định tính Rotavirus trong mẫu bệnh phẩm phân | 720        | Test        | <p>1. Phát hiện kháng nguyên Rotavirus trong mẫu phân.</p> <p>2. Độ nhạy: 94%; Độ đặc hiệu: 98.3% và tương quan là 96.9% với RT-PCR.</p> <p>3. Đạt tiêu chuẩn CE, được lưu hành tại ít nhất 2 nước tham chiếu.</p> <p>4. Mẫu được chiết xuất trong dung dịch pha loãng có thể được bảo quản ở nhiệt độ từ 2 - 8°C trong 1 tuần trước khi xét nghiệm.</p> <p>5. Ngưỡng phát hiện: <math>3.9 \times 10^2</math> TCID50/ml</p> <p>6. Bảo quản được ở 1 - 30°C.</p> <p>7. Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng vi rút Rota -chất keo vàng (<math>1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}</math>), vạch thử: Kháng thể thô kháng vi rút Rota (<math>1,260 \pm 0,252 \mu\text{g}</math>), vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột (<math>0,720 \pm 0,014 \mu\text{g}</math>).</p> <p>• Dung dịch pha loãng bao gồm: Dung dịch đệm photphat (20 mM), Albumin huyết thanh bò (1%), Natri azua (0,01%), Natri clorua (0,1 M), Tween 20 (0,1%).</p> <p>8. Thời gian trả kết quả: 10 - 20 phút.</p> <p>9. Không có phản ứng chéo với E. coli; liên cầu đường ruột, virus Adeno.</p> <p>10. Dạng khay.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                                               | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 309      | 23            | Test nhanh định tính kháng thể đối với trực khuẩn Giang mai                                     | 200        | Test        | <p>1. Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng <i>Treponema pallidum</i> trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</p> <p>2. Độ nhạy: 99.3% và Độ đặc hiệu: 99.5% so với TPHA.</p> <p>3. Test thử được phủ sẵn kháng nguyên <i>Treponema pallidum</i> tái tổ hợp (17kDa, 15 kDa) trên vùng vạch thử.</p> <p>- 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng - kháng nguyên <i>Treponema pallidum</i> tái tổ hợp (17, 15KDa) (<math>1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}</math>); Vạch thử: Kháng nguyên <i>Treponema pallidum</i> tái tổ hợp (17, 15KDa) (<math>0,7 \pm 0,14 \mu\text{g}</math>); Vạch chứng: Huyết thanh dê kháng <i>Treponema pallidum</i> (<math>0,75 \pm 0,15 \mu\text{g}</math>)</p> <p>4. Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút.</p> <p>5. Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 256 lần của mẫu huyết thanh dương tính với giang mai.</p> <p>6. Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL.</p> <p>8. Được phê duyệt bởi USAID.</p> <p>9. Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh theo Chương trình Đảm bảo Chất lượng Chuỗi Cung ứng Y tế Toàn cầu (GHSC Eligible Diagnostic List).</p> <p>10. Kit thử hoạt động ổn định ít nhất 48 giờ sau khi mở túi nhôm.</p> <p>11. Không có phản ứng chéo với các mẫu HIV, HBV, HCV, HTLV, EBV, CMV, Chlamydia, cúm, ký sinh trùng <i>Toxoplasma</i>, bệnh nhân ung thư, xoắn khuẩn <i>Borrelia burgdorferi</i> IgG/IgM và <i>Trypanosomiasis</i> (T.cruzi I/II).</p> <p>12. Không xảy ra tương tác với ít nhất 34 hợp chất gồm mẫu Phụ nữ mang thai, cholesterol cao, bilirubin cao, yếu tố dạng thấp, mỡ trong máu, huyết tan, tự miễn, xơ gan do rượu, mang thai nhiều lần, Abacavir, Acetaminophen, Acid acetylsalicylic, Amoxicillin, Aspirin, Cholecalciferol, Cyclobenzaprine, Darunavir, Diclofenac, Ergocalciferol, Axit folic, Hydrochlorothiazide, Ibuprofen, Sắt clorua, Isoniazid, Axit L-ascorbic, Naproxen, Nevirapine, Pantoprazole, Magic sulfat</p> | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 310      | 24            | Test nhanh định tính kháng nguyên vi khuẩn H.Pylori trong mẫu máu người                         | 600        | Test        | <p>1. Phát hiện định tính kháng nguyên <i>H. pylori</i> trong mẫu phân.</p> <p>2. Độ nhạy 98,4%; Độ đặc hiệu 100% so với Phương pháp xét nghiệm chức năng hô hấp &amp; xét nghiệm CLO.</p> <p>3. Thành phần chính: Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng kháng <i>Helicobacter pylori</i> từ chuột-chất keo vàng (<math>0,120 \pm 0,024 \mu\text{g}</math>), kháng thể đa dòng kháng LDH từ chó-chất keo vàng (<math>0,0130 \pm 0,0026 \mu\text{g}</math>); Vạch thử: Kháng thể đơn dòng kháng <i>Helicobacter pylori</i> từ chuột (<math>0,640 \pm 0,128 \mu\text{g}</math>); Vạch chứng: LDH tái tổ hợp (<math>0,640 \pm 0,128 \mu\text{g}</math>).</p> <p>4. Giới hạn phát hiện: 2.24 CFU/ml</p> <p>5. Không có phản ứng chéo với <i>E. coli</i>, Rotavirus, <i>Chlamydia trachomatis</i>, <i>Salmonella choleraesuis</i>, <i>Hemophilus influenzae</i>, Group B <i>Streptococcus</i>, Group C <i>Streptococcus</i>, <i>Staphylococcus aureus</i></p> <p>6. Thể tích mẫu: 80 <math>\mu\text{l}</math></p> <p>7. Tiêu chuẩn ISO, CE, được lưu hành tại ít nhất 2 nước tham chiếu.</p> <p>8. Thời gian trả kết quả: 10-20 phút</p> <p>9. Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ <math>55 \pm 1^\circ\text{C}</math>.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 311      | 25            | Test Ure trong nội soi dạ dày chẩn đoán vi khuẩn H.Pylori                                       | 1.200      | Test        | <p>- Ống nhựa 1,5ml có nắp nhấn kín chứa 0,3ml môi trường thạch dùng để kiểm tra nhanh sự hiện diện của <i>Helicobacter pylori</i> trong mẫu bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy. Phenol red, Agar, Urea 40%, <math>\text{Na}_2\text{HPO}_4</math>, <math>\text{KH}_2\text{PO}_4</math>, pH <math>6.8 \pm 0.2</math> ở <math>25^\circ\text{C}</math>.</p> <p>- Thời gian đọc kết quả tối đa 2 - 30 phút.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 312      | 26            | Khay thử xét nghiệm định tính 4 loại ma túy và chất chuyển hóa ma túy trong nước tiểu con người | 4.000      | Test        | <p>- Panel thử xét nghiệm định tính Amphetamine, Ketamine, Methamphetamine và Morphine (Panel thử phát hiện AMP/KET/MET/MOP) trong nước tiểu người khi nồng độ và/ hoặc chất chuyển hóa của chúng vượt ngưỡng phát hiện tương ứng.</p> <p>- Hoạt chất chính: Kháng thể kháng AMP, Kháng thể kháng KET, Kháng thể kháng MET, Kháng thể kháng MOP, cộng hợp MAP-BSA, cộng hợp KET-BSA, cộng hợp MET-BSA, cộng hợp MOP-BSA.</p> <p>1, MOP: Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml</p> <p>2, MET: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000 ng/ml</p> <p>3, AMP: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000ng/ml</p> <p>4, KET: Ngưỡng phát hiện (cut off) 1000 ng/ml</p> <p>- Độ nhạy tương quan 100%, Độ đặc hiệu tương quan 100%, Độ chính xác tương quan 100%.</p> <p>- Đọc kết quả tại 5 phút.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | IV. HÓA CHẤT KHÁC                                                                               |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                            |                                                                                       |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                       | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|---------------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 313      | 27            | Dung dịch sát khuẩn tay nhanh dùng trong y tế           | 400        | Lít         | Thành phần: Ethanol; Isopropyl Alcohol; Chlorhexidine Digluconate; Chất dưỡng ẩm; Phụ gia khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 314      | 28            | Chế phẩm sát khuẩn tay và tắm sát khuẩn dùng trong y tế | 200        | Lít         | Dung dịch tắm sát khuẩn có thành phần: Chlorhexidine Digluconate 2%w/w, Chất bảo quản (CMIT: Methylchloroisothiazolinone & Methylisothiazolinone), Chất hoạt động bề mặt (Decyl Glucoside, Fatty Alcohol Ethoxylate,...), Chất dưỡng ẩm, Hương liệu,...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 315      | 29            | Dung dịch làm sạch và tiền khử khuẩn dụng cụ y tế       | 400        | Lít         | Thành phần: Quaternary Ammonium Propionate; Chlorhexidine Digluconate; Hỗn hợp enzyme (Protease, Lipase, Amylase, Cellulose, Mannanase); Chất hoạt động bề mặt không ion; Thành phần khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 316      | 30            | Dung dịch khử khuẩn dụng cụ y tế mức độ cao             | 100        | Lít         | 1. Thành phần: Acid peracetic $\geq 1000$ ppm (được tạo ra từ acetylcaprolactam), không chứa acid acetic.<br>2. Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút.<br>Tái sử dụng trong vòng 14 ngày, có kèm test kiểm tra nồng độ acid peracetic.<br>3. Hiệu quả diệt khuẩn:<br>- Diệt khuẩn EN 14561 ( <i>Pseudomonas aeruginosa</i> , <i>Staphylococcus aureus</i> , <i>Enterococcus hirae</i> ...)<br>- Diệt nấm EN 14562 ( <i>Candida albicans</i> , <i>Aspergillus brasiliensis</i> ...)<br>- Diệt vi khuẩn lao EN 14563 ( <i>Mycobacterium terrae</i> , <i>Mycobacterium avium</i> ...)<br>- Diệt bào tử trong 5 phút theo EN 17126 ( <i>Bacillus subtilis</i> , <i>Clostridium difficile</i> ...)<br>- Diệt virus EN 17111 ( <i>Adenovirus</i> , <i>Norovirus</i> ...)<br>4. Có tài liệu chứng minh tương thích với ống nội soi hãng Olympus, Fujifilm, Pentax. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 317      | 31            | Viên sát khuẩn                                          | 10.000     | Viên        | - Thành phần: Viên nén khử khuẩn có chứa Sodium dichloroisocyanurate $\geq 50\%w/w$ .<br>- Tác dụng: Khử khuẩn bề mặt dụng cụ, trang thiết bị, tường sàn, vật dụng trong y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 318      | 32            | Javen                                                   | 20.000     | Lít         | Javen 10-12%, có mùi đặc trưng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 319      | 33            | Bột Cloramin B                                          | 600        | Kg          | - Hóa chất khử khuẩn, khử trùng Cloramin B.<br>- Xuất xứ: Châu Âu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 320      | 34            | Bột Cloramin B                                          | 600        | Kg          | Hóa chất khử khuẩn, khử trùng Cloramin B                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 321      | 35            | Oxy già                                                 | 20         | Lít         | Hàm lượng $H_2O_2 \geq 30\%$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 322      | 36            | Cồn 70 độ                                               | 4.600      | Lít         | Ethanol 70 độ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 323      | 37            | Cồn 90 độ                                               | 1.200      | Lít         | Ethanol 90 độ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 324      | 38            | Glycerol                                                | 20         | Lít         | Thành phần: $(C_3H_8)_3 \geq 99\%$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 325      | 39            | Parafin sáp                                             | 200        | Kg          | - Chất rắn dạng sáp màu trắng, không mùi, không vị.<br>- Điểm nóng chảy trong khoảng 47 - 65 độ C.<br>- Không hòa tan trong nước nhưng hòa tan trong ete, benzen và một số este.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                     | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-------------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 326      | 40            | Dung dịch Lugol 3%                                    | 4.000      | ml          | - Chất lỏng màu nâu, mùi hắc đặc biệt, không bắt lửa, hoà tan trong nước theo tỉ lệ bất kỳ.<br>- Thành phần: Iodine 3% (w/v), Kali Iodua, nước cất tinh khiết vừa đủ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>V. VẬT TƯ TIÊU HAO</b>                             |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                            |                                                                                       |
| 327      | 41            | Bông tiem y tế                                        | 40.000     | Gói         | - Thành phần: Bông xơ tự nhiên (100% cotton), màu trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị rơi và có độ thấm hút cao, không lẫn tạp chất, không có độc tố và không gây dị ứng, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.<br>- Kích thước miếng bông: Khoảng 2cm x 2cm, đồng đều về kích thước và trọng lượng.<br>- Tính chất:<br>+ Độ acid bazo: Trung tính<br>+ Khả năng giữ nước: $\geq 20g$ nước/gam bông<br>+ Độ ẩm: $\leq 8\%$<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 328      | 42            | Bông viên Fi 30                                       | 120        | Kg          | - Thành phần: Bông xơ thiên nhiên (100% cotton), màu trắng, không có sợi ngoại lai, sợi mảnh, không mùi, mềm mịn, dai, không bị rơi, không xơ bông trên bề mặt, có độ thấm hút rất cao. Không lẫn tạp chất, không có độc tố và không gây dị ứng, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.<br>- Kích thước: Bông được viên thành từng viên đường kính khoảng 3cm, đều nhau về kích thước và trọng lượng.<br>- Tính chất:<br>+ Độ acid bazo: Trung tính<br>+ Khả năng giữ nước: $\geq 20g$ nước/gam bông<br>+ Độ ẩm: $\leq 8\%$<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 329      | 43            | Bông tấm cồn y tế                                     | 200        | Hộp         | - Thành phần: Cồn (isopropyl alcohol 70%) và bông thấm nước hoặc vải không dệt tẩm cồn 70%.<br>- Công dụng: Dùng làm sạch và khử trùng da trước khi tiêm, giúp giảm nhiễm khuẩn huyết liên quan đến tiêm truyền.<br>- Ngoại quan: Bông tấm cồn có màu trắng, được gấp vuông vắn, thấm cồn đều, có mùi đặc trưng của sản phẩm.<br>- Quy cách: 100 miếng/hộp.                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 330      | 44            | Tăm bông vô trùng lấy mẫu                             | 1.000      | Cái         | Que lấy mẫu bệnh phẩm đóng gói vô trùng. Không có DNase/ RNAse, không chứa chất ức chế với phản ứng PCR.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 331      | 45            | Miếng dán mi nhỏ                                      | 300        | Miếng       | - Thành phần: Màng Polyurethane khoảng 5-15%, trong suốt, chống thấm nước, chống vi khuẩn và virus, dễ dàng theo dõi liên tục vùng tiêm và vùng cố định. Nền keo Acrylate khoảng 5-25% (không latex), độ dính tốt, hạn chế kích ứng da và không sót keo khi tháo băng.<br>- Kích thước: Khoảng 6 x 7 cm.<br>- Đóng gói tiệt trùng.<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 332      | 46            | Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8 lớp vô trùng    | 30.000     | Miếng       | - Dùng trong y tế, đắp vết thương, vết mổ cầm máu.<br>- Thành phần: 100% sợi cotton có độ thấm hút rất cao. Sợi sản xuất, đồng đều, trắng, mịn, mềm mại. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, chất gây dị ứng, tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.<br>- Kích thước: Khoảng 30cm x 40cm x 8 lớp.<br>- Tính chất: Tốc độ hút nước $\leq 5$ giây; Độ ngậm nước $\geq 5$ gr nước/1gr gạc; Độ ẩm: $\leq 8\%$ ; Độ pH: trung tính; Chất tan trong nước $< 0.5\%$ ; Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép; Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%.<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 333      | 47            | Gạc phẫu thuật nội soi 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp vô trùng | 20.000     | Miếng       | - Thành phần: Gạc được làm từ chất liệu vải không dệt và 100% bông tự nhiên. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.<br>- Kích thước: Khoảng 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp.<br>- Độ ẩm: Không quá 8%.<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                   | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-----------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 334      | 48            | Gạc củ ấu sản khoa vô trùng                         | 12.000     | Cái         | - Thành phần: Dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.<br>- Tính chất:<br>+ Tốc độ hút nước $\leq 5$ giây; Độ ngậm nước $\geq 5$ gr nước/1gr gạc;<br>+ Độ pH: trung tính.<br>- Đóng gói vô trùng.                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 335      | 49            | Miếng cầm máu mũi                                   | 200        | Miếng       | - Thành phần: Vật liệu PVA (Polyvinylal Alcohol) tương thích sinh học, xốp (bọt biển) có thể nở rộng.<br>- Kích thước: Khoảng 8x2x1.5cm; kích thước lỗ siêu nhỏ.<br>- Tính chất: Có khả năng nở rộng dưới áp lực niêm mạc và khả năng hấp thụ $\geq 25$ lần trọng lượng.<br>- Đóng gói chân không vô trùng.                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 336      | 50            | Băng bột bó 15cm x 2.75m                            | 8.000      | Miếng       | - Thành phần: Làm từ bột thạch cao liên gạc (Thạch cao $\geq 97\%$ , gạc 100% cotton). Khối lượng thạch cao 400g/m <sup>2</sup> - 420g/m <sup>2</sup> . Khối lượng gạc 28g/m <sup>2</sup> - 29g/m <sup>2</sup> . Vò là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, trắng, mịn, thời gian đông kết từ 2 - 4 phút.<br>- Kích thước: khoảng 15cm x 2,75m. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 337      | 51            | Găng tay khám không bột các cỡ                      | 6.000      | Đôi         | - Găng tay sạch không bột dùng trong thăm khám, chăm sóc người bệnh.<br>- Thành phần: cao su thiên nhiên, không bột.                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 338      | 52            | Bao đo huyết áp dùng cho monitor theo dõi bệnh nhân | 40         | Cái         | - Kích thước bao khoảng 13cm, dài rộng bao từ 23 - 33cm.<br>- Xuất xứ: Đông Nam Á.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 339      | 53            | Bộ dây máy thở cao tần dùng một lần cho người lớn   | 20         | Bộ          | - Chất liệu bằng PVC hoặc Silicon hoặc chất tương thích sinh học.<br>- Bao gồm: 1 đoạn dây dài 160cm ( $\pm 5\%$ ) gồm 2 bẫy nước; 1 đoạn dây dài 60cm ( $\pm 5\%$ ) nối bình làm ẩm; 1 cút chữ Y, 2 cút thẳng.                                                                                                                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 340      | 54            | Ambu bóp bóng các cỡ                                | 20         | Cái         | - Chất liệu: nhựa PVC.<br>- Dây oxy chất liệu PVC dài 2m ( $\pm 5\%$ ). Mặt nạ chất liệu PVC, PC hoặc tốt hơn. Khoảng chết: dưới 6ml.                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 341      | 55            | Bình đựng thuốc máy khí dung NE - C28               | 30         | Cái         | - Bao gồm: Bộ phun khí, ống ngậm.<br>- Dùng cho máy xông khí dung Omron.<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 342      | 56            | Mask khí dung                                       | 500        | Bộ          | - Mặt nạ sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh. Có bộ khí dung.<br>- Dây dẫn sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, chiều dài $\geq 2.1$ m, lòng ống có khóa chống gập, đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn.<br>- Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân.<br>- Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao.<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 343      | 57            | Đầu đo SpO2                                         | 10         | Cái         | - Loại kẹp vào ngón tay dùng cho người lớn và trẻ từ 20kg trở lên.<br>- Phạm vi nhiệt độ để độ chính xác SpO2 được đảm bảo: 18 đến 40°C.<br>- Dùng cho Monitor theo dõi Bệnh nhân Nihon Kohden<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 344      | 58            | Dây nối SpO2                                        | 10         | Cái         | - Dùng để nối với đầu đo SpO2.<br>- Chiều dài: khoảng 2.5m.<br>- Nhiệt độ hoạt động từ 0 - 45 độ. Độ chính xác SpO2 từ 18 - 40 độ.<br>- Đầu nối với đầu đo SpO2: Đầu nối hình chữ nhật 15 chân (đực);<br>Đầu nối cắm máy monitor: Đầu nối hình chữ nhật 9 chân (cái).<br>- Dùng cho Monitor theo dõi Bệnh nhân Nihon Kohden<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                     | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|---------------------------------------|------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 345      | 59            | Bơm cho ăn 50ml                       | 1.400      | Cái         | - Thành phần: Làm từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa, không chứa độc tố và chất gây sốt. Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn.<br>- Dung tích: Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em.<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 346      | 60            | Kim cánh bướm các cỡ                  | 40.000     | Cái         | - Bộ kim 2 cánh bướm.<br>- Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥ 30cm, không DEHP.<br>- Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ. Có đầu kết nối Luer lock.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 347      | 61            | Kim chọc dò gây tê tùy sống các cỡ    | 2.000      | Cái         | 1. Đầu kim 3 mặt vát, bén, giảm nguy cơ tụ máu dưới màng cứng.<br>2. Đường kính ngoài của kim từ 1.25mm - 0.41mm, thành kim mỏng cho dòng chảy tốt; Chiều dài mặt vát từ 3.41mm - 1.23mm.<br>- Cỡ kim: Đường kính ngoài của kim và chiều dài mặt vát:<br>18G x 3 1/2" (1.25mm)X88mm; 3.41-4.39 mm<br>20G x 3 1/2" (0.90mm)X88mm; 2.45-3.17 mm<br>22G x 3 1/2" (0.70mm)X88mm; 2.00-2.65 mm<br>25G x 3 1/2" (0.50mm)X88mm; 1.51-2.05 mm<br>27G x 3 1/2" (0.41mm)X88mm; 1.23-1.68 mm<br>3. Đường kính ngoài của kim thông nòng, tương ứng size 18G/20G/21G/22G/25G/27G khoảng 0.9mm, 0.6mm, 0.5mm, 0.45mm, 0.3mm, 0.22mm.<br>4. Có khoang trống giữa que thông nòng và thành kim, đúc kim Polypropylene (PP) trong suốt để quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chắn.<br>5. Mã code theo màu sắc để chọn lựa.<br>6. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn vô trùng.<br>7. Đạt tiêu chuẩn EU; Nhật Bản hoặc tương đương.<br>8. Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.                                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 348      | 62            | Kim chọc dò gây tê tùy sống các cỡ    | 1.000      | Cái         | - Đầu kim Quinke 3 mặt vát sắc bén, dài 88mm và 40mm.<br>- Chuôi kim trong suốt, có lăng kính phân quang màu ánh bạc, lăng kính trở nên trong suốt khi dịch não tủy chảy ra.<br>- Kích cỡ nòng kim: 18G, 20G, 22G dài, 22G ngắn, 25G, 27G, 29G.<br>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 349      | 63            | Kim luồn tĩnh mạch an toàn trẻ em 24G | 50.000     | Cái         | Kim luồn tĩnh mạch 24G có cánh không cổng tiêm thuốc.<br>- Catheter nhựa: FEP-Teflon, 4 đường cân quang ngấm.<br>- Chiều dài catheter khoảng 19mm, đường kính khoảng 0,7mm, tốc độ dòng chảy khoảng 22ml/phút. Tốc độ chảy khi bơm áp lực cao khoảng 1320ml/giờ. Thể tích mỗi khoảng 0,093ml.<br>- Đầu kim dẫn đường 3 mặt vát (1 mặt vát trên, 2 mặt vát dưới tạo độ sắc và tạo vết cắt trên da hình chữ V giúp mau lành vết đâm).<br>- Có đầu bảo vệ bằng kim loại tự động kích hoạt bao phủ toàn bộ đầu kim ngay khi rút kim ra khỏi thân kim luồn.<br>- Đầu catheter không vượt quá mặt vát kim và khoảng cách không vượt quá 0.4mm (độ dài càng nhỏ, càng dễ luồn kim, lực tác động tối ưu và độ xuyên da dễ dàng, ít đau)<br>- Cơ chế trào máu 2 lần giúp xác định chính xác kim và catheter đã vào đúng mạch.<br>- Chịu được áp lực đến 325psi.<br>- Buồng trào máu ở chuôi kim trong suốt để quan sát khi lấy ven thành công, có màng kỵ nước ngăn máu tràn ra ngoài khi thiết lập đường truyền. Tương thích với các đầu nối dây truyền, dây nối.<br>- Nút đẩy ở đuôi kim để tháo rời.<br>- Đầu khóa Luer.<br>- Đạt tiêu chuẩn châu Âu CE MDR: CE 0123. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 350      | 64            | Kim chọc dò màng phổi                 | 200        | Cái         | - Thành phần: Nguyên liệu PVC y tế mềm chống xoắn, không Latex. Ống thông phối kèm nòng sắt giúp dễ chọc và có co nối đi kèm. Có 2 lỗ thoát dẫn lưu, đầu xa có co nối tapered để kết nối với bình dẫn lưu. Có vạch chia 5, 10, 15, 20 cm từ đầu xa giúp xác định vị trí đặt ống.<br>- Kích thước: các cỡ từ 8F - 24F.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                             | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 351      | 65            | Dây nối bơm tiêm điện các cỡ                  | 2.000      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Làm từ chất liệu y tế mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn; có đầu nối Luer Lock chịu áp lực cao, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (khóa bấm chặn dòng).</li> <li>- Kích thước: Các cỡ.</li> <li>- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 352      | 66            | Bộ dây truyền dịch an toàn đuổi khí tự động   | 400        | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài dây khoảng 180cm.</li> <li>- Đường kính trong dây khoảng 3mm; đường kính ngoài khoảng 4.1mm.</li> <li>- Van thông khí có màng lọc cấu tạo bằng sợi thủy tinh (Borosilicate), có khả năng lọc 99,99% vi khuẩn, virus, van thông khí chịu áp lực đến 0,2 bar.</li> <li>- Dây đạt tiêu chuẩn hệ thống kín (có chứng nhận của đơn vị độc lập có chức năng để chứng minh ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn và ngăn ngừa sự hóa hơi của thuốc).</li> <li>- Có chức năng tự động đuổi khí, có màng chặn dịch Hydrophobic ở nắp bảo vệ, ngăn dịch chảy ra ngoài khi môi dịch.</li> <li>- Có màng chặn khí tránh lọt khí vào đường truyền, có chức năng ngưng truyền khi hết dịch.</li> <li>- Màng lọc dịch có khả năng lọc các hạt tiểu phân (tạp chất) có kích thước 3µm.</li> <li>- Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm.</li> <li>- Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock.</li> <li>- Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn.</li> <li>- Thể tích mỗi dịch khoảng 23.370ml.</li> <li>- Bộ điều chỉnh tốc độ với rãnh chữ U, bánh xe/con lăn di chuyển dễ dàng với phạm vi hoạt động con lăn <math>\geq 23,5\text{mm}</math> có thể chỉnh tốc độ nhỏ giọt thấp (6 lần nhỏ giọt/phút) dễ dàng. Có khe cài dây và cấm đầu nhọn.</li> <li>- Cửa chích thuốc an toàn ngăn tai nạn do kim đâm vào tay người sử dụng.</li> <li>- Truyền áp lực và dùng được cho máy truyền dịch.</li> </ul> | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 353      | 67            | Bộ dây truyền dịch sử dụng một lần kim thường | 50.000     | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gấp khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền <math>\geq 1700\text{mm}</math>.</li> <li>- Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1".</li> <li>- Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh.</li> <li>- Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích <math>\geq 14\text{ml}</math>, có màng lọc dịch <math>\leq 15\mu\text{m}</math>.</li> <li>- Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 354      | 68            | Dây truyền máu                                | 1.000      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gấp khi bảo quản và sử dụng. Dây dài <math>\geq 1800\text{mm}</math>.</li> <li>- Kim cỡ 18Gx1 1/2'.</li> <li>- Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh.</li> <li>- Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch.</li> <li>- Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc 200µm, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml.</li> <li>- Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</li> <li>- Sản phẩm đã được tiệt trùng, không gây sốt, không độc hại.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa               | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|---------------------------------|------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 355      | 69            | Túi đựng máu ba ngăn            | 20         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Túi thứ 1: Thể tích 250ml, có chứa 35ml chất chống đông CPD, bảo quản máu toàn phần trong 21 ngày.</li> <li>Túi thứ 2: Thể tích: 250ml, có chứa 55ml chất bảo quản hồng cầu SAG-M, bảo quản hồng cầu trong 42 ngày.</li> <li>Túi thứ 3: Thể tích 300ml, túi rỗng.</li> <li>Kim lấy máu kích thước 16G được tiết trùng.</li> <li>1 dây lấy máu toàn phần, chiều dài 1170 ± 50mm, trên dây có 17 đoạn mã.</li> <li>1 dây nối với túi máu toàn phần, chiều dài 195 ± 15mm, trên dây có 3 đoạn mã.</li> <li>1 dây nối với túi hồng cầu, chiều dài 320 ± 20mm, trên dây có 5 đoạn mã.</li> <li>1 dây nối với túi rỗng, chiều dài 320 ± 20mm, trên dây có 5 đoạn mã.</li> <li>Thiết kế túi máu bo tròn.</li> </ul> | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 356      | 70            | Ống nội khí quản có bóng các số | 2.000      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bóng thể tích lớn, áp lực nhỏ, có nối 15mm dây và chắc, tháo lắp được, thân ống trong đầu tù, đường cân quang chạy dọc thân ống.</li> <li>Các cỡ 2.0 - 10.0.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 357      | 71            | Ống thông tiểu 1 nhánh          | 200        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sonde nelaton thông tiểu 1 nhánh, làm bằng chất liệu cao su đỏ.</li> <li>Các cỡ từ 8-16G.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 358      | 72            | Ống thông tiểu 2 nhánh          | 2.400      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thành phần: Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên, phù silicon, không chứa DEHP gây ung thư.</li> <li>Có bóng dung tích 5cc-30cc, bóng căng đều.</li> <li>Lỗ thông tiểu lớn và trơn.</li> <li>Tráng silicon trong lòng ống.</li> <li>Sản phẩm đã được tiết trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 359      | 73            | Ống thông tiểu 3 nhánh          | 100        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thành phần: làm từ cao su thiên nhiên, bề mặt ống phủ silicon để làm giảm phản ứng dị ứng. Dây có chiều dài khoảng 40cm.</li> <li>Có bóng thể tích khoảng 30ml.</li> <li>Van cao su.</li> <li>Ống thông mềm tương thích với các chất bôi trơn.</li> <li>Thành ống dày chống gãy gấp, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt.</li> <li>Đầu ống mềm, tròn được bít lại, với hai lỗ bên để thoát nước hiệu quả.</li> <li>Sản phẩm đã được tiết trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 360      | 74            | Ống thông niệu quản             | 20         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>* Sonde JJ gồm:</li> <li>Ống thông: chất liệu Aliphatic polyurethane (PU): Tecoflex.</li> <li>Que đẩy: chất liệu polypropylen (PP).</li> <li>Chỉ Nylon ở đầu dưới.</li> <li>Kẹp chất liệu Polycarbonatel.</li> <li>* Kích cỡ: 3Fr - 8Fr</li> <li>* Hai đầu mở, có khả năng chống xoắn; cân quang tốt, vạch chỉ thị độ sâu.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 361      | 75            | Ống dẫn lưu các cỡ              | 600        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu 100% silicon. Ống dây mềm dẻo.</li> <li>Công dụng: Dùng dẫn lưu trong phẫu thuật, thủ thuật.</li> <li>Kích thước: Các cỡ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 362      | 76            | Mask thở oxy kèm dây dẫn        | 100        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Mặt nạ làm từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố.</li> <li>Dây dẫn dài ≥ 2.1m, làm từ nhựa PVC nguyên sinh.</li> <li>Lòng ống có khóa chống gấp.</li> <li>Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân.</li> <li>Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao.</li> <li>Kích thước: Các cỡ.</li> <li>Sản phẩm đã được tiết trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 363      | 77            | Mask thở oxy có túi             | 200        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bao gồm: mặt nạ, ống oxy, túi khí, kẹp mũi và đầu nối.</li> <li>Mặt nạ làm bằng nhựa PVC dùng trong y tế, không chứa DEHP và latex, mềm mại tạo cảm giác thoải mái cho bệnh nhân.</li> <li>Dây dẫn chính dài khoảng 2m, ống dây chống bẹp.</li> <li>Kẹp mũi có thể điều chỉnh đảm bảo vừa vặn thoải mái.</li> <li>Sản phẩm đã được tiết trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phân | Danh mục hàng hóa                   | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-------------------------------------|------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 364      | 78            | Khóa 3 chạc không dây               | 1.000      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bằng nhựa chất lượng cao dùng trong y tế, không gây độc, gây sốt, không gây gập hoặc chảy nước.</li> <li>- Khóa luer ở đầu khóa dễ dàng kết nối với các loại kim, dây truyền, bộ vi điều chỉnh...</li> <li>- Không tương tác khi truyền với các loại nhũ dịch, dịch béo hay các loại thuốc.</li> <li>- Chịu được áp lực cao.</li> <li>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 365      | 79            | Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng | 100        | Cái         | <p>Catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng 7Fr x 20cm, lưu lượng Distal: 72 ml/min và lưu lượng Proximal: 33 ml/min, thân catheter có vạch đánh dấu độ dài và đường cân quang rõ nét.</p> <p>Chất liệu: Thermoplastic Polyurethane tự động mềm ở nhiệt độ 37 độ C.</p> <p>Cấu hình gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 catheter hai nòng: 7Fr x 20cm</li> <li>- 01 kim hướng dẫn chữ Y 18G*7cm</li> <li>- 01 guide wire 0.032" *60cm, Nickel titanium (Nitinol), đầu chữ J.</li> <li>- Ống nong cỡ 8Fr x 10cm</li> <li>- 01 bơm tiêm 5ml &amp; 01 kim tiêm số 7</li> <li>- 01 lưỡi dao mổ Scalpel số 11</li> <li>- 01 chỉ phẫu thuật liên kim số 3/0 Silk kim cong 1/2 6*14, dài chỉ 75cm.</li> <li>- 01 chỉ phẫu thuật liên kim, bao gồm kim thẳng đầu kim tam giác 8*55, dài chỉ 75cm.</li> <li>- 1 kẹp cố định Catheter</li> <li>- 01 băng tiệt trùng 10*12cm</li> <li>- 02 nắp đậy bảo vệ (chất liệu Polypropylene)</li> </ul> <p>Sản phẩm đã được tiệt trùng.</p> | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 366      | 80            | Kim khâu da bất các cỡ              | 1.000      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Kim khâu phẫu thuật chất liệu thép không gỉ.</li> <li>- Kích thước: Các cỡ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 367      | 81            | Chỉ khâu nhãn khoa 10/0             | 48         | Sợi         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Chỉ khâu phẫu thuật mắt đơn sợi làm bằng chất liệu Polyamid.</li> <li>- Kích thước: Số 10/0; Chiều dài chỉ <math>\geq 30</math>cm; Có 2 kim hình thang dài khoảng 6mm; 3/8 C.</li> <li>- Tính chất: Chỉ không tiêu</li> <li>- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 368      | 82            | Chỉ lanh                            | 60         | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: 100% sợi cotton, sợi chỉ rất dai, bề mặt sáng bóng.</li> <li>- Kích thước: Các size từ 20 - 100.</li> <li>- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 369      | 83            | Chỉ Nylon số 4/0                    | 1.600      | Sợi         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Chỉ phẫu thuật đơn sợi chất liệu Polyamide.</li> <li>- Kích thước: Chỉ số 4/0; Chiều dài chỉ khoảng 75cm; Kim tam giác ngược kích thước khoảng 19mm; 3/8C.</li> <li>- Tính chất: Chỉ không tiêu; Sợi chỉ có cấu trúc vững chắc, tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt.</li> <li>- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 370      | 84            | Chỉ Nylon số 5/0                    | 1.600      | Sợi         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Chỉ phẫu thuật đơn sợi chất liệu Polyamide.</li> <li>- Kích thước: Chỉ số 5/0; Chiều dài chỉ khoảng 75cm; Kim tam giác ngược kích thước khoảng 16mm; 3/8C.</li> <li>- Tính chất: Chỉ không tiêu; Sợi chỉ có cấu trúc vững chắc, tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt.</li> <li>- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 371      | 85            | Chỉ phẫu thuật Catgut số 1          | 240        | Sợi         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 1 làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò.</li> <li>- Kích thước: Chiều dài chỉ khoảng 75cm; Kim tròn 1/2C, dài khoảng 40mm, kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde.</li> <li>- Tính chất: Sợi chỉ chắc, mềm, dễ uốn; Giữ vết khâu tốt trong vòng 14 - 21 ngày, tan hoàn toàn trong vòng 90 ngày.</li> <li>- Đóng gói vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa             | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-------------------------------|------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 372      | 86            | Chỉ phẫu thuật Catgut số 2/0  | 960        | Sợi         | - Thành phần: Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 2/0 làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò.<br>- Kích thước: Chiều dài chỉ khoảng 75cm; Kim tròn 1/2C, dài khoảng 26mm, kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde.<br>- Tính chất: Sợi chỉ chắc, mềm, dễ uốn; Giữ vết khâu tốt trong vòng 14 - 21 ngày, tan hoàn toàn trong vòng 90 ngày.<br>- Đóng gói vô trùng. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 373      | 87            | Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 1   | 4.000      | Sợi         | - Thành phần: Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone và calcium stearate. Kim làm bằng thép không gỉ hiệu năng cao phủ silicon, cho cường độ chịu uốn và tính đàn hồi cao.<br>- Kích thước: Chỉ số 1. Chiều dài chỉ khoảng 90cm; Kim tròn 1/2C, dài khoảng 40mm.<br>- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn vô trùng.                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 374      | 88            | Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 2/0 | 1.000      | Sợi         | - Thành phần: Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone và calcium stearate. Kim làm bằng thép không gỉ hiệu năng cao phủ silicon, cho cường độ chịu uốn và tính đàn hồi cao.<br>- Kích thước: Chỉ số 2/0. Chiều dài chỉ khoảng 75cm; Kim tròn 1/2C, dài khoảng 26mm.<br>- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn vô trùng.                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 375      | 89            | Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 3/0 | 1.000      | Sợi         | - Thành phần: Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone và calcium stearate. Kim làm bằng thép không gỉ hiệu năng cao phủ silicon, cho cường độ chịu uốn và tính đàn hồi cao.<br>- Kích thước: Chỉ số 3/0. Chiều dài chỉ khoảng 75cm; Kim tròn 1/2C, dài khoảng 26mm.<br>- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn vô trùng.                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 376      | 90            | Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 4/0 | 100        | Sợi         | - Thành phần: Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone và calcium stearate. Kim làm bằng thép không gỉ hiệu năng cao phủ silicon, cho cường độ chịu uốn và tính đàn hồi cao.<br>- Kích thước: Chỉ số 4/0. Chiều dài chỉ khoảng 75cm; Kim tròn 1/2C, dài khoảng 18mm.<br>- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn vô trùng.                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 377      | 91            | Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 5/0 | 100        | Sợi         | - Thành phần: Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone và calcium stearate. Kim làm bằng thép không gỉ hiệu năng cao phủ silicon, cho cường độ chịu uốn và tính đàn hồi cao.<br>- Kích thước: Chỉ số 5/0. Chiều dài chỉ khoảng 75cm; Kim tròn 1/2C, dài khoảng 18mm.<br>- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn vô trùng.                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 378      | 92            | Dao mổ mắt 2.8mm              | 100        | Cái         | - Thành phần: Lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, đầu vát. Bề mặt nhám, chống chói.<br>- Kích thước: 2.2 - 3.2mm<br>- Đóng gói vô trùng.                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 379      | 93            | Dao phẫu thuật 15 độ          | 100        | Cái         | - Lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, đầu thẳng. Độ mở rộng góc 15°.<br>- Bề mặt nhám, chống chói.<br>- Đóng gói vô trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 380      | 94            | Tay dao mổ điện dùng 1 lần    | 20         | Cái         | - Lưỡi dao bằng thép không gỉ Ø2.4mm, có thể tháo rời.<br>- Điều khiển trên tay dao bằng 2 nút bấm: Cắt và đốt.<br>- Chiều dài điện cực: khoảng 70mm<br>- Chiều dài cáp: khoảng 3m<br>- Chiều dài tay cầm: khoảng 155mm<br>- Loại chân cắm: 3 chân tròn (3 x Ø4mm)<br>- Đã được tiệt trùng.                                                                                                  | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 381      | 95            | Lưỡi dao mổ                   | 2.000      | Cái         | - Thành phần: Dao sắc, chất liệu thép không gỉ.<br>- Kích thước: Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22.<br>- Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ tiêu chuẩn fitment số 3 và số 4 cũng như là 3L, 4L & 7... do bất kỳ công ty nào sản xuất.<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |

THÀNH



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                             | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|-----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 382      | 96            | Thủy tinh thể nhân tạo                        | 200        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, 1 mảnh.</li> <li>- Chất liệu: Hydrophobic Acrylic</li> <li>- Màu sắc: không màu</li> <li>- Lọc tia cực tím (tia UV), lọc ánh sáng tím.</li> <li>- Thiết kế phi cầu</li> <li>- Đặc điểm còng: 2 còng đơn chữ C</li> <li>- Đường kính optic: 6.0mm</li> <li>- Chiều dài tổng: 13.0mm</li> <li>- Chỉ số khúc xạ: 1.49</li> <li>- Kích thước vết mổ: 2.2mm - 2.8mm</li> <li>- Kính được cung cấp kèm dụng cụ đặt kính.</li> <li>- Dải độ: Từ -10.0D đến +40.0D</li> <li>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 383      | 97            | Thủy tinh thể nhân tạo                        | 60         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy tinh thể mềm 1 mảnh. Chất liệu Acrylic ngâm nước 26%.</li> <li>- Màu vàng; lọc tia cực tím (UV); lọc ánh sáng xanh.</li> <li>- Chiều dài thủy tinh thể: 12.5 mm; đường kính vùng quang học: 6,0 mm.</li> <li>- Còng chữ C. Góc còng 0 độ.</li> <li>- Thiết kế phi cầu hai mặt lõm, cạnh vuông 360 độ.</li> <li>- Chỉ số khúc xạ 1,457 ở nhiệt độ 35 độ C.</li> <li>- Khả năng cho phép ánh sáng xuyên qua &gt; 95%.</li> <li>- Dãy diopter từ -10,0 D đến + 42,0 D</li> <li>-10,0 đến +10,0 diopter cách nhau 1,0 diopter</li> <li>+10,0 đến +30,0 diopter cách nhau 0,5 diopter</li> <li>+30,0 đến +42,0 diopter cách nhau 1,0 diopter</li> <li>- Hằng số A: 118,0, SRK/T: 118,2, SRK II: 118,5</li> <li>- sf= 1.33, a0= 0.94, a1= 0.40, a2 = 0.10</li> <li>- Độ sâu tiền phòng: 5.10</li> <li>- Đường kính vết mổ: 2.2mm</li> <li>- Kính được cung cấp kèm Catridge và Injector sử dụng 1 lần.</li> <li>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.</li> </ul> | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 384      | 98            | Thủy tinh thể nhân tạo                        | 40         | Cái         | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thủy tinh thể mềm, đơn tiêu, 1 mảnh.</li> <li>2. Chất liệu: Acrylic hydrophobic (kị nước).</li> <li>3. Màu sắc: không màu</li> <li>4. Thiết kế optic: phi cầu</li> <li>5. Thiết kế haptic: 2 còng đơn (Còng STABLEFORCE chữ L biến đổi cải tiến).</li> <li>6. Bờ vuông 360 độ</li> <li>7. Đường kính Optic: 6mm; Chiều dài tổng thể: 13.0 mm.</li> <li>8. Chỉ số khúc xạ: 1.55</li> <li>9. Cầu sai -0.2 μm</li> <li>10. Góc còng 0 độ</li> <li>11. Dải công suất tối thiểu từ +6.0D đến +30.0D, bước nhảy 0.5D</li> <li>12. Kích thước vết mổ: 2.2 mm</li> <li>13. Thủy tinh thể được cung cấp cùng dụng cụ đặt bao gồm cartridge và injector.</li> <li>14. Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm nước G7.</li> </ol>                                                                                                                                                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 385      | 99            | Phim X-quang khô 20x25cm sử dụng cho máy Fuji | 120.000    | Tờ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Phim X-quang laser kích thước 20*25 cm.</li> <li>- Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3.</li> <li>- Thành phần: lớp bảo vệ phía trên: 86% gelatin; lớp nền phim: 100% polyethylene terephthalate, độ dày lớp nền phim: 170μm; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin.</li> <li>- Nhiệt độ bảo quản phim mới: 10°C - 25°C, độ ẩm 30-60%RH.</li> <li>- Sử dụng phù hợp cho máy in phim Fujifilm laser Drypix.</li> <li>- Xuất xứ: G7 và đạt tiêu chuẩn EU.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                  | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 386      | 100           | Phim X-quang khô 35x43cm sử dụng cho máy Fuji      | 16.000     | Tờ          | - Kích thước: Phim X-quang laser kích thước 35*43 cm.<br>- Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3.<br>- Thành phần: lớp bảo vệ phía trên: 86% gelatin; lớp nền phim: 100% polyethylene terephthalate, độ dày lớp nền phim: 170µm; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin.<br>- Nhiệt độ bảo quản phim mới: 10°C - 25°C, độ ẩm 30-60%RH.<br>- Sử dụng phù hợp cho máy in phim Fujifilm laser Drypix.<br>- Xuất xứ: G7 và đạt tiêu chuẩn EU. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 387      | 101           | Phim X-quang khô 10x12 inch sử dụng cho máy Konica | 40.000     | Tờ          | Phim khô Laser cỡ 10x12 inch (Sử dụng được với hệ thống in phim khô laser Konica).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 388      | 102           | Chất nhầy phẫu thuật mắt tiết trùng                | 400        | Ông         | - Thành phần: Hypromellose Ophthalmic Solution 2%<br>- Tính chất:<br>+ Nồng độ: 20 mg/ml (2%)<br>+ Trọng lượng phân tử: ≥ 86 000 daltons<br>+ Độ nhớt đạt được ở 27 độ C: 3000 - 4500 cps<br>+ Độ thẩm thấu: 250 - 350 mOsm/kg<br>+ pH: 6,0 - 7,8                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 389      | 103           | Cassette Legion                                    | 60         | Cái         | Cassette sử dụng phù hợp cho máy phẫu thuật Phaco của hãng Alcon; Model: Legion System.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 390      | 104           | Bóng đèn mờ 24V-25W                                | 48         | Cái         | - Công suất: Bóng đèn phòng mổ 24V - 25W.<br>- Sử dụng phù hợp với đèn mổ Martin của Đức.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 391      | 105           | Bóng đèn hồng ngoại                                | 50         | Cái         | - Công suất: 250W; đuôi vắn; lắp được cho đèn hồng ngoại chân cao.<br>- Chất liệu: Thủy tinh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 392      | 106           | Bóng đèn tử ngoại                                  | 50         | Cái         | Dài 60cm; Công suất 40 - 60W.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 393      | 107           | Bóng đèn Halogen 24V - 150W                        | 40         | Cái         | - Loại đuôi đèn: G-6.35<br>- Nguồn điện: 24V<br>- Công suất bóng: 150W<br>- Màu ánh sáng: vàng<br>- Nhiệt độ màu: 3550K.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 394      | 108           | Bộ dây máy điện não                                | 4          | Bộ          | Sử dụng phù hợp trên máy điện não Nihon Kohden; Model : EEG 1200K. Xuất xứ G7.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 395      | 109           | Mũ điện não kèm quai                               | 4          | Bộ          | Sử dụng phù hợp trên máy điện não Nihon Kohden EEG 1200K. Xuất xứ G7                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 396      | 110           | Bộ cáp máy điện tim                                | 10         | Bộ          | - Dây từ TPU y tế được thiết kế đặc biệt với tiếng ồn thấp, che chắn hoàn toàn tạo các tín hiệu thực.<br>- Sử dụng các thành phần không chứa latex và tương thích sinh học.<br>- Có sẵn các đầu nối khác nhau cho dây điện tim để tương thích với hầu hết các máy monitor theo dõi bệnh nhân.<br>- Dễ dàng trong việc làm sạch và khử trùng bằng cách ngâm hoặc lau bằng nhiều dung dịch khử trùng phổ biến.                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 397      | 111           | Cáp điện tim máy lưu huyết não                     | 4          | Bộ          | Sử dụng phù hợp trên máy lưu huyết não Medis; Model: Vaso Screen 5000. Xuất xứ G7.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                            | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|----------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 398      | 112           | Bộ dây điện cực dùng cho máy lưu huyết não   | 4          | Bộ          | Sử dụng phù hợp trên máy lưu huyết não Medis; Model: Vaso Screen 5000. Xuất xứ G7.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 399      | 113           | Filter lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp | 4.000      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Làm từ Polymer y tế, với đầu nổi tiêu chuẩn. Vật liệu lọc khuẩn là sợi polypropylene tinh điện chất lượng cao, là vật liệu kỵ nước, ngăn chặn sự phát triển của nấm, vi khuẩn và virus..</li> <li>- Kích thước: Đường kính trong và đường kính ngoài đầu cắm vào máy; đường kính ngoài ống ngậm cho bệnh nhân tương thích với từng loại máy khác nhau. <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đường kính trong đầu cắm vào máy: 45.5 mm</li> <li>• Đường kính ngoài đầu cắm vào máy: 48 mm</li> <li>• Đường kính ngoài đầu cắm vào bệnh nhân: 29.5 mm</li> </ul> </li> <li>- Tính chất: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trở kháng: 12 pa tại 30 lít/phút</li> <li>• Hiệu quả lọc khuẩn: 99.99%</li> </ul> </li> <li>- Yêu cầu phù hợp: Sử dụng được trên máy đo chức năng hô hấp Ally, máy thở E360, máy thở GE.</li> </ul> | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 400      | 114           | Ống soi tai mũi họng 0 độ                    | 4          | Cái         | Kích thước: đường kính khoảng 4mm, dài khoảng 175mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 401      | 115           | Ống soi tai mũi họng 70 độ                   | 4          | Cái         | Kích thước: đường kính khoảng 4mm, dài khoảng 175mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 402      | 116           | Canuyn khí quản                              | 100        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Được làm từ nhựa PVC không độc. Có bóng, cong 90 độ. Đầu van có khóa. Đường mở tia X chạy dọc chiều dài ống. Không có cao su.</li> <li>- Kích thước: Các cỡ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 403      | 117           | Mũi khoan xương 2.7mm                        | 10         | Cái         | Chất liệu thép không gỉ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 404      | 118           | Mũi khoan xương 3.5mm                        | 10         | Cái         | Chất liệu thép không gỉ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 405      | 119           | Quả bóp đo huyết áp                          | 100        | Cái         | Chất liệu cao su. Van xả khí được mạ crom chống oxy hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 406      | 120           | Túi camera                                   | 600        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc đồng đều, có độ trong, bề mặt mịn, có độ dẻo dai. Dây buộc có độ bền cao.</li> <li>- Không dính bụi bẩn, tạp chất, không rách, thủng, không kích ứng da...</li> <li>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 407      | 121           | Bao huyết áp ké                              | 200        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Chất liệu vải</li> <li>- Kích thước vòng quấn: 25 - 35cm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 408      | 122           | Que đè lưỡi gỗ                               | 1.000      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Chất liệu gỗ</li> <li>- Kích thước: khoảng 150 x 20 x 2mm</li> <li>- Công dụng: Dùng đè lưỡi.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 409      | 123           | Clip cầm máu trong nội soi                   | 20         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Đầu kẹp clip bằng chất liệu thép không gỉ; Tay cầm bằng nhựa; Đầu giữ clip bằng thép không gỉ.</li> <li>- Kích thước: Chiều dài khoảng 2300mm; Tương thích kênh làm việc: 2.8mm.</li> <li>- Công dụng: Sử dụng can thiệp trong nội soi ống mềm, dùng trong cầm máu dạ dày và đại tràng.</li> <li>- Tính chất: Sử dụng linh hoạt, chắc chắn, có thể xoay được 360 độ, đóng mở nhiều lần, tay cầm lắp sẵn. Hàm clip to chắc khoẻ, có khả năng định vị cố định vào vị trí dự định trước khi bắn. Độ mở 14 và 17 mm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                  | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 410      | 124           | Kẹp rốn                                            | 2.000      | Cái         | - Thành phần: Làm từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao, không độc hại, không gây kích ứng. Các khớp răng đều, gờ không sắc. - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn vô trùng.                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 411      | 125           | Dây garo tay                                       | 100        | Cái         | - Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt, không phủ bột, có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bền chắc, dễ tháo tác. - Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần.                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 412      | 126           | Băng chỉ thị nhiệt dùng cho hấp ướt                | 100        | Cuộn        | - Thành phần: Chỉ thị nhiệt có keo Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học. Vạch chỉ thị sẽ chuyển màu sau khi qua tiệt khuẩn. - Kích thước: khoảng 24mm x 55mm.                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 413      | 127           | Giấy điện tim 6 cần                                | 1.000      | Tập         | - Thành phần: Chất liệu giấy in nhiệt, có dòng kẻ, tương thích với máy điện tim 6 cần. - Kích thước: Dạng tập, kích thước khoảng 110 x 140mm (rộng x dài). Số lượng ≥ 200 tờ/tập. - Phù hợp với máy điện tim 6 cần của hãng Nihon Kohden.                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 414      | 128           | Giấy in nhiệt máy sinh hoá - huyết học - nước tiểu | 300        | Cuộn        | - Thành phần: Chất liệu giấy trắng in nhiệt. - Kích thước: khoảng 50 x 3000 x 12mm (rộng x dài x dày cuộn giấy).                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 415      | 129           | Giấy in siêu âm                                    | 1.400      | Cuộn        | - Kích thước: khoảng 110mm x 20m (rộng x dài cuộn giấy). - Dùng cho các dòng máy in Sony, máy in video siêu âm khác.                                                                                                                                                                                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 416      | 130           | Giấy in monitor sản khoa                           | 200        | Tập         | - Thành phần: Chất liệu giấy in nhiệt, có dòng kẻ. - Kích thước: Dạng tập, kích thước khoảng 152mm*150mm (dài x rộng), số lượng ≥ 200 tờ/tập.                                                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 417      | 131           | Khẩu trang y tế 3 lớp                              | 100.000    | Cái         | - Thành phần: Cấu tạo gồm 2 lớp vải không dệt và 1 lớp giấy lọc ở giữa. Quai đeo mềm không gây kích ứng da. - Tính chất: Hiệu suất lọc ≥ 90%.                                                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 418      | 132           | Điện cực dán điện tim                              | 1.200      | Cái         | - Kích thước: khoảng 50mm, dạng hình tròn (dùng cho người lớn). - Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel AQUA-TAC, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao. - Đầu gắn nối với máy: kim loại phủ bạc, truyền tín hiệu chất lượng cao nhất. - Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân.                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 419      | 133           | Đồng hồ oxy kèm bình làm ấm                        | 20         | Cái         | Đồng hồ oxy kèm bình làm ấm. Chuẩn kết nối: QF-2 Cấu hình bao gồm: - Van điều chỉnh áp lực kèm đồng hồ: 01 cái - Bình tạo ẩm: 01 cái.                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 420      | 134           | Băng keo cá nhân vải                               | 4.000      | Cái         | - Kích thước: khoảng 60 x 19mm. - Chất liệu co giãn, mềm mại, thích hợp mọi vị trí trên cơ thể. - Lớp keo trên băng có độ dính cao, an toàn cho mọi loại da. - Gạc thấm hút tốt, có lớp màng PE không dính vào vết thương, giúp thay băng dễ dàng và không đau. - Chất sát trùng trên gạc có hiệu quả khử trùng tốt. - Bề mặt băng có nhiều lỗ thoát khí nhỏ giúp da thông thoáng. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 421      | 135           | Bao cao su                                         | 4.000      | Cái         | - Thành phần: Làm bằng cao su, trong mờ, không màu, không mùi. - Kích thước: Chiều dài: ≥ 165 mm; Chiều rộng: 49 mm ± 2 mm.                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 422      | 136           | Ống nghiệm lấy máu Sodium Citrate 3.2% nắp nhựa    | 24.000     | Cái         | - Thành phần: Ống nghiệm và nắp được làm từ nhựa y tế. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate nồng độ 3.2%. - Kích thước: Kích thước ống khoảng 12 x 75mm (đường kính x chiều cao); Thể tích lấy máu: 2ml; Có vạch lấy mẫu trên thân ống. - Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ cao.                                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                  | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 423      | 137           | Ống nghiệm thủy tinh 12mm x 80mm                   | 60.000     | Cái         | - Thành phần: Ống nghiệm chất liệu thủy tinh dùng để đựng máu xét nghiệm.<br>- Kích thước: Kích thước ống khoảng 12 x 80mm (đường kính x chiều cao); Thể tích 5ml.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 424      | 138           | Ống máu lắng                                       | 6.000      | Cái         | - Thành phần: Ống thủy tinh chân không chứa 0.32ml dung dịch Natri citrate (3.2%). Nút cao su butyl đảm bảo duy trì chân không.<br>- Kích thước: khoảng 8 x 120 mm (đường kính x chiều cao).<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 425      | 139           | Đầu côn vàng                                       | 8.000      | Cái         | Dung tích 200 ul, có khóa, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 426      | 140           | Đầu côn xanh                                       | 4.000      | Cái         | Dung tích 1000 ul, có khóa, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 427      | 141           | Lam kính hiển vi mài mờ                            | 1.000      | Cái         | - Thành phần: Chất liệu thủy tinh natri cacbonat.<br>- Kích thước: (rộng x dài) khoảng 25.4 x 76.2mm (1" x 3"); Độ dày 1.0 - 1.2mm.<br>- Màu sắc: Trong suốt; Mài mờ hai đầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 428      | 142           | Lam kính hiển vi trong suốt                        | 1.000      | Cái         | - Thành phần: Chất liệu thủy tinh trung tính.<br>- Kích thước: (rộng x dài) khoảng 25.4 x 76.2mm (1" x 3").<br>- Màu sắc: Trong suốt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 143           | Vật tư dùng trong thận lọc máu                     |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                            |                                                                                       |
| 429      | 143.1         | Gạc thận nhân tạo 3,5cm x 4,5 cm x 80 lớp vô trùng | 80.000     | Miếng       | - Thành phần: Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Sợi săn chắc, đồng đều, trắng, mịn, mềm mại. Không có độc tố, chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.<br>- Tính chất:<br>+ Tốc độ hút nước $\leq 5$ giây<br>+ Độ ngậm nước $\geq 5$ gr nước/1gr gạc<br>+ Độ pH: trung tính<br>+ Độ ẩm: không quá 8%<br>- Kích thước: khoảng 3.5cm x 4.5cm x 80 lớp.<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.                                                                                                                                                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 430      | 143.2         | Kim chạy thận nhân tạo 16G                         | 60.000     | Cái         | * Kim (AVF canula):<br>- Chất liệu thép không gỉ SUS 304 tiêu chuẩn y tế.<br>- Chiều dài kim: 25mm $\pm$ 5%<br>- Đường kính trong kim: 1,45mm $\pm$ 5%<br>- Đường kính ngoài kim: 1,60mm $\pm$ 5%<br>- Đầu kim 3 mặt vát hình chữ V, mặt sau có khe mát.<br>- Thành kim siêu mỏng phủ silicone.<br>* Dây gắn với kim (AVF Tube):<br>- Dây nối mềm mại, bằng nguyên liệu Polyvinylchloride tiêu chuẩn y tế, không chứa Pyrogenic và không Latex.<br>- Chiều dài dây nối: 300mm $\pm$ 5%<br>- Đường kính trong dây: 3,5mm $\pm$ 5%<br>- Đường kính ngoài dây: 5,5mm $\pm$ 5%<br>- Đầu nối với dây máu trong suốt làm từ Polycarbonate dễ quan sát.<br>- Cánh bướm xoay, trên cánh có gờ chống trượt anti-slip.<br>- Đầu nối Luerlock.<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 431      | 143.3         | Catheter chạy thận nhân tạo                        | 60         | Cái         | Gồm: Catheter thẳng chất liệu polyurethane nhạy nhiệt loại thẳng, loại cong, dây dẫn đường phủ nitinol đầu chữ J, 2 ống nóng 10Fr và 12Fr, kim chữ Y, dao mổ, xi lanh 5cc, miếng dán cố định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                    | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|--------------------------------------|------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 432      | 143.4         | Quả lọc thận nhân tạo chu kỳ         | 4.560      | Quả         | Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate.<br>- Diện tích: 1,5 m2<br>- Thể tích mỗi: 90 ml<br>- Hệ số siêu lọc: 18 (mL/giờ/mmHg)<br>- Độ dày thành sợi: 15 µm<br>- Vỏ quả lọc: Polypropylene<br>- Độ thanh thải (Qb: 300ml/min):<br>Ure: 270 ml/min<br>Creatinine : 237 ml/min<br>Phosphate: 201 ml/min<br>Vitamin B12: 125 ml/min<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 433      | 143.5         | Quả lọc thận nhân tạo chu kỳ         | 840        | Quả         | - Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate.<br>- Diện tích: ≥ 1,3 m2<br>- Thể tích mỗi: ≤ 78 ml<br>- Hệ số siêu lọc: ≥ 17 mL/giờ/mmHg<br>- Độ dày thành sợi: ≥ 15 µm<br>- Vỏ quả lọc: Polypropylene<br>- Độ thanh thải (Qb: ≥ 300ml/min):<br>Ure: ≥ 263 ml/min<br>Creatinine: ≥ 229 ml/min<br>Phosphate: ≥ 192 ml/min<br>Vitamin B12: ≤ 116 ml/min<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.<br>- Sử dụng phù hợp trên máy chạy thận nhân tạo Nipro.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 434      | 143.6         | Bộ dây chạy thận nhân tạo chu kỳ     | 5.400      | Bộ          | - Nguyên liệu: Dây được làm bằng nguyên liệu Polyvinylchloride tiêu chuẩn y tế, không Pyrogenic, không Latex.<br>- Tổng chiều dài dây: dây tĩnh mạch ≥ 2725mm, dây động mạch ≥ 3685mm. Thể tích mỗi: ≤ 152ml.<br>- Bầu máu có cổng tiêm thuốc linh hoạt. Kích thước bầu: 4.7 x 7.0 x 25 mm ± 5%.<br>- Có túi Pillow ở dây động mạch, giúp phát hiện thiếu máu động mạch.<br>- Kích cỡ dây phần tiếp xúc bơm máu (đường kính trong x đường kính ngoài x chiều dài): 8,25 x 12,55 x 410mm ± 5%.<br>- Phù hợp với máy chạy thận nhân tạo của Nipro.<br>- Dây có thể sử dụng tốt sau tối thiểu 6 lần tái sử dụng.                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 435      | 143.7         | Quả lọc thận nhân tạo HDF-online     | 2.800      | Quả         | - Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA), không chứa DEHP.<br>Diện tích: ≥ 1,7 m2<br>Thể tích mỗi: ≤ 105 mL<br>Hệ số siêu lọc: KUF: ≥ 74 (mL/giờ/mmHg)<br>TMP: 500 mmHg<br>Độ dày thành sợi: ≥ 40 µm<br>Vỏ quả lọc: Polypropylene<br>Độ thanh thải (với Qb: ≥ 300 ml/min): Ure: ≥ 285 ml/min; Creatinine : ≥ 268 ml/min; Phosphate: ≥ 254 ml/min; Vitamin B12: ≤ 190 ml/min; Inulin: ≥ 121 ml/min; Myoglobin: ≥ 98 ml/min.<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.<br>- Sử dụng phù hợp với máy chạy thận nhân tạo HDF-online của Nipro.                                                                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 436      | 143.8         | Bộ dây chạy thận nhân tạo HDF-online | 2.800      | Bộ          | - Bộ gồm 2 dây dùng cho máy NCU-18.<br>- Dây làm bằng nguyên liệu Polyvinylchloride tiêu chuẩn y tế, không Pyrogenic, không Latex, chất liệu mềm mại, không dính máu, có thể tái sử dụng nhiều lần.<br>- Thể tích mỗi:<br>Dây NS-2060-18: ≤ 136ml<br>Dây NS-2060-18SUB: ≤ 16ml<br>- Kích cỡ dây phần tiếp xúc bơm máu (đường kính trong x đường kính ngoài x chiều dài):<br>Dây NS-2060-18: 8.0 x 12.0 x 230 mm ± 5%<br>Dây NS-2060-18SUB: 6.35 x 9.75 x 236 mm ± 5%<br>- Các khóa với quả lọc đảm bảo độ khít.<br>- Đầu nối vào kim có khóa chốt an toàn. Có các điểm để lấy mẫu máu và các vị trí để đưa thuốc vào.<br>- Hai đầu gắn với kim có chốt khóa vận, dễ tháo lắp, không làm lệch vị trí kim khi thao tác.<br>- Có điểm phát hiện lưu lượng máu. Sử dụng cả hai loại kẹp lớn và nhỏ, an toàn trong quá trình sử dụng. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                                    | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|----------------------------------------------------------------------|------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 437      | 143.9         | Quả lọc nước HDF                                                     | 14         | Quả         | - Phin lọc có hiệu suất loại bỏ độc tố cao.<br>- Chất liệu màng lọc: Hydrophobic Polyethersulfone<br>- Diện tích bề mặt: $\geq 0.6 \text{ m}^2$<br>- Đường kính trong: 500 $\mu\text{m}$<br>- Chiều dày màng lọc: $\geq 150 \mu\text{m}$<br>- Áp lực tối đa: $\geq 1.5 \text{ kgf/cm}^2$<br>- Điểm Cut-off (Trọng lượng phân tử): 6000 (Protein)<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.<br>- Sử dụng phù hợp cho máy chạy thận nhân tạo HDF-online NCU-18.                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 438      | 143.10        | Quả lọc 0.2 Micro                                                    | 120        | Quả         | - Vật liệu: Polypropylen<br>- Độ dài: 10 inch<br>- Cấp độ lọc: $\leq 0.2 \mu\text{m}$<br>- Đường kính trong: $28/30 \text{ mm} \pm 5\%$ .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 439      | 143.11        | Quả lọc 5 Micro                                                      | 100        | Quả         | - Vật liệu: Polypropylen<br>- Độ dài: 20 inch<br>- Cấp độ lọc: $\leq 5 \mu\text{m}$<br>- Đường kính trong: $28/30 \text{ mm} \pm 5\%$<br>- Đường kính ngoài: $60/63 \text{ mm} \pm 5\%$ .                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 440      | 143.12        | Quả lọc hấp phụ                                                      | 200        | Quả         | - Thể tích hấp phụ: $130 \pm 5\% \text{ ml}$<br>- Thể tích khoang chứa máu: $114 \pm 5\% \text{ ml}$<br>- Chất liệu vỏ: Polycarbonate<br>- Vật liệu hấp phụ: Hạt nhựa Resin<br>- Tiệt trùng bằng hơi nước<br>Đầu xanh và đầu đỏ dễ dàng phân biệt động mạch - tĩnh mạch. Kèm dây nối với quả lọc thận thường loại mới, dài khoảng 1.5m, có kẹp khóa.<br>- Tốc độ máu tối đa: 450ml/phút.<br>- Dải hấp phụ: 5-30kDa.<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 441      | 143.13        | Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc A                                    | 100.000    | Lít         | - Thành phần trong 1 lít dung dịch gồm:<br>+ Natri clorid: $\geq 210,68 \text{ g}$<br>+ Kali clorid: $\geq 5,22 \text{ g}$<br>+ Calci clorid. $2\text{H}_2\text{O}$ : $\geq 9,00 \text{ g}$<br>+ Magnesi clorid. $6\text{H}_2\text{O}$ : $\geq 3,56 \text{ g}$<br>+ Acid acetic băng: $\geq 6,31 \text{ g}$<br>+ Glucose. $\text{H}_2\text{O}$ : $\geq 38,50 \text{ g}$<br>+ Nước đạt tiêu chuẩn vừa đủ: 1 lít<br>- Đóng gói kín vô khuẩn.<br>- Sử dụng tương thích với dịch B (Bicarbonat). | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 442      | 143.14        | Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc B                                    | 140.000    | Lít         | - Thành phần trong 1 lít dung dịch gồm:<br>+ Natri bicarbonat: $\geq 84,0 \text{ g}$<br>+ Nước đạt tiêu chuẩn vừa đủ: 1 lít<br>- Đóng gói kín vô khuẩn.<br>- Sử dụng tương thích với dịch A (Acid).                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 443      | 143.15        | Chế phẩm làm sạch và khử khuẩn màng lọc thận                         | 600        | Lít         | Thành phần:<br>- Acid Peracetic $\geq 5\% \text{ w/w}$ ;<br>- Hydrogen Peroxide $\geq 25\% \text{ w/w}$ ;<br>- Acetic Acid: $\geq 7\% \text{ w/w}$ .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 444      | 143.16        | Dung dịch làm sạch và khử trùng đường ống dẫn máy chạy thận nhân tạo | 100        | Lít         | Thành phần:<br>- Hydrogen peroxide: $\geq 25\%$<br>- Peroxyacetic acid: $\geq 5\%$<br>- Acetic Acid: $\geq 9\%$ .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 445      | 143.17        | Acid Citric (C6H8O7)                                                 | 14.000     | Kg          | Thành phần: Acid Citric (C6H8O7) tinh khiết $\geq 99\%$ .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 446      | 143.18        | Muối dùng cho chạy thận                                              | 24.000     | Kg          | - Thành phần: $\text{NaCl} \geq 99.5\%$<br>- Tính chất:<br>+ Dạng viên cứng, xộp, hòa tan rất tốt.<br>+ Độ ẩm $\leq 0.08\%$<br>+ Kim loại nặng $\leq 0.006 \text{ mg/kg}$<br>- Công dụng: Hoàn nguyên, tái sinh hạt nhựa trao đổi ion.                                                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | 144           | Vật tư dùng trong nha khoa                                           |            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                            |                                                                                       |
| 447      | 144.1         | Tăm bông nha khoa                                                    | 10         | Hộp         | - Tăm bông nha khoa dùng để cạo quét keo.<br>- Đầu tăm rất nhỏ, mịn, dễ dàng bẻ cong để chấm vào các góc ngách vùng miệng hoặc các vết thương nhỏ trong y và nha khoa.<br>- Không rụng lông tơ khi sử dụng.<br>- Không tan trong môi trường miệng hay dung môi trong vật liệu nha khoa.                                                                                                                                                                                                      | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                                      | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|--------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 448      | 144.2         | Kim nha khoa 2 đầu                                     | 2.000      | Cái         | - Thành phần: Làm bằng thép không gỉ SUS 304. Kim 3 mặt vát, thành mỏng, bền nhưng vẫn chắc chắn giúp xuyên suốt mà không gây tổn thương.<br>- Kích thước: Các số<br>- Sử dụng phù hợp trong Nha khoa.<br>- Sản phẩm đã được tiệt trùng.                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 449      | 144.3         | Phim X-quang nha khoa                                  | 20         | Hộp         | Phim và nước đóng sẵn trong 1 lá phim.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 450      | 144.4         | Chất hàn ống tủy Cortisomol dùng trong nha khoa        | 30         | Lọ          | Thành phần:<br>Prednisolone acetate<br>Diiodothymol<br>Kẽm oxyd<br>Bari sulfat<br>Tá được.                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 451      | 144.5         | Kim khoan răng H-fives (các số)                        | 720        | Cái         | - Công dụng: Mở rộng ống tủy và làm nhẵn thành ống tủy (rũa ống tủy).<br>- Kích thước: Các số 15; 20; 25; 30. Chiều dài 21 - 25mm.                                                                                                                                                                                                                                       | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 452      | 144.6         | Kim khoan răng K-fives (các số)                        | 720        | Cái         | - Công dụng: Sản phẩm giữa nha khoa có chuỗi dùng để mở rộng khe tủy (nong ống tủy).<br>- Kích thước: Các số 15; 20; 25; 30. Chiều dài 21 - 25mm.                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 453      | 144.7         | Chất hàn răng Fuji IX                                  | 40         | Lọ          | Cement trám Fuji 9 (15g Powder, 8g Liquid)<br>- Xi măng glass ionomer hóa trùng hợp có khả năng phóng thích fluoride, ngăn ngừa sâu răng.<br>- Độ giãn nở tương tự mô răng thật giúp giảm thiểu áp lực lên vùng biên của miếng trám.                                                                                                                                     | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 454      | 144.8         | Gutta chèn ống tủy dùng trong nha khoa (loại 20,25,30) | 100        | Hộp         | Được cán mỏng từ chất liệu Gutta Percha tốt nhất tạo ra khả năng chịu lực tốt, đảm bảo độ cứng và độ dai phù hợp.                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 455      | 144.9         | Chất hàn Composite dùng trong nha khoa                 | 60         | Tuýp        | - Chất hàn composite dạng lỏng.<br>- Kèm đầu bơm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 456      | 144.10        | Chất hàn tạm Caviton dùng trong nha khoa               | 40         | Lọ          | Chất hàn tạm dùng trong nha khoa màu trắng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 457      | 144.11        | Keo Bond nha khoa                                      | 30         | Lọ          | - Primer và bond tất cả trong một, chỉ cần một lần thao tác. Không cần etching.<br>- Không chứa TEGMA/MMA.<br>- Tương thích sinh học và bền lâu Etching với pH $\geq 2$ .<br>- Etching nhẹ nhàng, giảm nguy cơ quá nhạy cảm.<br>- Lực dán mạnh: 24MPa trên men răng và 26MPa trên ngà răng.<br>- Tương thích với tất cả vật liệu composite quang trùng hợp thông thường. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 458      | 144.12        | Etching nha khoa                                       | 30         | Tuýp        | - Dạng lỏng $\geq 37\%$ axit phosphoric.<br>- Là vật liệu etching men răng và conditioning ngà răng với tính năng đặc biệt.<br>- Độ chảy lỏng cho phép thấm qua các mô ngà hoàn toàn.                                                                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 459      | 144.13        | Gương nha khoa liền cán                                | 100        | Cái         | Gồm mặt gương, cán gương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 460      | 144.14        | Mũi khoan kim cương                                    | 600        | Cái         | Chất liệu thép không gỉ. Mũi khoan kim cương tròn, trụ, đuôi chuột nhám, đuôi chuột mịn.                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 461      | 144.15        | Trâm gai                                               | 400        | Vi          | - Thành phần: chất liệu thép không gỉ.<br>- Kích thước: các cỡ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa               | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                       | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|---------------------------------|------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 462      | 144.16        | Thăm trám nha khoa              | 60         | Cái         | Chất liệu: Thép không gỉ.                                                                                                                                                                            | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 463      | 144.17        | Ống hút nước bột                | 20         | Gói         | - Thành phần: chất liệu PVC non-toxic, an toàn cho sức khỏe người sử dụng.<br>- Mềm dẻo, dễ dàng uốn cong và ổn định vị trí. Bề mặt trơn láng, tròn nhẵn, tạo sự thoải mái và dễ chịu cho bệnh nhân. | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 464      | 144.18        | Thuốc diệt tủy                  | 30         | Lọ          | - Thuốc diệt tủy dùng trong điều trị nội nha, an toàn không chứa arsenic.<br>- Thành phần: Ephedrin; Lidocain; Camphor; Parachlorophenol.<br>- Quy cách: Lọ 5gam.                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          | <b>145</b>    | <b>Đinh, nẹp, vít</b>           |            |             |                                                                                                                                                                                                      |                            |                                                                                       |
| 465      | 145.1         | Nẹp mặt thẳng 4 lỗ              | 20         | Cái         | Chất liệu Titanium nguyên chất, có 4 lỗ bắt vít, tương thích với vít cùng hãng sản xuất, có trợ cụ hỗ trợ.                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 466      | 145.2         | Nẹp mặt thẳng 6 lỗ              | 20         | Cái         | Chất liệu Titanium nguyên chất, có 6 lỗ bắt vít, tương thích với vít cùng hãng sản xuất, có trợ cụ hỗ trợ.                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 467      | 145.3         | Nẹp mặt thẳng 8 lỗ              | 20         | Cái         | Chất liệu Titanium nguyên chất, có 8 lỗ bắt vít, tương thích với vít cùng hãng sản xuất, có trợ cụ hỗ trợ.                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 468      | 145.4         | Nẹp mặt thẳng 10 lỗ             | 20         | Cái         | Chất liệu Titanium nguyên chất, có 10 lỗ bắt vít, tương thích với vít cùng hãng sản xuất, có trợ cụ hỗ trợ.                                                                                          | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 469      | 145.5         | Nẹp mặt xích thẳng các cỡ       | 40         | Cái         | Chất liệu thép y tế không gỉ, tương thích với vít xương cùng hãng sản xuất, có trợ cụ hỗ trợ.                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 470      | 145.6         | Nẹp bản hẹp các cỡ              | 40         | Cái         | Chất liệu thép y tế không gỉ, tương thích với vít xương cùng hãng sản xuất, có trợ cụ hỗ trợ.                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 471      | 145.7         | Nẹp bản rộng các cỡ             | 10         | Cái         | Chất liệu thép y tế không gỉ, tương thích với vít xương cùng hãng sản xuất, có trợ cụ hỗ trợ.                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 472      | 145.8         | Nẹp xương đòn trái, phải các cỡ | 40         | Cái         | Chất liệu thép y tế không gỉ, tương thích với vít xương cùng hãng sản xuất, có trợ cụ hỗ trợ.                                                                                                        | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 473      | 145.9         | Vít mặt 2.0mm                   | 400        | Cái         | Chất liệu Titanium. Có trợ cụ hỗ trợ.                                                                                                                                                                | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 474      | 145.10        | Vít xương 3.5mm                 | 400        | Cái         | Chất liệu thép y tế không gỉ. Đường kính thân vít khoảng 3.5mm. Có trợ cụ hỗ trợ.                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 475      | 145.11        | Vít xương 4.5mm                 | 400        | Cái         | Chất liệu thép y tế không gỉ. Đường kính thân vít khoảng 4.5mm. Có trợ cụ hỗ trợ.                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 476      | 145.12        | Đinh Kirschner các cỡ           | 200        | Cái         | Chất liệu thép y tế không gỉ. Các kích cỡ.                                                                                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |



| STT tổng | STT theo phần | Danh mục hàng hóa                              | Khối lượng | Đơn vị tính    | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                | Địa điểm thực hiện         | Ghi chú                                                                               |
|----------|---------------|------------------------------------------------|------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 477      | 145.13        | Chi thép các cỡ                                | 24         | Sợi            | Chất liệu thép y tế không gỉ mềm dẻo, một đầu có kim cong.                                                                                                                                    | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
|          |               | <b>VI. KHÍ Y TẾ</b>                            |            |                |                                                                                                                                                                                               |                            |                                                                                       |
| 478      | 146           | Khí Argon sử dụng cho máy phát tia Plasma lạnh | 80         | Bình           | Thành phần: Khí Argon độ tinh khiết trên 99.9%; $H_2O \leq 3 \text{ ppm}$ ; $N_2 \leq 5 \text{ ppm}$ ; $O_2 \leq 2 \text{ ppm}$ .                                                             | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 479      | 147           | Khí Oxy                                        | 200        | Bình           | - Thành phần: Khí Oxy y tế, độ tinh khiết trên 99.5%.<br>- Khí được nạp trong bình chịu áp lực, thể tích bình 40 lít.                                                                         | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 480      | 148           | Khí Oxy                                        | 100        | Bình           | - Thành phần: Khí Oxy y tế, độ tinh khiết trên 99.5%.<br>- Khí được nạp trong bình thể tích 10 lít.                                                                                           | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 481      | 149           | Oxy lỏng                                       | 60         | m <sup>3</sup> | - Oxy lỏng màu xanh nhạt, không mùi, độ tinh khiết trên 99.5%.<br>- Giao hàng tại khu vực Bồn Oxy lỏng (Lưu ý: Xe trọng tải nhỏ mới vào đến nơi, đơn vị dự thầu xin khảo sát trước địa hình). | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |
| 482      | 150           | Khí CO <sub>2</sub>                            | 10         | Bình           | - Thành phần: Khí CO <sub>2</sub> sử dụng trong y tế, độ tinh khiết trên 99.9%.<br>- Thể tích bình: 40 lít.                                                                                   | Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân | Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm file mềm (excel hoặc word) danh mục các mặt hàng báo giá |